

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Ngành: Sư Phạm tiếng Anh**  
**Mã số: 52.14.02.31**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Ngành: Sư Phạm tiếng Anh**  
**Mã số: 52.14.02.31**

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-ĐHSG-ĐT  
ngày tháng năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN 1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....</b>	<b>4</b>
1.1. Mục tiêu chung .....	4
1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra .....	4
1.2.1. Yêu cầu về kiến thức .....	4
1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng .....	4
1.2.3. Yêu cầu về thái độ .....	5
1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	5
1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	5
1.5. Các chương trình đã tham khảo.....	5
1.5.1. Các chương trình trong nước .....	5
1.5.2. Các chương trình nước ngoài .....	5
<b>PHẦN 2 NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>	<b>6</b>
2.1. Khái quát chương trình đào tạo .....	6
2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo .....	6
2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo .....	6
2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp .....	6
2.2. Khung chương trình đào tạo .....	7
2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành.....	9
2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ .....	10
<b>PHẦN 3 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN .....</b>	<b>13</b>
TIẾNG TRUNG 1 .....	14
TIẾNG TRUNG 2 .....	17
TIẾNG TRUNG 3 .....	20
TIẾNG PHÁP 1 .....	23
TIẾNG PHÁP 2.....	27
TIẾNG PHÁP 3 .....	32
LUYỆN ÂM .....	37
NGỮ ÂM – ÂM VỊ HỌC.....	41
NGỮ PHÁP .....	45
HÌNH THÁI – CÚ PHÁP HỌC .....	49
NGỮ NGHĨA HỌC .....	53
THƯỜNG THỨC ÂM NHẠC.....	57
NGÔN NGỮ HỌC SO SÁNH ĐỐI CHIẾU .....	60
NGỮ DỤNG HỌC.....	63

NGŨ PHÁP CHỨC NĂNG .....	67
ĐẤT NƯỚC HỌC ANH .....	70
ĐẤT NƯỚC HỌC MỸ.....	74
VĂN HỌC ANH.....	78
VĂN HỌC MỸ .....	82
KỸ NĂNG NGHE 1 .....	85
KỸ NĂNG NGHE 2 .....	89
KỸ NĂNG NGHE 3 .....	93
KỸ NĂNG NÓI 1 .....	98
KỸ NĂNG NÓI 2 .....	102
KỸ NĂNG NÓI 3 .....	107
KỸ NĂNG ĐỌC 1 .....	110
KỸ NĂNG ĐỌC 2.....	117
KỸ NĂNG ĐỌC 3 .....	123
KỸ NĂNG VIẾT 1 .....	127
KỸ NĂNG VIẾT 2 .....	132
KỸ NĂNG VIẾT 3 .....	135
NHẬP MÔN DỊCH THUẬT .....	139
KỸ NĂNG BIÊN DỊCH.....	142
KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH .....	145
CHUYÊN ĐỀ CÁC BÀI THI QUỐC TẾ.....	148
GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA.....	151
NGÔN NGỮ XÃ HỘI HỌC .....	155
PHÂN TÍCH ĐIỂN NGÔN.....	160
LÝ LUẬN DẠY HỌC TIẾNG ANH 1 .....	163
LÝ LUẬN DẠY HỌC TIẾNG ANH 2.....	167
THỰC HÀNH SỰ PHẠM THPT 1 .....	173
THỰC HÀNH SỰ PHẠM THPT 2.....	177
THỰC HÀNH SỰ PHẠM THPT 3 .....	182
THỰC HÀNH SỰ PHẠM THPT 4.....	186
KỸ NĂNG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH THPT 1 .....	189
KỸ NĂNG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH THPT 2.....	193
TIẾNG ANH TIỂU HỌC .....	198
KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NGOẠI NGỮ .....	202

CÔNG NGHỆ TRONG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ.....	206
THỰC HÀNH SỰ PHẠM THCS 1.....	210
THỰC HÀNH SỰ PHẠM THCS 2.....	214
THỰC HÀNH SỰ PHẠM THCS 3.....	219
THỰC HÀNH SỰ PHẠM THCS 4.....	224
KỸ NĂNG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH THCS 1 .....	227
KỸ NĂNG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH THCS 2 .....	231

## PHẦN 1

### MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm tiếng Anh có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức tốt về tiếng Anh và sử dụng thành thạo tiếng Anh, có khả năng thích ứng cao, có năng lực thực hành nghề nghiệp đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của nhà giáo, đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra

##### 1.2.1. Yêu cầu về kiến thức

###### • *Kiến thức chung*

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học của những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Trang bị tốt kiến thức pháp luật đại cương; nắm vững và thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục trong cả nước và tại Tp. Hồ Chí Minh;

- Hiểu biết và nắm bắt về giáo dục môi trường, dân số, an ninh quốc phòng, an toàn giao thông, quyền lợi và nghĩa vụ công dân;

- Có kiến thức về quản lý và điều hành liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.

###### • *Kiến thức chuyên ngành*

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh, văn hóa, xã hội và văn học Anh – Mỹ;

- Có đủ kiến thức và kỹ năng dạy tốt tiếng Anh ở các bậc học phổ thông;

- Rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) bằng tiếng Anh ở mức độ thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn thông thường;

- Đạt chuẩn tiếng Anh theo quy định về chuẩn đầu ra của Bộ Giáo dục và đào tạo; có khả năng sử dụng ở mức độ cơ bản ít nhất một ngoại ngữ phụ: Nga, Hoa, Đức, Pháp, Hàn, Nhật, v.v.;

- Có khả năng sử dụng máy tính và có kiến thức căn bản về tin học phục vụ cho chuyên ngành được đào tạo.

##### 1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau;

- Có năng lực sư phạm cao để đảm bảo yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy – học, kiểm tra đánh giá kết quả học môn Tiếng Anh ở bậc học phổ thông, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, hiệu quả của sự nghiệp giáo dục;

- Có kỹ năng tự đổi mới, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội;

- Nắm bắt và vận dụng các kỹ năng xây dựng kế hoạch giảng dạy tiếng Anh, tổ chức các hoạt động dạy – học và quản lý lớp học tiếng Anh cũng như các kiến thức về nghiên cứu ngôn ngữ, phương pháp dạy học tiếng Anh tại các cơ sở đào tạo và nghiên cứu;

- Có kỹ năng khai thác, xử lý thông tin và phản biện bằng tiếng Anh;

- Có kỹ năng biên – phiên dịch tiếng Anh, thuyết trình, viết báo cáo bằng tiếng Anh.

### **1.2.3. Yêu cầu về thái độ**

Có phẩm chất tốt đẹp của người giáo viên yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực.

### **1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

Giáo viên giảng dạy chương trình tiếng Anh ở các bậc học phổ thông, hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như giảng dạy, phiên dịch, các hoạt động nghiệp vụ, kinh doanh, kinh tế và xã hội cần tiếng Anh.

### **1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Có thể học tiếp chương trình Thạc sĩ TESOL trong và ngoài nước. Có khả năng tự học, tự bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học để nâng cao kiến thức và năng lực của bản thân.

### **1.5. Các chương trình đã tham khảo**

#### **1.5.1. Các chương trình trong nước**

- Chương trình của Đại học Ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội
- Chương trình của Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
- Chương trình của Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh
- Chương trình của Đại học Cần Thơ

#### **1.5.2. Các chương trình nước ngoài**

- Chương trình của University of Canberra (Australia).
- Chương trình của University of Sydney (Australia).

**DUYỆT  
HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**KT. TRƯỞNG KHOA/NGÀNH  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**PGS.TS. Phạm Hoàng Quân**

**TS. My Giang Sơn**

**ThS. Trần Ngọc Mai**

## PHẦN 2

### NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 2.1. Khái quát chương trình đào tạo

##### 2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo

- Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
- Thời gian đào tạo: 04 năm.

##### 2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ trong chương trình: **149** tín chỉ. Sinh viên phải tích lũy tối thiểu **132** tín chỉ (không kể 03 tín chỉ của môn học Giáo dục thể chất và 08 tín chỉ của môn học Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:

- Khối kiến thức chung: **19** tín chỉ (bắt buộc: 12 tín chỉ; tự chọn: 7 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở: **24** tín chỉ (bắt buộc: 22 tín chỉ; tự chọn 2 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành: **45** tín chỉ (bắt buộc: 45 tín chỉ; tự chọn 0 tín chỉ);
- Khối kiến thức chuyên ngành: **25** tín chỉ (bắt buộc: 23 tín chỉ; 2 tín chỉ)
- Thực tập nghề nghiệp: **9** tín chỉ.
- Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: **10** tín chỉ

##### 2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo quy định;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học do Hiệu trưởng quy định;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;
- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.



## 2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
<b>I Khối kiến thức chung: 19 /132 tín chỉ</b>										
<i>Bắt buộc: 12/19 tín chỉ</i>										
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5	75				75	1	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2	30				30	1	861001
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3	45				45	1	861002
4	Pháp luật đại cương	865006	2	30				30	1	
5	Giáo dục thể chất (I)	862101	1				30	30	0.5	
6	Giáo dục thể chất (II)	862102	1				30	30	0.5	862101
7	Giáo dục thể chất (III)	862103	1				30	30	0.5	862101
8	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (I)	862106	3	45				45	1	861003
9	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (II)	862107	2	30				30	1	
10	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (III)	862108	3				45	45	1	
<i>Tự chọn: 07/19 tín chỉ (SV chọn 01 trong 02 ngoại ngữ)</i>										
11	Tiếng Trung 1	813101	2	30				30	1	
12	Tiếng Trung 2	813002	2	30				30	1	813101
13	Tiếng Trung 3	813003	3	45				45	1	813002
14	Tiếng Pháp 1	813102	2	30				30	1	
15	Tiếng Pháp 2	813103	2	30				30	1	813102
16	Tiếng Pháp 3	813104	3	45				45	1	813103
<b>II Khối kiến thức cơ sở: 24/132 tín chỉ</b>										
<i>Bắt buộc: 22 /24 tín chỉ</i>										
17	Luyện âm	813020	2	30				30	1	
18	Ngữ âm – âm vị học	813021	2	30				30	1	813020
19	Ngữ pháp	813106	3	45				45	1	
20	Hình thái – Cú pháp học	813301	3	45				45	1	813106
21	Ngữ nghĩa học	813026	2	30				30	1	813301
22	Tiếng Việt thực hành	865001	2	30				30	1	
23	Cơ sở văn hóa Việt Nam	865002	2	30				30	1	
24	Phương pháp nghiên cứu KHGD	863009	2	30				30	1	863004 863008
25	Tâm lý học đại cương	863001	2	30				30	1	
26	Giáo dục học đại cương	863005	2	30				30	1	
<i>Tự chọn: 2/24 tín chỉ</i>										
27	Thường thức âm nhạc	813302	2	30				30	1	
28	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	813303	2	30				30	1	
29	Ngữ dụng học	813304	2	30				30	1	813026
30	Ngữ pháp chức năng	813305	2	30				30	1	813106
<b>II Khối kiến thức ngành: 45 /132 tín chỉ</b>										
<i>Bắt buộc: 45 /45 tín chỉ</i>										

31	Đất nước học Anh	813054	2	30				30	1	813062
32	Đất nước học Mỹ	813055	2	30				30	1	813062
33	Văn học Anh	813050	2	30				30	1	813054
34	Văn học Mỹ	813053	2	30				30	1	813055
35	Kỹ năng Nghe 1	813051	2	30				30	1	
36	Kỹ năng Nghe 2	813056	2	30				30	1	813051
37	Kỹ năng Nghe 3	813306	2	30				30	1	813056
38	Kỹ năng Nói 1	813059	2	30				30	1	
39	Kỹ năng Nói 2	813060	2	30				30	1	813059
40	Kỹ năng Nói 3	813307	3	45				45	1	813060
41	Kỹ năng Đọc 1	813062	2	30				30	1	
42	Kỹ năng Đọc 2	813063	2	30				30	1	813062
43	Kỹ năng Đọc 3	813308	2	30				30	1	813063
44	Kỹ năng Viết 1	813064	3	45				45	1	
45	Kỹ năng Viết 2	813065	3	45				45	1	813064
46	Kỹ năng Viết 3	813066	3	45				45	1	813065
47	Nhập môn dịch thuật	813309	3	45				45	1	
48	Kỹ năng Biên dịch	813310	3	45				45	1	813309
49	Kỹ năng Phiên dịch	813078	3	45				45	1	813309
<b>Tự chọn: 0/45 tín chỉ</b>										
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành: 25/132 tín chỉ</b>									
<i>Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành được ghi trong mục 2.3</i>										
<b>V</b>	<b>Thực tập: 9 /132 tín chỉ</b>									
50	Thực tập sư phạm 1	863115	3							813314 hoặc 813323
51	Thực tập sư phạm 2	863014	6							813315 hoặc 813324; và 863115
<b>VI</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp / các học phần thay thế: 10 /132 tín chỉ</b>									
52	Khóa luận tốt nghiệp	813099	10							
<b>Các học phần thay thế KLTN</b>			<b>10</b>							
53	Chuyên đề các bài thi quốc tế	813311	3	45				45	1	
54	Giao tiếp liên văn hóa	813077	3	45				45	1	813063
55	Ngôn ngữ xã hội học	813076	2	30				30	1	813301
56	Phân tích diễn ngôn	813075	2	30				30	1	813026
<b>Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy</b>			<b>132 tín chỉ/ 149 tín chỉ</b>							

### 2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
<b>I Chuyên ngành 1: Đào tạo giáo viên tiếng Anh THPT (25/132 tín chỉ)</b>										
<i>Bắt buộc: 23/25 tín chỉ</i>										
57	TLH lứa tuổi THPT và TLH sư phạm	863004	2	30				30	1	863001
58	Tổ chức HĐDH và giáo dục ở trường THPT	863008	3	45				45	1	863005
59	Quản lý HCNN & QL ngành GD-ĐT (THPT)	863012	2	30				30	1	863008
60	Lý luận dạy học tiếng Anh 1	813312	3	45				45	1	
61	Lý luận dạy học tiếng Anh 2	813313	3	45				45	1	813312
62	Thực hành sư phạm THPT 1	813110	1				25	25	0.6	
63	Thực hành sư phạm THPT 2	813111	1				25	25	0.6	813110
64	Thực hành sư phạm THPT 3	813112	1				25	25	0.6	813111
65	Thực hành sư phạm THPT 4	813113	1				25	25	0.6	813112
66	Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh THPT 1	813314	3	45				45	1	813313
67	Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh THPT 2	813315	3	45				45	1	813314
<i>Tự chọn: 2/25 tín chỉ</i>										
68	Tiếng Anh tiểu học	813316	2	30				30	1	813313
69	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	813317	2	30				30	1	813313
70	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	813318	2	30				30	1	813313
<b>II Chuyên ngành 2: Đào tạo giáo viên tiếng Anh THCS (25/132 tín chỉ)</b>										
<i>Bắt buộc: 23/25 tín chỉ</i>										
71	TLH lứa tuổi THCS và TLH sư phạm	763004	2	30				30	1	863001
72	Tổ chức HĐDH và giáo dục ở trường THCS	763008	3	45				45	1	863005
73	Quản lý HCNN & QL ngành GD-ĐT (THCS)	763012	2	30				30	1	763008
74	Lý luận dạy học tiếng Anh 1	813312	3	45				45	1	
75	Lý luận dạy học tiếng Anh 2	813313	3	45				45	1	813312
76	Thực hành sư phạm THCS 1	813319	1				25	25	0.6	
77	Thực hành sư phạm THCS 2	813320	1				25	25	0.6	813319
78	Thực hành sư phạm THCS 3	813321	1				25	25	0.6	813320
79	Thực hành sư phạm THCS 4	813322	1				25	25	0.6	813321
80	Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh THCS 1	813323	3	45				45	1	813313
81	Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh THCS 2	813324	3	45				45	1	813323
<i>Tự chọn: 2/25 tín chỉ</i>										
83	Tiếng Anh tiểu học	813316	2	30				30	1	813313
83	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	813317	2	30				30	1	813313
84	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	813318	2	30				30	1	813313

## 2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung: 19 / 132 tín chỉ</b>											
	<b>Bắt buộc: 12 / 19 tín chỉ</b>											
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5	x								
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2		x							
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3			x						
4	Pháp luật đại cương	865006	2	x								
5	Giáo dục thể chất (I)	862101	1	x								
6	Giáo dục thể chất (II)	862102	1		x							
7	Giáo dục thể chất (III)	862103	1			x						
8	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (I)	862106	3				x					
9	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (II)	862107	2		x							
10	Giáo dục Quốc phòng-An ninh (III)	862108	3			x						
	<b>Tự chọn: 07 / 19 tín chỉ</b>											
11	Tiếng Trung 1	813101	2		x							
12	Tiếng Trung 2	813002	2			x						
13	Tiếng Trung 3	813003	3				x					
14	Tiếng Pháp 1	813102	2		x							
15	Tiếng Pháp 2	813103	2			x						
16	Tiếng Pháp 3	813104	3				x					
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở: 24 / 132 tín chỉ</b>											
	<b>Bắt buộc: 22/24 tín chỉ</b>											
17	Luyện âm	813020	2	x								
18	Ngữ âm – âm vị học	813021	2		x							
19	Ngữ pháp	813106	3	x								
20	Hình thái - Cú pháp học	813301	3				x					
21	Ngữ nghĩa học	813026	2						x			
22	Tiếng Việt thực hành	865001	2		x							
23	Cơ sở văn hóa Việt Nam	865002	2			x						
24	Phương pháp nghiên cứu KHGD	863009	2						x			
25	Tâm lý học đại cương	863001	2	x								
26	Giáo dục học đại cương	863005	2	x								
	<b>Tự chọn: 2/24 tín chỉ</b>											
27	Thường thức âm nhạc	813302	2								x	
28	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	813303	2							x		
29	Ngữ dụng học	813304	2							x		
30	Ngữ pháp chức năng	813305	2			x						
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức ngành: 45 / 132 tín chỉ</b>											
	<b>Bắt buộc: 45 / 45 tín chỉ</b>											
31	Đất nước học Anh	813054	2		x							
32	Đất nước học Mỹ	813055	2			x						
33	Văn học Anh	813050	2				x					
34	Văn học Mỹ	813053	2					x				



66	Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh THPT 1	813314	3						x				
67	Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh THPT 2	813315	3								x		
<b>Tự chọn: 2/25 tín chỉ</b>													
68	Tiếng Anh tiểu học	813316	2							x			
69	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	813317	2							x			
70	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	813318	2							x			
<b>II Chuyên ngành 2: Đào tạo giáo viên tiếng Anh THCS (24/132 tín chỉ)</b>													
<b>Bắt buộc: 23/25 tín chỉ</b>													
71	TLH lứa tuổi THCS và TLH sư phạm	863004	2		x								
72	Tổ chức HĐDH và giáo dục ở trường THCS	863008	3			x							
73	Quản lý HCNN & QL ngành GD-ĐT (THCS)	863012	2				x						
74	Lý luận dạy học tiếng Anh 1	813312	3			x							
75	Lý luận dạy học tiếng Anh 2	813313	3				x						
76	Thực hành sư phạm THCS 1	813319	1		x								
77	Thực hành sư phạm THCS 2	813320	1			x							
78	Thực hành sư phạm THCS 3	813321	1				x						
79	Thực hành sư phạm THCS 4	813322	1					x					
80	Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh THCS 1	813323	3						x				
81	Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh THCS 2	813324	3									x	
<b>Tự chọn: 2/25 tín chỉ</b>													
82	Tiếng Anh tiểu học	813316	2							x			
83	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	813317	2							x			
84	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	813318	2							x			

**DUYỆT**  
**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**KT. TRƯỞNG KHOA/NGÀNH**  
**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**PGS.TS. Phạm Hoàng Quân**

**TS. My Giang Sơn**

**ThS. Trần Ngọc Mai**

**PHẦN 3**  
**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN**

**HỌC PHẦN  
 TIẾNG TRUNG 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Trung 1
- Mã học phần: 813101
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (15; 15; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

**3. Mô tả học phần**

Mục tiêu chủ yếu là giúp người học nắm vững các kỹ năng phát âm và có thể biết đọc, biết viết một số lượng nhất định chữ Hán thường dùng.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Nắm được qui tắc ngữ âm tiếng Hán, bao gồm thanh mẫu, vận mẫu, ghép thanh mẫu với vận mẫu, thanh điệu, đặc điểm và phương pháp phát âm thanh nhẹ, sự biến điệu của thanh điệu, quy tắc phát âm của âm cuốn lưỡi, ngữ điệu và trọng âm của câu.
- Nắm được qui tắc viết chữ theo thứ tự các nét.

4.2. Về kỹ năng

- Có thể đọc được phiên âm chữ Hán.
- Biết viết chữ Hán theo đúng qui tắc.

4.3. Về thái độ

- Thái độ học tập nghiêm túc và tích cực
- Có ý thức rèn luyện chữ viết và cách phát âm.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Bài 1 : Xin chào! (你好)</b>	<b>8</b>	Giảng lý thuyết ngữ âm kết hợp trình chiếu slide về sơ đồ bộ phận phát âm
1. Vận mẫu: a o e i u u ai ei ao ou và thanh mẫu b p m f d t n l g k h		



2. Bốn thanh điệu trong tiếng Hán		
3. Biến điệu của thanh 3		
4. Các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ		
<b>Bài 2 : Tiếng Hán không khó lắm (汉语不太难)</b>		
1. Vận mẫu: an en ang eng ong	6	Cho nghe băng rèn luyện khả năng phân biệt các âm và thanh điệu
2. Thanh nhẹ và các từ mang thanh nhẹ		
3. Cách đọc của thanh 3 khi đứng trước thanh 1,2,4.		
4. Tiến hành đối thoại theo bài khoá		
<b>Bài 3: Cảm ơn (谢谢! )</b>		
1. Thanh mẫu j q x và vận mẫu i ia ie iao iou(iu) ian in iang ing iong	4	Rèn luyện viết chữ, cách phát âm.
2. Biến điệu của “不”		
3. Đọc bài khoá		
<b>Bài 4: Bạn đi đâu? (你去哪儿? )</b>		
1. Thanh mẫu z c s và vận mẫu i er ua uo uai uei(ui) uan uen(un)	4	Rèn luyện viết chữ, tập đối thoại
2. Âm cuốn lưỡi		
3. Tên các ngày trong tuần		
4. Đối thoại theo bài khoá		
<b>Bài 5: Đây là sách gì? (这是什么书? )</b>		
1. Thanh mẫu zh ch sh r và vận mẫu -i cùng cách phối hợp âm tiết.	4	Rèn luyện viết chữ, tập đối thoại
2. Đối thoại theo bài khoá		
<b>Bài 6: Ôn tập: Đây là thầy Vương (这是王老师)</b>		
1. Ôn tập toàn bộ các thanh mẫu, vận mẫu đã học và cách phối hợp các âm tiết.	4	Ôn tập từ bài 1 đến bài 5
2. Tập viết chữ		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục (biên dịch-2004), *Giáo trình Hán ngữ*, Tập 1 - quyển 1, NXB Khoa học Xã hội.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình (2005), *Giáo trình “301 câu đàm thoại tiếng Hoa”*, NXB Tổng hợp TPHCM.

2. Lê Đình Khản (1997), *Những vấn đề cơ bản của chữ Hán*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3. Phan Kỳ Nam (1994), *Ngữ pháp tiếng Hoa đại cương*, NXB Trẻ.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1 bài

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Phạm Thị Đoàn Trang

**HỌC PHẦN  
 TIẾNG TRUNG 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Trung 2
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (15; 15; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Tiếng Trung 1 (813101)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

**3. Mô tả học phần**

Tiếp tục luyện tập và củng cố ngữ âm, chú trọng luyện ngữ điệu, ngữ khí và trọng âm. Thông qua giảng luyện bài khoá và mẫu câu đơn giản để bồi dưỡng cho sinh viên những kĩ năng ngôn ngữ về nghe nói đọc viết trong giai đoạn đầu.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Nắm được nguyên tắc cơ bản về cách đọc và cách viết
- Nắm được một số điểm ngữ pháp

4.2. Về kĩ năng

Có khả năng giao tiếp những câu đơn giản hàng ngày.

4.3. Về thái độ

Cần có ý thức chuyên cần.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Bài 7: Tôi học tiếng Hán (我学习汉语)</b>	5	Tập nghe và nói theo băng
1. Biến điệu của thanh 3 và thanh nhẹ. 2. Cách hỏi họ tên và quốc tịch người khác và cách tự giới thiệu họ tên và quốc tịch của mình.		
<b>Bài 8: Bạn ăn gì? (你吃什么?)</b>	5	Tập đối thoại
1. Sự biến điệu của số từ “一” 2. Cách dùng lượng từ “个”		

3.Cách mua thức ăn và gọi món ăn		
<b>Bài 9: Bao nhiêu tiền một cân táo (苹果多少钱一斤)</b>	5	Luyện chính tả, làm bài tập theo yêu cầu.
1. Luyện tập ngữ âm		
2. Trợ từ ngữ khí “吧”		
3. Cách mua bán, hỏi giá và mặc cả		
<b>Bài 10: Tôi đổi Nhân Dân Tệ (我换人民币)</b>	5	Luyện khẩu ngữ, viết chính tả
1.Luyện ngữ âm		
2.Tên các loại tiền bằng tiếng Hán.		
3.Cách nói đổi các loại tiền		
<b>Bài 11: Anh ấy sống ở đâu? (他住哪儿?)</b>	5	Cho xem một số video theo chủ đề đã học.
1. Luyện ngữ âm.		
2. Mối quan hệ giữa trật tự từ và ngữ pháp tiếng Hán.		
3. Kết cấu cơ bản của câu vị ngữ động từ: 主语( S ) + 动词( V ) + 宾语( O )		
4. Đối thoại theo bài khoá		
<b>Bài 12: Ôn tập 2: Bạn khỏe không? (你身体好吗)</b>	5	Ôn lại một số trọng điểm
1.Luyện ngữ âm.		
2.Cách hỏi thăm: “好久不见了, 你身体好吗?”		
3.Cách dùng của lượng từ: 个、本、枝		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục (biên dịch-2004), *Giáo trình Hán ngữ*, Tập 1- quyển 1, NXB Khoa học Xã hội.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình (2005), *Giáo trình “301 câu đàm thoại tiếng Hoa”*, NXB Tổng hợp TPHCM.

2. Lê Đình Khản (1997), *Những vấn đề cơ bản của chữ Hán*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3. Phan Kỳ Nam (1994), *Ngữ pháp tiếng Hoa đại cương*, NXB Trẻ.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Phạm Thị Đoàn Trang

**HỌC PHẦN  
 TIẾNG TRUNG 3**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Trung 3
- Mã học phần: 813003
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (20; 25; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Tiếng Trung 2 (813002)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

**3. Mô tả học phần**

Thông qua các đoạn hội thoại và những đoạn văn ngắn sinh động, củng cố ngữ pháp, mở rộng lượng từ vựng, nâng cao khả năng biểu đạt ngôn ngữ và khả năng giao tiếp.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Phát âm chính xác thanh điệu và phân biệt được thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu.
- Có thể dùng từ, mẫu câu để tiến hành hội thoại đơn giản trong cuộc sống thường ngày.

4.2. Về kĩ năng

Nâng cao khả năng nghe, nói, đọc, viết.

4.3. Về thái độ

Người học phải thường xuyên ôn tập, củng cố và nâng cao những kiến thức đã học.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Bài 13: Chúng tôi đều là lưu học sinh. (我们都是留学生)</b>	<b>6</b>	Đàm thoại theo chủ đề, kiểm tra bài cũ.
1.Cách hỏi và trả lời câu nghi vấn “.....吗?”		
2.Vị trí của trạng ngữ trong câu.		

3. Phó từ “也” và “都” làm trạng ngữ.		
4. cách giới thiệu (tên, chức danh, quốc tịch của một người ) và cách xin lỗi.		
<b>Bài 14: Bạn học ở đâu? (你在哪儿学习?)</b>		
1. Cách dùng các đại từ nghi vấn : 什么、哪儿...	6	Đàm thoại theo chủ đề, kiểm tra bài cũ.
2. Nắm được cấu trúc, vai trò, vị trí của định ngữ và trợ từ kết cấu “的”.		
3. Cách sử dụng giới từ “在”, “给” và tân ngữ của nó làm trạng ngữ của động từ.		
<b>Bài 15: Cái vali này rất nặng. (这个箱子很重)</b>		
1. Kết cấu của câu vị ngữ hình dung từ.	6	Đàm thoại theo chủ đề, luyện nghe theo băng
2. Cách hỏi dùng câu chính phủ.		
3. Nắm được cách dùng từ tổ chữ “的”.		
<b>Bài 16: Xe của bạn mới hay cũ? (你的车是新的还是旧的?)</b>		
1. Câu hỏi lựa chọn: ... 还是... ?	6	Đàm thoại theo chủ đề, luyện nghe theo băng
2. Câu hỏi tình lược dùng “呢”.		
<b>Bài 17: Công ty bạn có bao nhiêu nhân viên? (你们公司有多少职员?)</b>		
1. Câu chữ “有” : A+(没)有+B	6	Tập trả lời câu hỏi. Yêu cầu làm bài tập trước khi đến lớp.
2. Nắm được cách đếm số.		
3. Kết cấu của cụm từ chỉ số lượng: 数+量+名		
4. Nắm được cách dùng, vị trí của “多”		
5. Phân biệt cách dùng, ý nghĩa của: “二” và “两”, “都不是” và “不都是”		
6. Cách dùng của “几” và “多少”		
<b>Bài 18: Bài ôn tập: Căn phòng của tôi. (我的房间)</b>	3	Tập đọc và viết 1 đoạn văn ngắn
<b>Bài 19: Bạn có thường xuyên đến thư viện không? (你常去图书馆吗?)</b>		
1. Từ ngữ chỉ thời gian làm trạng ngữ.	6	Đàm thoại theo chủ đề, kiểm tra bài cũ.
2. Sự khác nhau giữa: “还是” và “或者”; “咱们” và “我们”; “总” và “常”; “很少” và “很多”		
3. Cách dùng của: “好吗? ” ; trợ từ ngữ khí “吧”		
<b>Bài 20: Bạn ấy đang làm gì thế? (他在做什么?)</b>		
1. Cách dùng và ý nghĩa của các từ:	6	Đàm thoại theo chủ đề, kiểm tra bài cũ. Ôn lại một số ngữ pháp trọng

在/正/正在…。呢。		điểm.
2.Nắm được kết cấu của câu có hai tân ngữ.		
3.Cách hỏi phương thức của hành vi động tác: 怎么+动词		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục (biên dịch -2004), *Giáo trình Hán ngữ*, Tập 1-quyển 1, quyển 2, NXB Khoa học Xã hội.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình (2005), *Giáo trình “301 câu đàm thoại tiếng Hoa”*, NXB Tổng hợp TPHCM.

2. Lê Đình Khản (1997), *Những vấn đề cơ bản của chữ Hán*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3. Phan Kỳ Nam (1994), *Ngữ pháp tiếng Hoa đại cương*, NXB Trẻ.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Phạm Thị Đoàn Trang



**HỌC PHẦN  
TIẾNG PHÁP 1****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Pháp 1
- Mã học phần: 813102
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết: (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học HP/MH:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần:**

Với thời lượng là 30 tiết (tương đương với 25 giờ), học phần Tiếng Pháp 1 sẽ trang bị cho sinh viên một phần kiến thức về ngôn ngữ Pháp ở trình độ A1 (thời lượng dạy và học là 100 giờ) theo Khung tham chiếu chung của Cộng đồng Châu Âu dành cho các ngôn ngữ (Cadre européen commun de référence pour les langues), kỹ năng giao tiếp, chủ yếu là nghe hiểu và nói những câu giao tiếp thông dụng và với thái độ tự tin, có thể đối đáp trong những tình huống giao tiếp đơn giản. Sau 15 tiết học và làm quen với tiếng Pháp, sinh viên sẽ được kiểm tra và đánh giá qua bài kiểm tra giữa kì. Ngoài ra, trong quá trình giảng dạy, giáo viên sẽ kết hợp thêm việc đánh giá năng lực sinh viên qua các bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức:**

- Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về từ vựng và mẫu câu trong tiếng Pháp.
- Giúp sinh viên nói, nghe và hiểu các đoạn giao tiếp cơ bản trong tiếng Pháp; đọc và viết được các đoạn văn ngắn về cách tự giới thiệu và giới thiệu người khác, về mô tả và định vị các sự vật bằng tiếng Pháp.

**4.2. Về kỹ năng:**

Sau khi học xong, sinh viên có thể nghe, nói, đọc và viết được những mẫu câu đơn giản về giao tiếp, mô tả người, mô tả đồ vật trong tiếng Pháp.

## 4.3 Về thái độ:

Sinh viên phát huy tinh thần làm việc theo nhóm, theo tập thể để tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả hơn, đồng thời phát huy tinh thần học hỏi, tư duy trong học tập.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Leçon 0: PREMIERS CONTACTS</b>	4	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)
1.1. Les lettres de l’alphabet		
1.2. L’alphabet phonétique		
1.3. Épellation – Les accents		
1.4. Les nombres (de 1 à 1.000.000)		
1.5. Les phrases utiles de la classe		
<b>2. Leçon 1: BIENVENUE!</b>	4	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ điểm của bài học và làm bài tập theo nhóm.
2.1. Objectifs communicatifs		
2.1.1. Saluer		
2.1.2. Demander et dire le prénom et le nom		
2.2. Objectifs linguistiques		
2.2.1. Les verbes <i>être, s’appeler</i> au présent		
2.2.2. Les pronoms personnels		
2.2.3. Masculin et féminin des noms		
2.2.4. L’interrogation avec qui		
2.3. Savoir-faire: Se présenter et présenter quelqu’un		
<b>3. Leçon 2: QUI EST-CE?</b>	4	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ điểm của bài học và làm bài tập theo nhóm.
3.1. Objectifs communicatifs		
3.1.1. Identifier une personne		
3.2. Objectifs linguistiques		
3.2.1. L’article défini au singulier		
3.2.2. Le genre des noms et des adjectifs		
3.2.3. Prépositions + noms de pays et de ville		
3.3. Savoir-faire : Faire connaissance avec quelqu’un		
<b>4. Leçon 3: ÇA VA BIEN?</b>	4	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ điểm của bài học
4.1. Objectifs communicatifs		
4.1.1 Aborder quelqu’un		
4.1.2 Demander l’âge, l’adresse, le numéro de téléphone		

4.2. Objectifs linguistiques		và làm bài tập theo nhóm.
4.2.1. Les verbes <i>aller</i> et <i>avoir</i> au présent		
4.2.2. L'adjectif possessif au singulier et au pluriel		
4.2.3. L'article indéfini		
4.2.4. L'adjectif interrogatif <i>quel</i> et <i>quelle</i>		
4.3. Savoir-faire : Demander des nouvelles d'une personne		
<b>5. Leçon 4: <a href="http://CORRESPONDANCE.COM">CORRESPONDANCE.COM</a></b>	3	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa) Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
5.1. Objectifs communicatifs		
5.1.1. Parler de ses goûts		
5.2. Savoir-faire		
5.2.1. Chercher un(e) correspondant(e)		
5.2.2. Lateral explosion		
<b>6. Kiểm tra giữa kì</b>	2	
<b>7. Leçon 5: TROUVEZ L'OBJET</b>	3	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
7.1. Objectifs communicatifs		
7.1.1. Nommer, montrer et situer des objets		
7.2. Objectifs linguistiques		
7.2.1. Le pluriel des articles et des noms		
7.2.2. <i>Il y a</i>		
7.2.3. L'interrogation avec <i>qu'est-ce que</i>		
7.3. Savoir-faire : Décrire et localiser des objets		
<b>8. Leçon 6: PORTRAIT – ROBOT</b>	4	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
8.1. Objectifs communicatifs		
8.1.1. Exprimer la possession		
8.1.2. Indiquer les couleurs		
8.2. Objectifs linguistiques		
8.2.1. Les pronoms toniques		
8.2.2. La négation <i>ne...pas</i>		
8.2.3. L'accord des adjectifs avec le nom		
8.3. Savoir-faire : Identifier quelqu'un		
<b>9. Ôn tập</b>	2	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1) CAPELLE G. et MENAND R., *Le nouveau Taxi 1, Méthode de français*, Hachette Livre, Paris, 2009.

2) CAPELLE G. et MENAND R., *Le nouveau Taxi 1, Cahier d'exercices*, Hachette Livre, Paris, 2009.

## 6.2. Tài liệu khác

- 1) MONNERIE–GOARIN Annie et SIREJOLS Evelyne, *Champion 1*, CLE international, Paris, 2001.
- 2) GIRARDET J. et PÉCHEUR J., *Campus 1*, CLE International, Paris, 2002.
- 3) AUGÉ H. et al, *Tout va bien 1*, CLE International, Paris, 2004.
- 4) Các trang web: [www.fle.fr](http://www.fle.fr), [www.edufle.fr](http://www.edufle.fr), [www.bonjourdefrance.com](http://www.bonjourdefrance.com)

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Huỳnh Ngọc Trang

**HỌC PHẦN  
 TIẾNG PHÁP 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Pháp 2
- Mã học phần: 813103
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết: (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học HP/MH:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Tiếng Pháp 1 (813102)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần:**

Học phần sẽ trang bị tiếp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ Pháp ở trình độ A1 (thời lượng dạy và học là 100 giờ) theo Khung tham chiếu chung của Cộng đồng Châu Âu dành cho các ngôn ngữ (Cadre européen commun de référence pour les langues), kĩ năng giao tiếp, chủ yếu là nghe hiểu và nói những câu giao tiếp thông dụng và với thái độ tự tin, có thể đối đáp trong những tình huống giao tiếp đơn giản. Các bài học được xây dựng kết hợp phần lý thuyết và thực hành. Sau 15 tiết học, sinh viên sẽ được kiểm tra và đánh giá qua bài kiểm tra giữa kì. Ngoài ra, trong quá trình giảng dạy, giáo viên sẽ kết hợp thêm việc đánh giá năng lực sinh viên qua các bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1 Về kiến thức:**

- Trang bị cho sinh viên từ vựng và mẫu câu theo từng chủ đề: mua sắm, miêu tả căn nhà hoặc căn hộ, hỏi và chỉ đường, trình bày những thông tin về du lịch hoặc về các chuyến đi.

- Giúp sinh viên luyện tập giao tiếp bằng tiếng Pháp theo các chủ đề.

**4.2 Về kĩ năng:** Sau khi học xong, sinh viên có thể nghe, nói, đọc, và viết được các mẫu câu, đoạn văn cơ bản bằng tiếng Pháp.

4.2 Về thái độ: Sinh viên phát huy tinh thần làm việc theo nhóm, theo tập thể để tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả hơn, đồng thời phát huy tinh thần học hỏi, tư duy trong học tập.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>10. Leçon 7: SHOPPING</b>	4	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ điểm của bài học và làm bài tập theo nhóm.
10.1. Objectifs communicatifs		
10.1.1. caractériser un objet		
10.1.2. demander et indiquer le prix Demander et indiquer le prix		
10.1.3. exprimer des goûts		
10.2. Objectifs linguistiques		
10.2.1. l'adjectif interrogatif <i>quels et quelles</i>		
10.2.2. l'interrogation avec <i>comment, combien</i>		
10.2.3. les adjectifs démonstratifs <i>ce(s), cet(te)</i>		
10.3. Savoir-faire : Faire des achats		
<b>11. Leçon 9: APPARTEMENT À LOUER</b>	4	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ điểm của bài học và làm bài tập theo nhóm.
11.1. Objectifs communicatifs		
11.1.1. localiser un lieu sur un plan		
11.1.2. S'informer sur un lieu		
11.1.3. Décrire un appartement		
11.2. Objectifs linguistiques		
11.2.1. Les pronoms toniques au pluriel		
11.2.2. Les prépositions + nom		
11.2.3. L'interrogation avec <i>où</i>		
11.3. Savoir-faire : Comprendre une annonce immobilière		
<b>12. Leçon 10: C'EST PAR OÙ?</b>	5	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)
12.1. Objectifs communicatifs		
12.1.1.		

emander son chemin		Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ điểm của bài học và làm bài tập theo nhóm.
12.1.2. ndiquer une direction		
12.1.3. ndiquer un moyen de transport		
12.2. Objectifs linguistiques		
12.2.1. 'impératif		
12.2.2. <i>rendre</i> au présent		
12.2.3. es prépositions et articles contractés		
12.2.4. 'adverbe <i>Y</i>		
12.3. Savoir-faire : Demander et in diquer un chemin		
<b>13. Kiểm tra giữa kì</b>	2	
<b>14. Leçon 11: BON VOYAGE!</b>	4	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ điểm của bài học và làm bài tập theo nhóm.
14.1. Objectifs communicatifs		
14.1.1. ituer un lieu sur une carte		
14.1.2. onner un conseil		
14.2. Objectifs linguistiques		
14.2.1. 'est + lieu/+ article +nom/ + adjective		
14.2.2. es préposition de lieu		
14.2.3. e pronom sujet <i>On</i>		
14.3. Savoir-faire: Présenter des informations touristiques		
<b>15. Leçon 13: UN ALLER SIMPLE</b>	4	
15.1. Objectifs communicatifs		
15.1.1. emander et donner l'heure		
15.1.2. ndiquer une date		
15.1.3. emander poliment		
15.2. Objectifs linguistiques		

15.2.1. 'interrogation avec <i>quand, quelle</i>		
15.2.2. e verbe <i>Partir</i> au présent		
15.3. Savoir-faire: Réserver un billet de train		
<b>16. Leçon 14: À LONDRES</b>	5	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
16.1. Objectifs communicatifs		
16.1.1. emander la profession de quelqu'un		
16.1.2. ituer dans le temps		
16.2. Objectifs linguistiques		
16.2.1. <i>aire</i> au présent		
16.2.2. 'interrogation avec <i>est-ce que, qu'est-ce que, quand est-ce que, où est-ce que</i>		
16.2.3. e genre des noms		
16.3. Savoir-faire: S'informer sur les activités des autres		
<b>17. Ôn tập</b>	2	

## 6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1) CAPELLE G. et MENAND R., *Le nouveau Taxi 1, Méthode de français*, Hachette Livre, Paris, 2009.

2) CAPELLE G. et MENAND R., *Le nouveau Taxi 1, Cahier d'exercices*, Hachette Livre, Paris, 2009.

6.2. Tài liệu khác

1) MONNERIE-GOARIN Annie et SIREJOLS Evelyne, *Champion 1*, CLE international, Paris, 2001.

2) GIRARDET J. et PÉCHEUR J., *Campus 1*, CLE International, Paris, 2002.

3) AUGÉ H. et al, *Tout va bien 1*, CLE International, Paris, 2004.

4) Các trang web: [www.fle.fr](http://www.fle.fr), [www.edufle.fr](http://www.edufle.fr), [www.bonjourdefrance.com](http://www.bonjourdefrance.com)

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1



7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Huỳnh Ngọc Trang

**HỌC PHẦN  
TIẾNG PHÁP 3****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Pháp 3
- Mã học phần: 813104
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- Số tiết: (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học HP/MH:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Tiếng Pháp 2 (813103)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần:**

Học phần sẽ trang bị tiếp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ Pháp ở trình độ A1 (thời lượng dạy và học là 100 giờ) theo Khung tham chiếu chung của Cộng đồng Châu Âu dành cho các ngôn ngữ (Cadre européen commun de référence pour les langues), kỹ năng giao tiếp, chủ yếu là nghe hiểu và nói những câu giao tiếp thông dụng và với thái độ tự tin, có thể đối đáp trong những tình huống giao tiếp đơn giản. Các bài học được xây dựng kết hợp phần lý thuyết và thực hành. Sau 20 tiết học, sinh viên sẽ được kiểm tra và đánh giá qua bài kiểm tra giữa kì. Ngoài ra, trong quá trình giảng dạy, giáo viên sẽ kết hợp thêm việc đánh giá năng lực sinh viên qua các bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm.

**4. Mục tiêu học phần****4.1 Về kiến thức:**

- Trang bị cho sinh viên kiến thức về văn hóa của người Pháp trong đời sống hàng ngày và trong công việc.
- Giúp sinh viên tự trang bị vốn từ vựng và khả năng sử dụng tiếng Pháp trong giao tiếp, học tập và nghiên cứu.

**4.2 Về kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên có thể tự tin hơn trong việc sử dụng tiếng Pháp.**

4.2 Về thái độ: Sinh viên phát huy tinh thần làm việc theo nhóm, theo tập thể để tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả hơn, đồng thời phát huy tinh thần học hỏi, tư duy trong học tập.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>18. Leçon 15: LE DIMANCHE MATIN</b>	5	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
18.1. Objectifs communicatifs		
18.1.1. ’informer sur une activité en cours, habituelle		
18.1.2. ire quel sport on fait		
18.2. Objectifs linguistiques		
18.2.1. ire et écrire au présent		
18.2.2. es verbes pronominaux		
18.2.3. aire (de), jouer (à) + sport		
18.3. Savoir-faire : Parler de ses habitudes		
<b>19. Leçon 17: ON FAIT DES CRÊPES?</b>		
19.1. Objectifs communicatifs		
19.1.1. emander et exprimer des besoins		
19.1.2. S’informer sur des habitudes		
19.1.3. Indiquer des quantités		
19.2. Objectifs linguistiques		
19.2.1. L’article partitif <i>du, de la, de l’, des</i>		
19.2.2. <i>Boire, acheter</i> et <i>manger</i> au présent		
19.3. Savoir-faire : Parler de ses habitudes alimentaires et faire une liste de courses		
<b>20. Leçon 18: IL EST COMMENT?</b>	5	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ
20.1. Objectifs communicatifs		
20.1.1. apporter des événements passés		
20.1.2. xprimer une opinion		
20.2. Objectifs linguistiques		
20.2.1.		

assé composé avec avoir		điểm của bài học và làm bài tập theo nhóm.
20.2.2. a formation du participe passé		
20.2.3. 'accord de l'adjectif <i>beau</i>		
20.3. Savoir-faire : Parler de sa journée		
<b>21. Leçon 19: CHÈRE LÉA...</b>	5	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
21.1. Objectifs communicatifs		
21.1.1. arler d'événements passés		
21.1.2. nterroger sur le moment et la durée		
21.2. Objectifs linguistiques		
21.2.1. Le passé composé avec <i>être</i>		
21.2.2. <i>pour</i> et <i>dans</i> + durée future		
21.3. Savoir-faire : Écrire une carte postale		
<b>22. Kiểm tra giữa kì</b>	3	
<b>23. Leçon 22: PETITES ANNONCES</b>		
23.1. Objectifs communicatifs		
23.1.1. xprimer la possibilité, le savoir-faire, la volonté		
23.1.2. xprimer l'obligation		
23.2. Objectifs linguistiques		
23.2.1. <i>pouvoir</i> et <i>savoir</i> au présent		
23.2.2. <i>à</i> <i>l'infinitif</i>		
23.2.3. e future proche		
23.3. Savoir-faire: Conseiller quelqu'un		
<b>24. Leçon 23: QU'EST-CE QU'ON LUI OFFRE?</b>	5	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
24.1. Objectifs communicatifs		
24.1.1. aire des propositions		
24.1.2. cepter et refuser une proposition		
24.2. Objectifs linguistiques		
24.2.1. onnaître au présent		

24.2.2. es pronoms COD			
24.2.3. es pronoms COI			
24.3. Savoir-faire: Organiser une réunion ou une soirée			
<b>25. Leçon 25: Enquête</b>	5	Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.	
25.1. Objectifs communicatifs			
25.1.1. xprimer des goûts et des préférences			
25.1.2. xprimer la fréquence et l'intensité			
25.2. Objectifs linguistiques			
25.2.1. a fréquence et l'intensité avec <i>beaucoup (de), peu (de)</i>			
25.2.2. a négation			
25.3. Savoir-faire: Parler de ses loisirs			
<b>26. Leçon 26: Quitter Paris</b>	5		Giáo án điện tử: bài học và bài tập (kèm theo sách giáo khoa)  Sinh viên luyện tập các tình huống giao tiếp theo chủ đề của bài học và làm bài tập theo nhóm.
26.1. Objectifs communicatifs			
26.1.1. emander et exprimer une opinion			
26.1.2. xprimer une contestation			
26.2. Objectifs linguistiques			
26.2.1. a cause avec pourquoi, parce que			
26.2.2. <i>Trop/Assez+adjectif</i> <i>-Trop de/ assez de+ nom</i>			
26.2.3. out(e), tous/toutes			
26.3. Savoir-faire: Parler des avantages et des inconvénients de différents styles de vie			
<b>27. Ôn tập</b>	2		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính:

1) CAPELLE G. et MENAND R., *Le nouveau Taxi 1, Méthode de français*, Hachette Livre, Paris, 2009.

2) CAPELLE G. et MENAND R., *Le nouveau Taxi 1, Cahier d'exercices*, Hachette Livre, Paris, 2009.

#### 6.2 Tài liệu khác

1) MONNERIE–GOARIN Annie et SIREJOLS Evelyne, *Champion 1*, CLE international, Paris, 2001.

2) GIRARDET J. et PÉCHEUR J., *Campus 1*, CLE International, Paris, 2002.

3) AUGÉ H. et al, *Tout va bien 1*, CLE International, Paris, 2004.

4) Các trang web: [www.fle.fr](http://www.fle.fr), [www.edufle.fr](http://www.edufle.fr), [www.bonjourdefrance.com](http://www.bonjourdefrance.com)

### 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Huỳnh Ngọc Trang

**HỌC PHẦN  
LUYỆN ÂM****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Luyện âm
- Mã học phần: 813020
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các cơ quan phát âm, nguyên tắc và hệ thống phân loại các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh. Sinh viên có cơ hội thực tập với từng loại nguyên âm và 1 số phụ âm trong tiếng Anh được phân chia theo từng bài cụ thể. Các bài học lý thuyết được thiết kế đi kèm với phần thực hành và có thể kéo dài nhiều tuần. Bài kiểm tra giữa kỳ được bố trí vào tuần 7. Ngoài ra, giáo viên nên thiết kế phần kiểm tra thực hành phát âm (có thể cùng với bài kiểm tra giữa kỳ hoặc trong suốt học phần).

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức:**

- Trang bị cho sinh viên kiến thức về các cơ quan phát âm.
- Giúp sinh viên hiểu các nguyên tắc và hệ thống phân loại các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh.
- Trang bị cho sinh viên kiến thức về các đặc điểm phát âm của các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh dựa trên hệ thống phân loại.

**4.2. Về kỹ năng:** Sau khi học xong, sinh viên có thể cải thiện cách phát âm, giúp cho kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh của các em hiệu quả hơn.

**4.3. Về thái độ:** Sinh viên dần hình thành tinh thần tự học, tự nghiên cứu, tự giác trong học tập đồng thời hình thành định hướng nghề nghiệp rõ ràng.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức /Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Lesson 1: The Organs of Speech</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng.
1.1.General		
1.2. Description		
<b>2. Lesson 2: Vowels</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng.
2.1. General		
2.2. Classification		
2.2.1. The number of English vowels		
2.2.2. The principles of classification		
2.3. Diphthongs		
<b>3. Lesson 3: Front Vowels</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
3.1. Description		
3.2. Drill		
3.2.1 Target sound / ɪ /		
3.2.2 Target sound / I /		
3.2.3 Target sound / ε /		
3.2.4 Target sound / ʊ /		
<b>4. Lesson 4: Central Vowels</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
4.1. Description		
4.2. The “Schwa”		
4.3. Drill		
4.3.1 Target sound / ø /		
4.3.2 Target sound / ɛ /		
4.3.3 Target sound / ↔ /		
<b>5. Lesson 5: Back Vowels</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
5.1 Description		
5.2. Drill		
5.2.1 Target sound / A /		
5.2.2 Target sound / ɔ /		
<b>Lesson 5: Back Vowels (cont.)</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
5.2.3. Target sound / ɔ /		
5.2.4 Target sound / Y /		
5.2.5 Target sound / ʊ /		
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	2	
<b>6. Lesson 6: Diphthongs</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
6.1. Description		
6.2. Drill		



6.2.1	Target sound / $\epsilon$ I/		
6.2.2	Target sound / $\alpha$ I/		
6.2.3	Target sound / $\square$ I/		
<b>Lesson 6: Diphthongs (cont.)</b>		2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
6.2.4.	Target sound / $\alpha$ Y/		
6.2.5.	Target sound / $\leftrightarrow$ Y /		
<b>Lesson 6: Diphthongs (finished)</b>		2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
6.2.6	Target sound / I $\leftrightarrow$ /		
6.2.6.	Target sound / $\epsilon$ $\leftrightarrow$ /		
<b>7.</b>	<b>Lesson 7: Triphthongs</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
7.1.	Description		
7.2.	Drill		
<b>8.</b>	<b>Lesson 8: The English Consonants</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
8.1.	Description		
8.2.	Classification		
8.2.1.	Principles		
8.2.2	Consonant chart		
<b>9.</b>	<b>Lesson 9: Plosive Consonants</b>	3	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
9.1.	Description		
9.2.	Listing		
9.3	Drill		
9.3.1	Bilabial plosive consonants		
9.3.2	Alveolar plosive consonants		
9.3.3	Velar plosive consonants		
<b>9.4</b>	<b>Ôn tập</b>	3	

## 6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

- 1) Giáo trình *Ngữ Âm* do Khoa biên soạn.

6.2. Tài liệu khác

- 1) Mark Hancock, *English Pronunciation in Use*, Cambridge University Press, 2003.
- 2) Peter Roach, *Phonetics and Phonology*, Cambridge University Press, 1983.
- 3) Sarah Cunningham & Bill Bowler, *New Headway Pronunciation Course \_ Intermediate*, Oxford, 2000.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

**HỌC PHẦN**  
**NGŨ ÂM – ÂM VỊ HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Ngũ âm – Âm vị học
- Mã học phần: 813021
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết: (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Luyện Âm (813020)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần:**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các cơ quan phát âm, nguyên tắc và hệ thống phân loại các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh. Sinh viên có cơ hội thực tập với từng loại nguyên âm và 1 số phụ âm trong tiếng Anh được phân chia theo từng bài cụ thể. Các bài học lí thuyết được thiết kế đi kèm với phần thực hành và có thể kéo dài nhiều tuần. Bài kiểm tra giữa kỳ được bố trí vào tuần 7. Ngoài ra, giáo viên nên thiết kế phần kiểm tra thực hành phát âm (có thể cùng với bài kiểm tra giữa kỳ hoặc trong suốt học phần).

**4. Mục tiêu học phần**

4.1 Về kiến thức:

- Trang bị cho sinh viên kiến thức về các cơ quan phát âm.
- Giúp sinh viên hiểu các nguyên tắc và hệ thống phân loại các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh.

- Trang bị cho sinh viên kiến thức về các đặc điểm phát âm của các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh dựa trên hệ thống phân loại.

4.3 Về kĩ năng:

Sau khi học xong, sinh viên có thể cải thiện cách phát âm, giúp cho kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh của các em hiệu quả hơn.

4.3 Về thái độ:

Sinh viên dần hình thành tinh thần tự học, tự nghiên cứu, tự giác trong học tập đồng thời hình thành định hướng nghề nghiệp rõ ràng.

## 5 Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Lesson 10: Fricative consonants</b> 1.1. Description 1.2. Listing 1.3. Drill 1.3.1. Labio-dental fricative 1.3.2. Dental fricative consonants 1.3.3. Alveolar fricative consonants 1.3.4. Palato-alveolar fricative 1.3.5. Glottal fricative consonant	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
<b>2. Lesson 11: Affricative consonants</b> 2.1. Description 2.2. Drill 2.2.1. Palato – alveolar affricative voiceless consonant 2.2.2. Palato – alveolar affricative voiced consonant	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
<b>3. Lesson 12: Approximants</b> 3.1. Description 3.2. Drill 3.2.1. Bilabial approximant voiced consonant 3.2.2. Alveolar approximant voiced consonant 3.2.3. Palatal approximant voiced consonant	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
<b>4. Lesson 13: Nasal consonants</b> 4.1. Description 4.2. Drill 4.2.1. Bilabial nasal voiced consonant 4.2.2. Alveolar nasal voiced consonant 4.2.3. Velar nasal voiced consonant 4.2.4. Nasal plosion	3	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
<b>5. Lesson 14: Lateral consonants</b> 5.1. Description 5.2. Drill 5.2.1. Clear /l/ 5.2.2. Dark /l/	3	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.

5.2.3. Lateral explosion		
<b>6. Lesson 15: Consonant clusters</b>	3	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
6.1. Initial sequences		
6.1.1. Sequences of two consonants initially		
6.1.2. Sequences of three consonants initially		
6.2. Final sequences		
6.3. Longer consonant sequences		
<b>7. Lesson 16: Weak forms</b>	2	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
7.1. General		
7.2. Rules		
7.3. Weak forms of English sounds		
7.4. Drill		
<b>8. Mid – term test</b>	2	
<b>9. Lesson 17: Assimilation</b>	3	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
9.1. Definition		
9.2. Types		
9.2.1. Assimilation affecting the active organs of speech and the point of articulation		
9.2.2. Assimilation affecting the manner or the production of the air stream		
9.2.3. Assimilation affecting the work of the vocal cords		
9.3. Degrees of assimilation		
9.3.1. Complete		
9.3.2. Partial		
9.3.3. Intermediate		
<b>10. Lesson 18: Stress</b>	3	Giáo án điện tử, bài giảng của giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
10.1. Definition		
10.2. Kinds of stress		
10.3. Degree of stress		
10.3.1. In phrases or sentences		
10.3.2. In words		
10.4. Contrastive stress patterns		
10.5. Basic rules of English stress		
10.5.1. Word stress		
10.5.2. Phrase stress		
10.5.3. Sentence stress		
<b>11. Lesson 21: Pitch and intonation</b>	3	Giáo án điện tử, bài giảng của

11.1. Pitch		giáo viên, sinh viên luyện phát âm theo hướng dẫn.
11.2. Intonation		
11.2.1. General		
11.2.2. Terms and symbols for English intonation		
11.2.3. Types of tones		
11.2.4. Functions of tones		
<b>12. Ôn tập</b>	2	

## 6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1) Giáo trình *Ngữ Âm* do Khoa biên soạn.

6.2. Tài liệu khác

1) Mark Hancock (2003), *English Pronunciation in Use*, Cambridge University Press.

2) Peter Roach (1983), *Phonetics and Phonology*, Cambridge University Press.

3) Sarah Cunningham & Bill Bowler (2000), *New Headway Pronunciation Course \_ Intermediate*, Oxford.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Võ Thụy Thanh Thảo

**HỌC PHẦN  
NGŨ PHÁP****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Ngữ pháp
- Mã học phần: 813106
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần**

Nội dung học phần này chủ yếu là về các từ loại trong tiếng Anh: danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ...; ngoài ra các em còn được cung cấp một số kiến thức có liên quan. Những vấn đề này hầu hết các em đã được học nhiều ở phổ thông, tuy nhiên các em học theo kiểu nhồi nhét, đối phó, học để thi nên thực tế khi vào đại học, mặc dù học lại những vấn đề đã được học, nhưng các em vẫn gặp rất nhiều khó khăn nhất là về phương pháp học. Vì vậy những kiến thức được dạy ở học phần này phải được các em tiếp thu một cách có hệ thống, chủ động và sáng tạo. Các em không chỉ nắm vững được kiến thức mà còn phải biết tổng hợp và so sánh sự giống nhau và khác nhau của các dữ liệu.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức:**

Sau khi học xong học phần này, các em sẽ nắm được một khối lượng kiến thức ngữ pháp đáng kể. Các em sẽ được luyện tập khá nhiều để các em có thể vận dụng được một cách tốt nhất vào các môn học khác như môn nói, đọc, viết...

**4.2. Về kỹ năng**

Sau khi học xong học phần này, các em sẽ được rèn luyện kỹ năng hệ thống hóa kiến thức, tự đọc sách để có thể nắm vững, nhớ lâu, vận dụng tốt những kiến thức ngữ pháp vào những môn khác. Các em có thể nói, viết câu chính xác hơn, giảm thiểu lỗi ngữ pháp thường mắc phải cũng như cải thiện kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu và những kỹ năng khác.

### 4.3. Về thái độ

Giảng viên phải thường xuyên cập nhật kiến thức, thiết kế bài giảng một cách khoa học, hấp dẫn; hướng dẫn các em cách tự học, tự đọc bài trước khi lên lớp, cách thảo luận một vấn đề; Khi các em gặp khúc mắc, giảng viên nên tìm hiểu, gợi ý giúp các em tự tìm ra câu trả lời, có như vậy thì các em sẽ nhớ được bài kỹ và lâu. Đối với sinh viên, các em phải tập cho mình cách tự học, tự nghiên cứu, cách tìm tài liệu tham khảo; chủ động, tích cực tham gia bài học trên lớp bằng cách nêu ý kiến và đặt câu hỏi về những vấn đề chưa hiểu rõ. Các em được khuyến khích làm việc theo nhóm.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Unit 1: The Future</b>	4	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng một cách hệ thống. Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, cho đáp án. Sinh viên làm bài tập.
1.1. <b>Will and be going to</b>		
1.2. Present simple and present continuous for the future		
1.3. Future continuous and future perfect (continuous)		
1.4. <b>Be to + infinitive, be about to + infinitive</b>		
1.5. Other ways of talking about the future		
1.6. The future seen from the past		
<b>2. Unit 2: Modals and semi-modals</b>	6	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng một cách hệ thống. Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, cho đáp án. Sinh viên làm bài tập.
2.1. <b>Can, could, be able to and be allowed to</b>		
2.2. <b>Will, would and used to</b>		
2.3. <b>May and might</b>		
2.4. <b>Must and have (got) to</b>		
2.5. <b>Need(n't), don't need to and don't have to</b>		
2.6. <b>Should, ought to and had better</b>		
<b>3. Unit 3: Nouns</b>	4	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng một cách hệ thống. Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, cho đáp án. Sinh viên làm bài tập.
3.1. Agreement between subject and verb 1		
3.2. Agreement between subject and verb 2		
3.3. Agreement between subject and verb 3		
3.4. Compound nouns and noun phrases		
<b>4. Unit 4: Articles, determiners and quantifiers</b>	8	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại



4.1. <b>A/an and one</b>		những vấn đề quan trọng một cách hệ thống. Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, cho đáp án. Sinh viên làm bài tập.
4.2. <b>A/an, the and zero article 1</b>		
4.3. <b>A/an, the and zero article 2</b>		
4.4. <b>A/an, the and zero article 3</b>		
4.5. <b>Some and any</b>		
4.6. <b>No, none (of) and not any</b>		
4.7. <b>Much (of), many (of), a lot of, lots (of), etc.</b>		
4.8. <b>All (of), whole, every, each</b>		
4.9. <b>Few, little, less, fewer</b>		
<b>5. Unit 5: Pronouns, substitution and leaving out words</b>	4	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng một cách hệ thống. Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, cho đáp án. Sinh viên làm bài tập.
5.1. Reflexive pronouns: <b>herself, himself, themselves, etc.</b>		
5.2. <b>One and ones</b>		
5.3. <b>So and not</b> as substitutes for clauses, etc.		
5.4. <b>Do so; such</b>		
5.5. More on leaving out words after auxiliary verbs		
5.6. Leaving out <b>to-infinitives</b>		
<b>Review and Mid-term Test</b>	3	Sinh viên kiểm tra viết.
<b>6. Unit 6: Adjectives and adverbs</b>	8	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng một cách hệ thống. Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, cho đáp án. Sinh viên làm bài tập.
6.1. Gradable and non-gradable adjectives 1		
6.2. Gradable and non-gradable adjectives 2		
6.3. Participle adjectives and compound adjectives		
6.4. Adjectives + <b>to-infinitive, -ing, that clause, wh-clause</b>		
6.5. Adverbs of place, direction, indefinite frequency, and time		
6.6. Comment adverbs and viewpoint adverbs		
<b>7. Unit 7: Prepositions</b>	8	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng một cách hệ thống. Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, cho đáp án. Sinh viên làm bài tập.
7.1. Prepositions of position and movement		
7.2. <b>Between and among</b>		
7.3. Prepositions of time		
7.4. Talking about exceptions		
7.5. Prepositions after verbs		
7.6. Prepositions after nouns		
7.7. Two- and three-word verbs: word order		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Hewings, Martin (2014), *Advanced Grammar in Use*, Third Edition, Cambridge.

### 6.2. Tài liệu khác

1) Thomson, A.J. and A.V. Martinet (1971), *A Practical English Grammar*, Oxford: Oxford University Press.

2) Alexander, L.G. (1992), *Longman English Grammar*. England: Longman.

3) Eastwood, J. (1994), *Oxford Guide To English Grammar*. Oxford: Oxford University Press.

4) Eastwood, J. (1999), *Oxford Practice Grammar*, Oxford: Oxford University Press.

5) Vu Thi Lan (2000-2001), *Grammar Part 1&2*, Teacher Training College – Foreign Language Department.

6) Swan, M. and Walter, C (2015), *Oxford English Grammar Course-Advanced*, Oxford: Oxford University Press.

7) Yule, G. (2015), *Oxford Practice Grammar- Advanced-Supplementary Exercises*, Oxford: Oxford University Press.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Đặng Quỳnh Liên

**HỌC PHẦN**  
**HÌNH THÁI – CÚ PHÁP HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Hình thái – Cú pháp học
- Mã học phần: 813301
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Ngữ pháp (813106)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Học phần gồm 2 phần chính:

+ Hình thái học:

Đối tượng nghiên cứu của phần này là hình vị và những cách kết hợp hình vị để tạo nên từ. Ở bước tiếp theo, cấu trúc và phân loại từ theo cấu trúc; tiêu chuẩn nhận dạng và phân loại từ sẽ được đề cập qua các chủ đề sau:

- Phân tích cấu trúc từ; Hình vị và các loại hình vị
- Cách cấu tạo từ :Phụ tố; Tạo từ ngược; Ghép từ; Dạng kết hợp
- Cách cấu tạo từ : Láy từ; Xén từ; Trộn từ, Viết tắt từ
- Cách cấu tạo từ : Từ tượng âm; Tạo từ mới; Vay mượn; Đảo chức năng
- Các thay đổi về mặt hình thái-âm vị học: Thay đổi nguyên âm; thay đổi trọng âm; thay đổi nguyên âm do thay đổi trọng âm; trường hợp ngoại lệ

+ Cú pháp học:

Phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức sau:

- Các từ loại (word classes)

Trang bị cho sinh viên kiến thức về việc xếp loại từ

- Các loại ngữ, cú và câu (phrases, clauses and sentences)

Trang bị cho sinh viên kiến thức về phrases (noun, adjective, adverb, preposition); clauses (noun, adjective, adverb) ; sentences (simple, compound, complex, compound-complex)

- Các mối quan hệ ngữ pháp (grammatical relations)

Trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu trúc (endocentric, exocentric, modification, complementation, predication)

#### 4. Mục tiêu học phần

##### 4.1. Về kiến thức

Sinh viên biết được đơn vị nhỏ nhất tạo nên từ là hình vị (morpheme). Nắm được các cách thành lập từ khác nhau như compounding, affixation, shortening, conversion, echoism, vv... Sinh viên được trang bị một số khái niệm cơ bản về từ loại và cấu trúc của ngữ, cú và câu (phrases, clauses and sentences) để có thể kiểm tra tính chính xác của câu viết hay dịch và giải thích những câu mơ hồ (ambiguous sentences).

##### 4.2. Về kỹ năng

Sinh viên có khả năng vận dụng thành thực kiến thức trên vào việc phân tích cấu trúc của những từ đã học và các từ mới được hình thành, giúp cho người học dễ nhớ từ hơn. Sinh viên có khả năng vẽ sơ đồ cây (tree diagram) để phân tích (analysis) ngữ, cú và câu tiếng Anh. Ngoài ra, sinh viên biết biến đổi (transformation) và kết hợp (synthesis) ngữ, cú và câu tiếng Anh một cách thuần thục.

##### 4.3. Về thái độ

Sinh viên thấy được tầm quan trọng của việc phân tích cấu tạo từ khi học từ mới và khắc phục được thói quen học vẹt từ, không quan tâm đến việc dùng từ, đặc biệt là các phụ tố (affixes). Đồng thời sinh viên biết được sự cần thiết của việc phân tích cấu trúc ngữ, cú và câu khi đọc và dịch, tránh thói quen đọc dịch từng từ.

#### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Introduction to Morphology</b> - Subject Matter - Branches of Morphology: Inflectional & Derivational Morphology	2	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận và làm bài tập theo nhóm.
<b>Chương 2: Classification of Words: Structure &amp; Classification</b> Simple / Complex / Compound / Compound-Complex Words	4	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận và làm bài tập theo nhóm.
<b>Chương 3: Morphemes: the Smallest Units of Meaning</b> - Morphemes / Morphs / Allomorphs - Types of Morphemes - Free & Bound Morphemes - Roots / Stems / Bases / Affixes - Inflectional / Derivational Morphemes	5	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận và làm bài tập theo nhóm.

- Paradigms & Zero Allomorphs		
- Superfixes - Types of Conditioning: Phonological & Morphological		
<b>Chương 4: Processes of Word Formation</b> - Affixation / (Multiple Affixation) - Inflection - Derivation - Back Formation - Compounding - Combining Forms - Reduplication - Clipping - Blending - Echoism / Onomatopoeia - Coinage / Invention - Borrowing - Acronymy - Conversion	5	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận và làm bài tập theo nhóm.
<b>Chương 5: Morphophonemic Changes</b> - Change of Syllabic Vowel or Diphthong - Stress Shift - Gradation - Suppletion	2	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận và làm bài tập theo nhóm.
<b>Chương 6. Các từ loại (word classes)</b>	5	Giảng viên trình bày, sinh viên đọc tài liệu và làm bài tập
<b>Major classes &amp; minor classes</b>		
6.1. major classes		
By form		
By position		
6.2. minor classes		
Pronouns-numerals-determiners		
Prepositions - conjunctions		
<b>Kiểm tra giữa học phần</b>	2	
<b>Chương 7. Các loại ngữ, cú và câu (Phrases, Clauses and Sentences)</b>	15	Giảng viên trình bày, sinh viên đọc tài liệu và làm bài tập
7.1. Phrases		
7.2. Clauses		
7.3. Sentences		
<b>Chương 8. Các mối quan hệ ngữ pháp (Grammatical relations)</b>	5	Giảng viên trình bày, sinh viên đọc tài liệu và làm bài tập
8.1 endocentric & exocentric		
8.2 modification		
8.3 complementation		

## 8.4 predication

**6. Tài liệu học tập**

## 6.1. Tài liệu chính :

- 1) Nguyễn Thị Hồng & Nguyễn Thị Anh Đào, *Giáo trình từ vựng học tiếng Anh (phần Morphology)*, biên soạn nội bộ.
- 2) Tô Minh Thanh (2008), *English Syntax*, HCMC University of Social Sciences and Humanities.

## 6.2. Tài liệu khác :

- 1) Tô Minh Thanh (2009), *Giáo trình Hình thái học Tiếng Anh*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- 2) Jackson, H. (1980), *Analyzing English*, Pergamon Institute of English.
- 3) Norman C. Stageberg (1999), *An Introductory English Grammar*, University of Northern Iowa.
- 4) Roderick A. Jacobs (1995), *English Syntax*, University of Hawaii.

**7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT****TRƯỞNG NGÀNH****TRƯỞNG BỘ MÔN****NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Trương Văn Ánh

**HỌC PHẦN**  
**NGŨ NGHĨA HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Ngữ nghĩa học
- Mã học phần: 813026
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): (30,0,0,0)
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Hình thái - Cú pháp học (813301)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần**

Ngữ nghĩa học, một nhánh khá quan trọng của ngành ngôn ngữ học, nghiên cứu nghĩa của ngôn ngữ có một phạm vi khá trừu tượng. Môn học này nhằm giới thiệu cho sinh viên một số khái niệm cơ bản được dùng trong ngành ngữ nghĩa học. Bên cạnh đó, các mô thức định nghĩa của một từ cũng được đề cập và phân tích. Học phần này cũng giới thiệu ngữ cảnh ngoại vi và liên nhân của một từ, logic ngữ nghĩa và ngữ nghĩa học tri nhận.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Sau khi học xong học phần này, sinh viên được trang bị một số khái niệm cơ bản về ngành ngôn ngữ học, các lớp nghĩa và nét nghĩa của từ, phạm vi ngữ nghĩa, và một số kiến thức về ngành ngữ nghĩa học tri nhận.

4.2. Về kỹ năng

Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích nghĩa từ tiếng Anh bằng tam giác tính hiệu học, phân tích nghĩa tổ và bằng các phép tu từ học.

4.3. Về thái độ

Sinh viên có ý thức cập nhật thông tin liên quan đến môn học, luôn trau dồi học tập nghiên cứu chuyên môn, phát huy tư duy độc lập, hợp tác học tập tiến bộ trong tập thể; từ đó hình thành ý thức về định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. UNIT 1 About semantics</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- semantics linguistics</li> <li>- sentence (word) meaning language</li> <li>- speaker meaning components of language</li> <li>- native speaker (informant) theory of semantics</li> <li>- ‘knowing’ the meaning(s) of a word</li> </ul>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên thuyết trình trên lớp, sinh viên theo dõi, phát biểu ý kiến và nêu thắc mắc.</li> <li>- Giảng viên trả lời thắc mắc (nếu có)</li> <li>- Phân nhóm sinh viên (chuẩn bị nội dung thảo luận)</li> </ul>
<b>2. UNIT 2 Sentences, utterances, and propositions</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- sentence</li> <li>- utterance</li> <li>- proposition</li> </ul>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
<b>3. UNIT 3 Reference and sense</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- sense</li> <li>- reference</li> <li>- referent</li> <li>- proposition</li> <li>- dialect</li> <li>- context</li> </ul>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và làm bài tập.</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
<b>4. UNIT 4 Referring expressions</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- referring expression</li> <li>- opaque context</li> <li>- indefinite noun phrase</li> <li>- definite noun phrase</li> <li>- equative sentence</li> </ul>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và làm bài tập</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
<b>5. UNIT 5 Predicates</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- predicator</li> <li>- degree of a predicate</li> <li>- predicate</li> <li>- ellipsis (elliptical)</li> <li>- argument</li> <li>- identity relation</li> </ul>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và làm bài tập.</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
<b>6. UNIT 6 Predicates, referring expressions, and universe of discourse</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên</li> </ul>



<ul style="list-style-type: none"> <li>- generic sentence</li> <li>- universe of discourse</li> </ul>		<p>lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
7. Mid term	2	Sinh viên làm bài kiểm tra tại lớp, giảng viên đánh giá rút kinh nghiệm
<b>8. UNIT 9 Sense properties and stereotypes</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- sense</li> <li>- synthetic sentences</li> <li>- analytic sentences</li> <li>- contradiction</li> <li>- set of sufficient conditions</li> <li>- necessary condition</li> <li>- sense properties of sentences</li> <li>- stereotype (feature)</li> </ul>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
<b>9. UNIT 10 Sense relations</b>	3	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- synonymy/synonym intension</li> <li>- paraphrase</li> <li>- symmetrical hyponymy</li> <li>- hyponymy/hyponym entailment</li> <li>- superordinate term</li> <li>- transitive relation</li> <li>- Basic Rule of Sense</li> <li>- Inclusion co-hyponyms</li> <li>- sense relations</li> </ul>		
<b>10. UNIT 11 Sense relations</b>	3	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- types of antonymy</li> <li>- binary antonymy (complementarity)</li> <li>- converses/converseness (relational opposites)</li> <li>- systems of multiple incompatibility</li> <li>- gradable antonyms</li> <li>- contradictoriness (said of sentences)</li> <li>- ambiguity (structural and lexical)</li> <li>- homonymy</li> <li>- polysemy</li> <li>- referential versatility &amp; vagueness vs ambiguity</li> </ul>		
<b>11. UNIT 27 Non-literal meaning: idioms, metaphor, and metonymy</b>	5	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- literal vs non-literal language</li> <li>- idiom (idiomatic or 'fixed' expression)</li> <li>- compositional vs non-compositional expressions</li> <li>- metaphor</li> <li>- isolated metaphor</li> <li>- structural metaphor</li> <li>- orientational metaphor</li> <li>- ontological metaphor</li> <li>- entity and substance metaphors</li> </ul>		

- container metaphors - personification - metonymy (and its various subtypes)		
<b>12. Review</b>	2	Giảng viên tóm tắt những nội dung chính cần ghi nhớ của môn học, sinh viên nêu thắc mắc (nếu có)

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

James R. Hurford, Brendan Heasley, Micheal Smith (2007), *Semantics – A Coursebook*, 2<sup>nd</sup> edition, CUP.

### 6.2. Tài liệu khác:

- 1) To Minh Thanh (2007), *English Semantics*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM, HCMC.
- 2) Nick Riemer (2010), *Introducing Semantics*, CUP.
- 3) Heidi Harley (2006), *English Words, A Linguistic Introduction*, Blackwell, Britain.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

TS. Trần Thế Phi

**HỌC PHẦN**  
**THƯỜNG THỨC ÂM NHẠC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thường thức âm nhạc
- Mã học phần: 813302
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết: 30 (30,0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 30

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tổ lý luận & Nhạc cụ**

**3. Mô tả học phần**

- Môn học giới thiệu cho sinh viên biết về các trường phái âm nhạc, trường phái âm nhạc cổ điển, lãng mạn, hiện đại... chủ đề âm nhạc, hình tượng âm nhạc,
- Các phong cách âm nhạc, thể loại âm nhạc
- Giới thiệu sơ lược âm nhạc Việt Nam qua các thời kì

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Biết được một số trường phái âm nhạc, sơ lược âm nhạc Việt Nam qua các thời kì

4.2. Về kĩ năng

Giúp sinh viên biết cách chọn lọc và thưởng thức tác phẩm âm nhạc.

4.3. Về thái độ

Luôn yêu thích, tìm tòi học hỏi, có ý thức chăm chỉ, có tinh thần cầu tiến, tự tìm hiểu và rèn luyện. Phát huy vai trò của âm nhạc trong đời sống

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết môn học	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương I</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng dạy lý thuyết tại lớp. Thực hành hát.</li> <li>- Khuyến khích sinh viên đặt câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến, thảo luận trong lớp về</li> </ul>
<b>1. PHƯƠNG PHÁP BIỂU HIỆN CỦA NGÔN NGỮ ÂM NHẠC</b>		
1.1 Giai điệu		
1.2 Tiết tấu		
1.3 Tiết luật, nhịp độ, cường độ, âm khu, âm		

sắc, nhịp độ, cường độ, sự diễn đạt âm thanh.		
<b>Chương II</b>	5	
<b>2. CƠ CẤU CỦA NGÔN NGỮ ÂM NHẠC</b>		
2.1 Chất liệu âm nhạc		
2.2 Giai điệu âm nhạc		
2.3 Chủ đề âm nhạc		
2.4 Hình tượng âm nhạc		
<b>Chương III</b>	3	
<b>3. PHONG CÁCH VÀ THỂ LOẠI ÂM NHẠC</b>		
3.1.Phong cách âm nhạc		
3.2.Thể loại âm nhạc		Hướng dẫn SV nghe nhạc
3.3.Sự phân chia thể loại âm nhạc, mối quan hệ giữa phong cách và thể loại âm nhạc		
<b>Chương IV</b>	10	
<b>4. LƯỢC SỬ ÂM NHẠC THẾ GIỚI</b>		Cho sv xem DVD các trường phái âm nhạc, phân tích và thảo luận
4.1.Âm nhạc trường phái cổ điển Vienn		
4.2.Âm nhạc trường phái lãng mạn		
4.3.Âm nhạc trường phái hiện đại và đương đại		
<b>Chương V</b>	10	
<b>5. LƯỢC SỬ ÂM NHẠC VIỆT NAM</b>		
5.1.Dân ca Việt Nam		Cho sv xem DVD các nhạc khí dân tộc Việt
5.2.Nhạc khí dân tộc Việt Nam		
5.3.Âm nhạc cung đình		Cho sv xem DVD âm nhạc cung đình, phân tích và tìm hiểu.
5.4.Ca trù-Hát ả đào , ca kịch Huế		
5.5. Hát chèo ,sân khấu chèo, nghệ thuật hát tuồng Việt Nam		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính :

- 1) Nguyễn Thị Nhung (2005), *Hình thức thể, loại âm nhạc*. Nxb Đại học Sư phạm
- 2) Ngọc Điệp: *Lịch sử âm nhạc thế giới*, Nxb Nhạc viện Tp.HCM,
- 3) Nguyễn Hữu Ba: *Dân ca Việt Nam*. Nxb Sài Gòn
- 4) Hoàng Chương: *Nghệ thuật tuồng Bắc*. Nxb nghệ thuật sân khấu
- 5) Nguyễn Trung Kiên (2011), *Lược sử Opera*, Sách dịch, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội
- 6) Thụy Loan (1993), *Lược sử âm nhạc Việt Nam*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
- 7) Thụy Loan (2005), *Âm nhạc cổ truyền Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm.
- 8) Nguyễn Thị Mỹ Liêm (2014), *Âm nhạc truyền thống Việt Nam*. Nxb Âm nhạc.
- 9) Nguyễn Xinh (1983), *Lịch sử âm nhạc thế giới tập I*, Nhạc viện Hà Nội.

10) Thế Vinh – Nguyễn Thị Nhung (1985), *Lịch sử âm nhạc thế giới tập II*, Nhạc viện Hà Nội.

#### 6.2. Tài liệu khác

- 1) Viện âm nhạc (2003), *Hợp tuyển tài liệu Nghiên cứu – lý luận – phê bình âm nhạc Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Âm nhạc Hà Nội.
- 2) Viện nghệ thuật – Bộ Văn hóa (1976), *Tính dân tộc trong âm nhạc Việt Nam*, Nxb Văn hóa Hà Nội
- 3) V. Konen (1995), *Lịch sử âm nhạc nước ngoài*, Nxb Âm nhạc Moscow, 5 tập.
- 4) Tú Ngọc (1991), *Trích giảng âm nhạc thế giới thế kỷ XX*, Nxb Nhạc viện Hà Nội.

#### Tài liệu nghe nhìn

- JOHANN SEBASTIEN BACH
- GEORGE FREDERIC HANDEL
- JEAN PHILLIPE RAMEAU
- ANTONIO VIVALDI
- CHRISTOPH WILLIBALD GLUCK
- JOSEPH HAYDN
- WOLFGANG AMADEUS MOZART...

### 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

ThS. Nguyễn Đức Linh

ThS. Lâm Trúc Quyên

**HỌC PHẦN**  
**NGÔN NGỮ HỌC SO SÁNH ĐỐI CHIẾU**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu
- Mã học phần: 813303
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (20; 5; 5; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50 sv

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tổ tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Ngôn ngữ học đối chiếu thuộc nhóm chuyên đề về quan hệ ngôn ngữ và tác động lẫn nhau giữa các ngôn ngữ. Lý thuyết ngôn ngữ học đối chiếu dựa vào tiền đề cho rằng các ngôn ngữ khác nhau một mặt có những quy luật chung mang tính phổ quát, mặt khác có nét đặc thù. Tính chất hai mặt này cho phép ta có thể dựa vào “các thước đo” để so sánh đối chiếu các ngôn ngữ với nhau.

Ngôn ngữ học đối chiếu được thừa nhận là lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ vừa có tác dụng bổ sung sự hiểu biết bản chất và cấu trúc ngôn ngữ nói chung, làm phong phú thêm cho ngôn ngữ học lý thuyết; vừa có tác dụng thực tiễn là góp phần có hiệu quả vào việc dạy – học ngôn ngữ thứ 2. Ngôn ngữ học đối chiếu, do đó, rất cần cho các nhà giáo học phương pháp dạy ngoại ngữ và lãnh vực giáo dục song ngữ ở các quốc gia đa dân tộc, đa ngữ.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Sinh viên có thể tiến hành nghiên cứu đối chiếu giữa hai hay nhiều ngôn ngữ.

4.2. Về kỹ năng

Sinh viên có kiến thức cơ bản về so sánh đối chiếu giữa tiếng Anh và tiếng Việt và nắm được kiến thức nghiên cứu đối chiếu giữa các ngôn ngữ và có kỹ năng đối chiếu để phục vụ việc học, dạy, dịch.

### 4.3. Về thái độ

Theo đuổi đúng mục tiêu của môn học, sinh viên có thể bổ sung sự hiểu biết bản chất và cấu trúc ngôn ngữ nói chung, làm phong phú thêm cho ngôn ngữ học lý thuyết; vừa có tác dụng thực tiễn là góp phần có hiệu quả vào việc dạy – học ngôn ngữ thứ 2.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Sự xuất hiện Chương 2: Những tiền đề lý luận 1	3	Nghe giảng và thảo luận.
Chương 3 : Những tiền đề lý luận 2 Chương 4 : Nghiên cứu đối chiếu ngữ âm âm vị	3	Nghe giảng và thảo luận.
Chương 5 : Đối chiếu phụ âm Việt – Anh Chương 6 : Đối chiếu âm tiết Việt – Anh	3	Nghe giảng và thảo luận.
Chương 7 : Đối chiếu hiện tượng ngôn điệu Việt – Anh Chương 8 : Đối chiếu hình vị về mặt cấu tạo	3	Nghe giảng và thảo luận.
Chương 9 : Đối chiếu hình vị về mặt hoạt động Chương 10 : Cơ sở, những bình diện đối chiếu câu	4	Nghe giảng và thảo luận. <b>Kiểm tra giữa kỳ</b>
Chương 11 : Đối chiếu khuôn hình câu và thành phần câu Việt – Anh Chương 12 : Đối chiếu câu nghi vấn và câu phủ định Việt – Anh	3	Nghe giảng và thảo luận.
Chương 13 : Thử nghiệm nghiên cứu đối chiếu từ vựng – ngữ nghĩa Chương 14 : Đồng âm giữa các ngôn ngữ	3	Nghe giảng và thảo luận.
Chương 15 : Tương đồng ngữ nghĩa ở các ngôn ngữ Chương 16 : Đặc trưng hiện tượng đa nghĩa	3	Nghe giảng và thảo luận.
Chương 17 : Phương pháp, thủ pháp nghiên cứu đối chiếu.	3	Nghe giảng và thảo luận.
<b>Ôn tập</b>	2	Nghe giảng và thảo luận.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Lê Quang Thiêm, 1989, *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, NXB ĐH&TCNN, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

1) Bùi Mạnh Hùng, 2008. *Ngôn ngữ học đối chiếu*. NXB Giáo dục.

2) Lado R., 1957. *Linguistics across Cultures. Applied Linguistics for Language Teachers*. Ann Arbor – The Univ. of Michigan Press.

3) Ringbom H., 1994. *Contrastive Analysis*. In “The Encyclopedia of Language and Linguistics”. Vol. 2 R.Asher (Ed. In-chief). Oxford Pergamon Press.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: viết báo cáo về nội dung so sánh một thành tố của hai ngôn ngữ (không tổ chức thi)

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Trương Văn Ánh



**HỌC PHẦN  
 NGỮ DỤNG HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Ngữ dụng học
- Mã học phần: 813304
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (20; 5; 5; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Ngữ nghĩa học (813026)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50 sv

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tổ tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Môn Ngữ dụng học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngữ dụng học (đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu...); cung cấp các khái niệm và vấn đề cơ bản trong nghiên cứu dụng học như: các khái niệm về quy chiếu, trực chỉ, các loại nghĩa hàm ẩn trong ngôn ngữ (tiền giả định, hàm ẩn hội thoại và hàm nghĩa), lý thuyết hành vi ngôn ngữ (lý thuyết của John L.Austin, lý thuyết của John R.Searle...) các nhân tố giao tiếp và quy tắc giao tiếp (vấn đề ngữ cảnh, diễn ngôn, các quy tắc về bảo tồn giá trị hữu ích, lịch sự, hợp tác hội thoại ...)... Đồng thời môn học cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng phương pháp phân tích, mô tả các vấn đề dụng học trong quá trình nghiên cứu ngôn ngữ và gợi mở những hướng tiếp cận mang tính dụng học trong việc nghiên cứu ngôn nói chung.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Hiểu được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của ngữ dụng học, ý nghĩa của việc nghiên cứu ngữ dụng học, và các hướng nghiên cứu chính trong ngữ dụng học.

- Xác định được vị trí và vai trò của ngữ dụng học trong mô hình tam phân (kết học - nghĩa học - dụng học) và mối quan hệ của ba nhân tố này trong nghiên cứu ngôn ngữ.

- Hiểu được những vấn đề cơ bản trong nghiên cứu ngữ dụng học như: vấn đề quy chiếu, hiện tượng trực chỉ, hội chỉ, hiện tượng đa thanh, hiểu thế nào là phương pháp lập luận cũng như các quy tắc giao tiếp ...

- Hiểu, phân biệt và xác định được các nghĩa hàm ẩn trong ngôn ngữ như: tiền giả định (xác định các loại tiền giả định), hàm ẩn hội thoại (hàm ý) và hàm nghĩa.

- Hiểu được lý thuyết hành vi ngôn ngữ; xác định và phân biệt được các kiểu hành vi ngôn ngữ (hành động tạo lời, hành động tại lời và hành động mượn lời).

#### 4.2. Về kỹ năng

- Biết cách nhận diện và xác định các hiện tượng quy chiếu, trực chỉ, hồi chỉ. Phân biệt được quy chiếu xác định và quy chiếu không xác định; phân biệt được hiện tượng trực chỉ và hồi chỉ.

- Biết cách nhận diện và phân biệt tiền giả định, hàm ẩn hội thoại và hàm nghĩa trong câu. Biết cách xác định và tổ chức các yếu tố tiền giả định trong câu.

- Biết cách xác định và phân biệt các kiểu hành vi ngôn ngữ: hành động tạo lời, hành động tại lời (gián tiếp và trực tiếp) và hành động mượn lời.

- Nắm vững các qui tắc được sử dụng trong giao tiếp.

#### 4.3. Về thái độ

Theo đuổi đúng mục tiêu của môn học, sinh viên có thể bổ sung sự hiểu biết bản chất và cấu trúc ngôn ngữ nói chung, làm phong phú thêm cho ngôn ngữ học lý thuyết; vừa có tác dụng thực tiễn là góp phần có hiệu quả vào việc dạy – học ngôn ngữ thứ 2.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Defining Pragmatics: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Definition and Delimitation</li> <li>- The use of Pragmatics</li> </ul>	6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
Context, Implicature and Reference	6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
Pragmatic Principles: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Communicative Principle</li> <li>- Cooperative Principle</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Mid-term test	2	Sinh viên làm bài kiểm tra tại lớp, giảng viên đánh giá rút kinh nghiệm
Speech Acts	6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
Conversation Analysis	6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nội dung đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên trên lớp</li> <li>- Sinh viên nghiên cứu tài liệu (theo nhóm) và phát biểu</li> <li>- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung</li> </ul>
Ôn tập	4	Giảng viên tóm tắt những nội dung chính cần ghi nhớ của môn học, sinh viên nêu thắc mắc (nếu có)

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Mey, Jacob L. (2001). *Pragmatics- An Introduction, 2<sup>nd</sup> edition*. Australia: Blackwell Publishing.

### 6.2. Tài liệu khác

- 1) Yule, G. (1996). *Pragmatics*. Oxford: Oxford University Press
- 2) Davis, S. (1991). *Pragmatics: a reader*. New York: Oxford University Press.
- 3) Leech, G, N. (1983). *Principles of Pragmatics*. New York: Longman

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0,6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

TS. Trần Thế Phi

**HỌC PHẦN**  
**NGỮ PHÁP CHỨC NĂNG**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Ngữ pháp chức năng
- Mã học phần: 813305
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (20; 5; 5; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Ngữ pháp (813106)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50 sv

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tổ tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Học phần lấy kết cấu vị tính (predication) làm đơn vị cơ sở để phân tích câu, lần lượt trên các bình diện: cấu trúc (Structure), nghĩa (Meaning) và công dụng (Function). Các vấn đề của cú pháp truyền thống sẽ được định vị lại trong khung ngữ pháp chức năng. Đặc biệt, học phần hướng sinh viên vào những vấn đề tranh luận mà ngữ pháp chức năng đặt ra đối với tiếng Việt, nhằm kêu gọi lòng yêu thích tranh luận và khám phá khoa học của sinh viên.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Nắm được đường hướng chức năng trong sự đối lập với đường hướng hình thức. Nắm được 3 bình diện phân tích câu của ngữ pháp chức năng. Nắm được các khái niệm và thao tác phân tích của ngữ pháp chức năng.

4.2. Về kĩ năng

Thực hành thuần thục các thao tác xác định cấu trúc, nghĩa và công dụng của câu theo tinh thần ngữ pháp chức năng. Biết phân tích câu qua các cấp độ khác nhau.

4.3. Về thái độ

Thông qua môn học, xây dựng cho sinh viên lòng yêu thích ngữ pháp học nói chung và ngữ pháp chức năng nói riêng, có kĩ năng phân tích cú pháp, từ đó thấy được nét đặc thù và cái hay cái đẹp trong cách tạo câu nói riêng và cách diễn đạt nói chung của người Việt. Tri thức về ngữ pháp chức năng sẽ là cơ sở giúp sinh viên sau này khi

ra trường có thể làm tốt những công việc được giao (giảng dạy, nghiên cứu, làm báo, làm biên tập ở các nhà xuất bản v.v.)

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Bài 1: Đại cương về ngữ pháp chức năng</b></p> <p>1. Ngữ pháp chức năng là gì ?</p> <p>2. So sánh mô hình ngữ pháp chức năng với mô hình ngữ pháp hình thức.</p> <p>Những mô hình ngữ pháp chức năng trong ngôn ngữ học hiện đại.</p>	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<p><b>Bài 2: Bình diện kết học của câu (I)</b></p> <p>2.1. Miêu tả kết học</p> <p>2.1.1. Ngữ pháp chức năng của Halliday</p> <p>2.1.2. Ngữ pháp chức năng của S.Dik.</p> <p>Một số thảo luận</p>	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<p><b>Bài 3: Bình diện kết học của câu (II)</b></p> <p>3.1. Áp dụng ngữ pháp chức năng vào miêu tả tiếng Việt</p> <p>3.1.1. Giải pháp của Cao Xuân Hạo</p> <p>3.1.2. Giải pháp của Diệp Quang Ban</p> <p>3.2. Một số thảo luận</p>	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<p><b>Bài 4: Bình diện nghĩa học của câu (I)</b></p> <p>4.1. Nghĩa miêu tả của câu</p> <p>4.1.1. Các tham tố ngữ nghĩa dùng để phân loại các kiểu sự tình</p> <p>4.1.2. Phân loại các kiểu sự tình</p> <p>Một số thảo luận</p>	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<p><b>Bài 5: Bình diện nghĩa học của câu (II)</b></p> <p>5.1. Nghĩa tình thái của câu</p> <p>5.1.1. Phân biệt tình thái khách quan và tình thái chủ quan</p> <p>5.1.2. Phân loại tình thái chủ quan</p> <p>Một số thảo luận</p>	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<p><b>Bài 6: Bình diện dụng học của câu (I)</b></p> <p>6.1. Cấu trúc thông tin của câu</p> <p>6.2. Tiêu điểm thông báo của câu.</p> <p>Một số thảo luận</p>	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<p><b>Bài 7: Bình diện dụng học của câu (II)</b></p> <p>7.1. Những hành động ngôn từ</p> <p>7.2. Quan hệ giữa kiểu câu và lực ngôn ngữ.</p> <p>Một số thảo luận</p>	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<p><b>Bài 8: Bình diện dụng học của câu (III)</b></p> <p>8.1. Sở chỉ của câu và các yếu tố chỉ xuất.</p>	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập

8.2. <i>Tiền ước, tiền giả định và hàm ngôn.</i> <i>Một số thảo luận</i>		
<b>Bài 9: Các qui tắc diễn đạt (I): vấn đề đánh dấu cách</b> 9.1. <i>Đánh dấu cách</i> 9.2. <i>Các loại hệ thống cách</i> <i>Một số thảo luận</i>	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<b>Bài 10: Các qui tắc diễn đạt (II): Trật tự các thành tố</b> 10.1. <i>Các mô hình trật tự theo lí thuyết</i> 10.2. <i>Vị trí của chủ ngữ và vị trí của bổ ngữ.</i> 10.3. <i>Vị trí của vị từ.</i> <i>Một số thảo luận</i>	3	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Halliday, An Introduction to Functional Grammar, Oxford University Press, 2004.

### 6.2. Tài liệu khác

1) Cao Xuân Hạo, Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng, nxb Giáo dục, 2004.

2) S. Dik, Ngữ pháp chức năng, Nxb Đại học Quốc gia Tp HCM, 2005.

(Bản dịch của Nguyễn Văn Phô, Trần Thủy Vịnh, Nguyễn Hoàng Trung, Đào Mục Đích. Nguyễn Thanh Phong. Người hiệu đính: Cao Xuân Hạo)

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016*

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Trương Văn Ánh

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
 NGÀNH: SƯ PHẠM TIẾNG ANH

## HỌC PHẦN ĐẤT NƯỚC HỌC ANH

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đất nước học Anh
- Mã học phần: 813054
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Đọc 1 (813062)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên

### 3. Mô tả học phần

Đất nước học Anh là một môn học bao gồm những kiến thức về địa lý, đất nước và con người của dân tộc Anh. Môn học này có ý nghĩa quan trọng đối với những người quan tâm đến văn hóa Anh, đặc biệt những người sử dụng văn hóa Anh là ngôn ngữ trong học tập và công tác. Các bài học trong chương trình giúp người học phân biệt được rõ ràng biên giới lãnh thổ của Vương Quốc Anh, bao gồm 4 vùng lãnh thổ (England, Scotland, Wales, Northern Ireland) với 4 dân tộc (English, Scottish, Welsh, Irish) và 4 nền văn hóa mang đậm bản sắc riêng. Những bài học cũng giúp người học điều chỉnh những quan niệm sai lầm về thái độ và tính cách của người Anh trong cuộc sống.

### 4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Sau khi hoàn tất khóa học, sinh viên có thể

- Nắm vững những thông tin cơ bản nhất về địa lý, đất nước, con người, quan điểm và thái độ của người Anh trong cuộc sống.
- Biết được các tên gọi khác nhau được sử dụng khi mọi người nói về Vương Quốc Anh.
- Những đặc trưng của 4 quốc gia thuộc Vương Quốc Anh.
- Ý nghĩa lá cờ của Vương Quốc Anh,
- Lòng trung thành dân tộc
- Các lễ hội chung và riêng của các dân tộc thuộc Vương Quốc Anh.

4.2. Về kĩ năng: Sau khi học xong, sinh viên có thể



- Trau dồi kỹ năng thảo luận theo nhóm.
- Rèn luyện kỹ năng thu thập, chọn lọc, phân tích, liên kết và đối chiếu thông tin.
- Rèn luyện kỹ năng tham khảo tài liệu.

#### 4.3. Về thái độ:

- Đối với giảng viên: có tinh thần nghiên cứu, cập nhật kiến thức, đảm bảo lượng nội dung kiến thức truyền tải đến sinh viên và hướng dẫn sinh viên nắm vững các kiến thức yêu cầu, đạt được mục tiêu của chương trình.

- Đối với sinh viên: tham dự lớp học nghiêm túc, đầy đủ (không vắng quá 20% tổng số tiết học của học phần). Có ý thức cập nhật thông tin liên quan đến môn học thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng. Phát huy tư duy độc lập trong quá trình tự học và nghiên cứu, xây dựng tinh thần đồng đội và hợp tác trong công việc nhóm để đạt được tiến bộ cho cá nhân và tập thể.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>I. Chương 1. Introduction – The Country in terms of Geography and Politics</b>	3	Giáo án điện tử, bài giảng và câu hỏi kiểm tra cuối chương
1. Different names to refer to the United Kingdom		
2. England versus Britain		
3. The two political systems on the British Isle		
4. The meaning of the flag of the UK		
<b>II. Chương 2. The four nations</b>	3	Giáo án điện tử: bài giảng và kiểm tra nhanh cuối chương.
1. English		
2. Welsh		
3. Scottish		
4. Irish		
<b>III. Chương 3. The dominance of England and national loyalties</b>	3	Thảo luận nhóm, sử dụng các phần mềm máy tính, từ đó giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học
1. The invasion of Roman Empire in th early time		
2. The dominance of England over the 3 other nations (in terms of language and politics)		
3. The two meanings of national loyalty		
<b>IV. Chương 4. Geography</b>	3	Thảo luận nhóm, sử dụng các phần mềm máy tính, từ đó giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học
1. Climate		
2. Land and Settlement		
3. The environment and pollution		
<b>V. Chương 5. London</b>	3	Thảo luận nhóm, sử dụng các phần mềm máy tính, từ đó giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học
1. The long history of London		
2. The center of politics, commerce and culture of the whole Kingdom		
3. A popular tourist destination		
<b>VI. Chương 6. England</b>		

1. Southern England		
2. The Midlands of England		
3. Northern England		
<b>VII. Chương 7. Scotland</b>	3	Thảo luận nhóm, sử dụng các phần mềm máy tính, từ đó giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học
1. Geography and climate		
2. Capital and large cities		
3. Main industries		
<b>VIII. Chương 8. Wales</b>		
1. Geography and climate		
2. Capital and large cities		
3. Main industries		
<b>IX. Chương 9. Northern Ireland</b>		
1. Geography and climate		
2. Capital and large cities		
3. Main industries		
<b>X. Chương 10. Attitudes of the British</b>	6	Thảo luận nhóm, sử dụng các phần mềm máy tính, từ đó giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học
1. Stereotypes and change		
2. English versus British		
3. A multicultural society		
4. Conservatism		
5. Being different		
6. Love of nature		
7. Love of animals		
8. Public-spiritedness and amateurism		
9. Formality and informality		
10. Privacy and sex		
<b>XI. Chương 11. Holidays and Special Occasions</b>	3	Thảo luận nhóm, sử dụng các phần mềm máy tính, từ đó giảng viên cho phản hồi và góp ý để xây dựng nội dung bài học
1. Traditional seaside holidays		
2. Modern holidays		
3. Christmas		
4. New		
5. Other notable annual occasions		
<b>XII. Ôn tập</b>	3	Giáo án điện tử: bài ôn tập

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) James O'Driscoll (2009), *Britain*, Oxford.

### 6.2. Tài liệu khác

1) Orin Hargraves (2007), *Culture Shock! A survival Guide to Customs and Etiquette – London*, Marshall Cavendish.

2) Joan Collie & Alex Martin (2006), *What's It Like? Life and Culture in Britain Today*, Cambridge University Press.

3) Susan Sheerin, Jonathan Seath and Gillian White (1992), *Spotlight on Britain*, Oxford University Press.

**7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Hoàng Thị Thanh Tâm

**HỌC PHẦN  
ĐẤT NƯỚC HỌC MỸ****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Đất nước học Mỹ
- Mã học phần: 813055
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Đọc 1 (813062)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần**

Học phần Đất nước học Mỹ sử dụng giáo trình *The U.S.A. Customs and Institutions* của Nhà xuất bản Longman với nội dung cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về lịch sử và văn hóa của nước Mỹ, cả những giá trị và những khiếm khuyết của văn hóa Mỹ như truyền thống hôn nhân và gia đình, những thói quen xã hội, sự đa dạng về sắc tộc trong tính cách Mỹ, hệ thống giáo dục Mỹ và những lễ hội đầy màu sắc.

Ngoài ra giáo trình còn cung cấp cho người học các khái niệm học thuật trong các lĩnh vực lịch sử và văn hóa kể trên thông qua những bài văn dài và khó, kết hợp các câu hỏi và bài tập có liên quan đến nội dung và từ vựng nhằm củng cố kiến thức của người học.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Sinh viên sẽ có được một số kiến thức và từ vựng tiếng Anh trình độ nâng cao về lĩnh vực văn hóa Mỹ, các giá trị văn hóa, tính cách của người dân Mỹ, hệ thống giáo dục Mỹ.

4.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nói: sinh viên có thể thảo luận và giới thiệu khái quát về văn hóa Mỹ trong các lĩnh vực đã nêu ra ở phần trên.

- Kỹ năng đọc: sinh viên có khả năng đọc hiểu các bài văn tiếng Anh học thuật có nội dung về lĩnh vực văn hóa.

4.3. Về thái độ: Sinh viên phải có ý thức về mục tiêu học phần phải đạt được, đi học đều đặn, đúng giờ, tích cực làm bài tập, tham gia các hoạt động dạy học do giáo viên đề ra và làm bài kiểm tra đầy đủ.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Altitudes, Values, and Lifestyles</b>	<b>16</b>	<p><u>Phần bài đọc</u>: giáo viên trình bày các ý chính của bài 1 Chương 1, sau đó sinh viên chuẩn bị ở nhà, vào lớp thảo luận theo nhóm các chủ đề của các bài sau</p> <p>Chương 1: đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Marriage: American Style</li> <li>b) American Family Life</li> <li>c) American Etiquette</li> </ul> <p>Chương 2: đề tài: A Nation of Immigrants</p> <p>Chương 3: đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) American Education: The First 12 Years</li> <li>b) Higher Education</li> </ul> <p>Chương 4: đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Christopher Columbus</li> <li>b) Thanksgiving and Native Americans</li> </ul> <p>Yêu cầu: Sinh viên chuẩn bị tốt, trình bài lưu loát, phát âm đúng, nêu được các ý chính của bài được giao</p> <p><u>Phần bài tập</u>: sinh viên làm bài tập, giáo viên kiểm tra qua hình thức nói và viết, sửa bài cho sinh viên.</p>
<b>1. The American Characters</b>	4	
1.1. Land of Diversity		
1.2. Democracy in Action		
1.3. “Try It-You’ll Like It”		
1.4 Typical American Behavior and Values		
<b>2. Marriage: American Style</b>	4	
2.1 Before the Wedding		
2.2 The Big day		
2.3 The Contemporary American Marriage.		
2.4. Divorce and Alternative lifestyle		
2.5. Happy Anniversary		
<b>3. American Family Life</b>	4	
3.1. Who’s at Home?		
3.2. Where Is Home?		
3.3. Who Pays the Bills?		
3.4. Who’s in Charge?		
3.5. Parenthood: A Choice		
<b>4. American Etiquette</b>	4	
4.1 American Attitudes and Good Manners		
4.2. Introductions and Titles		
4.3. Congratulations, Condolences, and Apologies		
4.4. Dining Etiquette		
4.5. Manners between Men And Women		
4.6. Classroom Etiquette		
4.7. Language Etiquette		
<b>Chương 2. The Salad Bowl: Cultural Diversity in the U.S.</b>	4	
<b>1. A Nation of Immigrants</b>	4	
1.1 Immigrations before Independence		
1.2. Immigration from 1790 to 1920		
1.3 Immigration since 1920		

1.4. Today's Foreign-Born Population		
<b>Chương 3. Levels of learning</b>	<b>4</b>	
<b>1. American Education: The First 12 Years</b>	<b>2</b>	
1.1. The Goals and Purpose of Public Education		
1.2. Public and Private Schools		
1.3. Teaching Methods and Approaches		
1.4. Early Childhood Education		
1.5. Elementary Education		
1.6 High School (Second Education)		
1.7 School Problems and Possible Solutions		
<b>2. Higher Education</b>	<b>2</b>	
2.1. Why College?		
2.2. How to Find the Right College		
2.3. Undergraduate Education: Types of Schools		
2.4. Graduate Education		
2.5. Life on an American Campus		
2.6. Financing Higher Education		
2.7. Standardized Tests and Their Uses		
2.8. Lifelong Learning		
<b>Chương 4. American Holidays: History and Customs</b>	<b>4</b>	
<b>1. Christopher Columbus</b>	<b>2</b>	
1.1 His Accomplishments, His History		
1.2 Preparations for a Great Journey		
1.3. Four Important Voyages		
1.4. Why "America"?		
<b>2. Thanksgiving and Native Americans</b>	<b>2</b>	
2.1. Thanksgiving: Origin and Customs		
2.2. A Famous Pilgrim Story		
2.3. Friends and Enemies		
Ôn tập	<b>2</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

- 1) Ethel Tiersky & Martin Tiersky (2002), *The U.S.A. Customs and Institutions*, Fourth Edition, Longman.

6.2. Tài liệu khác:

- 1) Randee Falk (1993), *Spotlight on the USA*, Oxford.
- 2) Christopher Garwood (2005), *Aspects of Britain and the USA*, Oxford.
- 3) Milada Broukal & Peter Murphy (1999), *All about the USA*, Longman.

**7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Hoàng Quý

**HỌC PHẦN  
VĂN HỌC ANH****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Văn học Anh
- Mã học phần: 813050
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Đất nước học Anh (813054)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên**3. Mô tả học phần**

Học phần bao gồm những giai đoạn văn học chính sau đây:

- Văn học Anh thế kỷ 17
- Văn học lãng mạn Anh (nửa đầu thế kỷ 19)
- Văn học Anh nửa sau thế kỷ 19
- Văn học Anh thế kỷ 20

Các nhà văn: William Shakespeare, William Wordsworth, Jane Austen, William S. Maugham, Virginia Woolf.

Với thời lượng là 30 tiết, học phần sẽ khái quát đặc điểm của văn học Anh gắn với những giai đoạn cụ thể. Ngoài ra, sinh viên sẽ áp dụng những lý thuyết văn học được học vào việc phân tích những tác phẩm cụ thể.

**4. Mục tiêu học phần**

Văn học Anh là một môn khoa học nghiên cứu các tác phẩm văn học trong nền Văn học Anh, liên quan đến nhân vật và nhân sinh quan của con người. Các tính cách và đặc điểm nhân văn trong các tác phẩm giúp thúc đẩy sự phát triển và định hướng về nhân cách của sinh viên, đồng thời giúp sinh viên cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong các tác phẩm văn học.

Việc nghiên cứu các tác phẩm văn học trong nền Văn học Anh giúp sinh viên so sánh và liên hệ đến các tác phẩm văn học trong nền Văn học Việt Nam nhằm đạt được một cái nhìn tương đối bao quát về văn học nói chung.



4.1. Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên có thể

- Có kiến thức cơ bản về văn học Anh
- Nhận biết được các yếu tố trong các tác phẩm văn học Anh
- Nhận thức được vai trò của văn học Anh trong sự thành công về nghệ thuật của dân tộc Anh
- Tích lũy kiến thức sơ khởi về văn học Anh nói riêng và văn học nói chung.

4.2. Về kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên có thể

- Trau dồi kỹ năng nói và thảo luận nhóm
- Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và phân tích

4.3. Về thái độ:

- Đối với giảng viên: có tinh thần nghiên cứu, cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng thuyết trình, đảm bảo lượng nội dung kiến thức truyền tải đến sinh viên
- Đối với sinh viên: có ý thức trau dồi kiến thức liên quan đến môn học thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, phát huy tư duy độc lập, xây dựng tinh thần đồng đội, hợp tác học tập tiến bộ trong tập thể qua các bài thảo luận nhóm, và chống tiêu cực trong kiểm tra; từ đó hình thành ý thức về định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>5.1. Chương 1. Outline History of English Literature (2 tuần)</b>	4	Bài giảng – kỹ năng đọc hiểu (sau khi đọc tài liệu, sinh viên sẽ làm dàn bài cho phần mình vừa đọc) và làm kiểm tra nhanh cuối chương
1. Introduction to English Literature		
2. The different periods in English Literature		
2.1. The Old English, or Anglo-Saxon, Period (450-1066 A.D.) + Time + Features + Typical writer(s) and work(s)		
2.2. The Middle English Period (1066-1485) + Time + Features + Typical writer(s) and work(s)		
2.3. The Renaissance Period and the 17 <sup>th</sup> Century (1485-1660) + Time + Features + Typical writer(s) and work(s)		
2.4 + The Restoration Period or the Enlightenment (1660-1798) + Time + Features		

+ Typical writer(s) and work(s)		
2.5 The 19 <sup>th</sup> Century + Time + Features + Typical writer(s) and work(s)		
2.6 The 20 <sup>th</sup> Century + Time + Features + Typical writer(s) and work(s)		
<b>5.2. Chương 2. Figures of Speech (2 tuần)</b>	4	Bài giảng – Thảo luận nhóm và làm bài tập ứng dụng
1. Simile		
2. Metaphor		
3. Personification		
4. Metonymy		
5. Irony		
6. Understatement or Litotes		
7. Overstatement or Hyperbole		
8. Farce, Slapstick, and Buffoonery		
9. Parody and Burlesque		
10. Paradox		
11. Mimicry		
12. Oxymoron		
13. Alliteration and Onomatopoeia		
14. Assonance		
15. Parallelism		
16. Antithesis		
17. Euphemism		
18. Pun		
19. Climax		
<b>5.3. Chương 3. Some Elements of Fiction (2 tuần)</b>	4	Bài giảng – Thảo luận nhóm và làm bài tập ứng dụng
1. Characters		
2. Plot		
3. Theme		
4. Style		
<b>5.4. Chương 4. <i>Sonnet 71</i> by William Shakespeare (1 tuần)</b>	2	Bài giảng – Thảo luận nhóm và làm bài tập ứng dụng
<b>5.5. Chương 5. <i>Daffodils</i> by William Wordsworth (1 tuần)</b>	2	Bài giảng – Thảo luận nhóm và làm bài tập ứng dụng
<b>5.6. Chương 6. Chapter 1 from <i>Pride and Prejudice</i> by Jane Austen (2 tuần)</b>	4	Bài giảng – Thảo luận nhóm và làm bài tập ứng dụng
<b>5.7. Chương 7. <i>Mr. Know-All</i> by W. Somerset Maugham (3 tuần)</b>	6	Bài giảng – Thảo luận nhóm và làm bài tập ứng dụng
<b>5.8. Chương 8. <i>The Duchess and the Jeweler</i> by Virginia Woolf (2 tuần)</b>	4	Bài giảng – Thảo luận nhóm và làm bài tập ứng dụng

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) *English Literature* (Do giảng viên biên soạn)

### 6.2. Tài liệu khác

Các tài liệu tham khảo trên mạng như Wikipedia, Google, ...

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Hoàng Thị Thanh Tâm

## HỌC PHẦN VĂN HỌC MỸ

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Văn học Mỹ
- Mã học phần: 813053
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Đất nước học Mỹ (813055)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên

### 3. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những thời kỳ văn học chính sau đây:

- Văn học thời kỳ thuộc địa (1608- 1764)
- Văn học thời kỳ lập quốc (1764 -1830)
- Văn học thời kỳ phát triển (1831 – 1870)
- Văn học hiện thực (1871 – 1913)
- Văn học đầu thế kỷ XX (1914 – 1945)
- Các nhà văn : - Benjamin Franklin – Washington Irving – Henry David

Thoreau – Theodore Dreiser – John Steinbeck.

Với thời lượng là 30 tiết, học phần sẽ khái quát đặc điểm của từng thời kỳ văn học gắn với những giai đoạn phát triển của nước Mỹ. Những đặc điểm này sẽ được phân tích thông qua trích đoạn tác phẩm của các nhà văn.

### 4. Mục tiêu học phần

Văn học Mỹ là một môn khoa học nghiên cứu các tác phẩm văn học trong nền Văn học Mỹ, liên quan đến nhân vật và nhân sinh quan của con người. Các tính cách và đặc điểm các nhân vật trong các tác phẩm giúp sinh viên giúp sinh viên cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong các tác phẩm văn học.và một nền văn hóa mới.

4.1. Về kiến thức: biết được các thời kỳ văn học Mỹ: từ thời thuộc địa (The colonial times ) cho đến đầu thế kỷ 20

4.2. Về kỹ năng: trau dồi kỹ năng trình bày, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu cao cấp và bước đầu tập phân tích những bài viết của các nhà văn Mỹ qua các thời kỳ

### 4.3 Về thái độ:

- Đối với giảng viên: có tinh thần nghiên cứu, cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng thuyết trình, đảm bảo lượng nội dung kiến thức truyền tải đến sinh viên.

- Đối với sinh viên: có ý thức trau dồi kiến thức liên quan đến môn học thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, phát huy tư duy độc lập, xây dựng tinh thần đồng đội, hợp tác học tập tiến bộ trong tập thể qua các bài thảo luận nhóm, và chống tiêu cực trong kiểm tra; từ đó hình thành ý thức về định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

<b>Nội dung chi tiết của học phần</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá</b>
<b>1. Week 1:</b> <b>1.1 Chương 1.</b> Văn học thời kỳ thuộc địa	2	GV trình bày – SV đọc tài liệu
<b>2. Week 2:</b> <b>2.1 Chương 2.</b> Văn học thời kỳ lập quốc (1764 -1830)	2	GV trình bày– SV đọc tài liệu
<b>3. Week 3:</b> <b>3.1</b> Benjamin Franklin (selection 1)	2	Nhóm thuyết trình- GV góp ý
<b>4. Week 4:</b> <b>4.1</b> Benjamin Franklin (selection 2)	2	Nhóm thuyết trình – GV góp ý
<b>5. Week 5:</b> <b>5.1</b> Benjamin Franklin (selection 2) <b>5.2</b> Washington Irving (selection 1)	2	Nhóm thuyết trình – GV góp ý
<b>6. Week 6:</b> <b>5.1</b> Washington Irving (selection 1)	2	Nhóm thuyết trình – GV góp ý
<b>7. Week 7:</b> <b>7.1</b> Washington Irving (selection 2)	2	Nhóm thuyết trình – GV góp ý
<b>8. Week 8: Mid-term test</b>	2	
<b>9. Week 9:</b> <b>9.1 Chương 3.</b> Văn học thời kỳ phát triển (1831 –1870) <b>9.2</b> Henry David Thoreau (selection 1)	2	GV trình bày – SV đọc tài liệu
<b>10. Week 10:</b> <b>10.1</b> Henry David Thoreau (selection 1)	2	Nhóm thuyết trình – GV góp ý
<b>11. Week 11:</b> <b>11.1 Chương 4.</b> Văn học hiện thực (1871 – 1913) <b>11.2</b> Theodore Dreiser (selection 1)	2	GV trình bày – SV đọc tài liệu Nhóm thuyết trình – GV góp ý
<b>12. Week 12:</b> <b>12.1</b> Theodore Dreiser (selection 1)	2	Nhóm thuyết trình – GV góp ý
<b>13. Week 13:</b> <b>13.1 Chương 5.</b> Văn học đầu thế kỷ XX ( 1914 – 1945)	2	GV trình bày– SV đọc tài liệu
<b>14. Week 14:</b>	2	Nhóm thuyết trình – GV góp ý

14.1 John Steinbeck (selection 1)		
<b>15. Week 15:</b> 15.1 John Steinbeck (selection 2)	2	Nhóm thuyết trình – GV góp ý

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

American Major Authors (tài liệu do giáo viên biên soạn)

\* Nguồn tham khảo

- 1) Highlights of American Literature by Carl Bode, Professor of American Literature, University of Maryland
- 2) American Literature ( tài liệu tham khảo của khoa)
- 3) Internet

### 6.2. Tài liệu khác:

- 1) Dĩa CD: *World Book 2005 Deluxe Edition* (Tự điển bách khoa toàn thư)
- 2) Gehlmann, J and Bowman, M.R *Adventures in American Literature*

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Hoàng Quý

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG NGHE 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: KỸ NĂNG NGHE 1
- Mã học phần: 813051
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Hướng dẫn phương pháp nghe hiểu để sinh viên nghe có hiệu quả hơn. Cung cấp cho sinh viên những bài nghe với nội dung đa dạng như ví dụ như các tình huống giao tiếp hàng ngày, miêu tả người, nói về các đề tài quen thuộc như thể thao, giải trí... Thông qua những bài học nghe, sinh viên không những phát triển được kỹ năng nghe hiểu mà còn tiếp thu kiến thức ở nhiều lĩnh vực. Bên cạnh đó, những bài tập nghe còn giúp sinh viên nhận ra cách nối âm, cách sử dụng ngữ điệu trong tiếng Anh.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên đạt được trình độ nghe hiểu cơ bản.

4.2. Về kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên được trang bị nhiều phương pháp nghe khác nhau ví dụ như nghe ý chính hay nghe thông tin cụ thể. Sinh viên có khả năng làm được những bài tập nghe theo chuẩn quốc tế.

4.3. Về thái độ: Sinh viên dần hình thành tinh thần tự học tự nghiên cứu. Thông qua những hoạt động học tập trong lớp, sinh viên có thái độ hợp tác thân thiện với bạn học và tôn trọng thầy cô.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Giới thiệu chương trình</b>	2	Giới thiệu chương trình và hướng dẫn phương pháp học tập bộ môn.
<b>Unit 1: Friends Abroad</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.
Part 1: Vocabulary: Nations and Nationalities		
Part 2: Skill Development		

Part 3: Exam Practice (Section 1)		- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
<b>Unit 2: Food and Cooking</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary - Types of food - Cooking methods - Weight and measurements - Countable and Uncountable Nouns		
Part 2: Skill Development (Section 2)		
Part 3: Exam Practice (Section 2)		
<b>Unit 3: Presentations</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary - Presentations - Vocabulary groups		
Part 2: Skill Development (Section 3)		
Part 3: Exam Practice (Section 3)		
<b>Unit 4: Work</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary - People at work - Words that go together		
Part 2: Skill Development (Section 4)		
Part 3: Exam Practice (Section 4)		
<b>Unit 5: On-campus Services</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary - Campus services - Prepositions		
Part 2: Skill Development - Sentence Completion - Short-answer questions		
Part 3: Exam Practice (Section 1)		
<b>Unit 6: Staying safe</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary - Crime - Collocations - Pronunciation		
Part 2: Skill Development (Table Completion)		
Part 3: Exam Practice (Section 2)		
<b>Unit 7: Studying, Exams and Revision</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary - Comparatives - Adjectives and Adverbs		
Part 2: Skill Development - Sentence Completion		
Part 3: Exam Practice (Section 3)		
<b>Unit 8: Shopping and Spending</b>	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.
Part 1: Vocabulary - Shopping options		



- Collocations		- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 2: Skill Development		
- Note completion		
- Multiple-choice questions		
- Short-answer questions		
Part 3: Exam Practice (Section 4)		
<b>Mid-term TEST</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến trình thi và chủ đề thi. - Thực hiện thi ngay trong tiết dạy.
<b>Unit 9: Hobbies, Interests and Sports</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
- Vocabulary note		
Part 2: Skill Development		
- Table completion		
- Completing forms		
Part 3: Exam Practice (Section 3)		
<b>Unit 10: Work-life Balance</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
- Words that have similar meaning		
- Nouns or Verbs		
- Spelling		
Part 2: Skill Development		
- Sentence completion		
- The final -s		
Part 3: Exam Practice (Section 2)		
<b>Unit 11: Comparing cultures</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
- Cultures across the world		
- Listening for key words		
Part 2: Skill Development		
- Listening for comparisons and contrasts		
- Matching information		
Part 3: Exam Practice (Section 3)		
<b>Unit 12: Exploring the oceans</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
- Trends and statistic		
Part 2: Skill Development		
- Labeling diagrams		
Part 3: Exam Practice (Section 4)		
<b>Revision for the Final TEST</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến trình thi và chủ đề thi.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

- 1) Jane Short, (2011), *Get Ready for IELTS - Listening* – Nhà xuất bản Harper Collins

## 6.2. Tài liệu khác

- 1) Cusack, B. & McCarter, S. (2007), *Improve your IELTS: Listening and Speaking Skills*, Oxford: Macmillan.
- 2) Tanka, J & Baker, L.R. (2007), *Interactions 2 – Listening and Speaking, Silver Edition*, McGraw Hill.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Nghe, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Trần Quang Loan Tuyền

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG NGHE 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: KỸ NĂNG NGHE 2
- Mã học phần: 813056
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Nghe 1 (813051)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:**

Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Hướng dẫn phương pháp nghe hiểu để sinh viên nghe có hiệu quả hơn. Cung cấp cho sinh viên những bài nghe với nội dung đa dạng như ví dụ như các tình huống giao tiếp hàng ngày, miêu tả người, nói về các đề tài quen thuộc như thể thao, giải trí... Thông qua những bài học nghe, sinh viên không những phát triển được kỹ năng nghe hiểu mà còn tiếp thu kiến thức ở nhiều lĩnh vực. Bên cạnh đó, những bài tập nghe còn giúp sinh viên nhận ra cách nối âm, cách sử dụng ngữ điệu trong tiếng Anh.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên đạt được trình độ nghe hiểu cơ bản.

4.2. Về kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên được trang bị nhiều phương pháp nghe khác nhau ví dụ như nghe ý chính hay nghe thông tin cụ thể. Sinh viên có khả năng làm được những bài tập nghe theo chuẩn quốc tế.

4.3. Về thái độ: Sinh viên dần hình thành tinh thần tự học tự nghiên cứu. Thông qua những hoạt động học tập trong lớp, sinh viên có thái độ hợp tác thân thiện với bạn học và tôn trọng thầy cô.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Giới thiệu chương trình</b>	<b>2</b>	Giới thiệu chương trình và hướng dẫn phương pháp học tập bộ môn.
<b>Unit 1: On the move</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên

Part 1: Vocabulary		cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 2: Practice Exercises - Form completion - Matching - Multiple choice		
Part 3: Exam Practice (Section 1)		
<b>Unit 2: Being young</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Labeling a map or plan - Flow chart completion		
Part 3: Exam Practice (Section 2)		
<b>Unit 3: Climate</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Classification - Labeling a diagram - Note completion		
Part 3: Exam Practice (Section 3)		
<b>Unit 4: Family structure</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Short-answer questions - Sentence and summary completion - Choosing answers from a list		
Part 3: Exam Practice (Section 4)		
<b>Unit 5: Starting university</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Labeling a map or plan - Form completion – addresses - Note completion		
Part 3: Exam Practice (Section 1)		
<b>Unit 6: Fame</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Matching - Multiple choice - Choosing answers from a list		
Part 3: Exam Practice (Section 2)		
<b>Unit 7: Alternative energy</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Flow chart completion - Short-answer questions - Summary completion		
Part 3: Exam Practice (Section 3)		

<b>Unit 8: Migration</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Classification - Labeling a diagram - Table completion		
Part 3: Exam Practice (Section 4)		
<b>Mid-term TEST</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến trình thi và chủ đề thi.</li> <li>- Thực hiện thi ngay trong tiết dạy.</li> </ul>
<b>Unit 9: At the gym</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Labeling a diagram - Form completion - Short-answer questions		
Part 3: Exam Practice (Section 1)		
<b>Unit 10: At the office</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Table completion - Summary completion - Classification		
Part 3: Exam Practice (Section 2)		
<b>Unit 11: Local languages</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Vocabulary		
Part 2: Practice Exercises - Multiple choice - Labeling a map or plan - Selecting form a list		
Part 3: Exam Practice (Section 3)		
<b>Unit 12: Practice Test (4 sections)</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1:		
Part 2:		
Part 3:		
Part 4:		
<b>Revision for the Final TEST</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến trình thi và chủ đề thi.</li> </ul>

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

- 1) Fiona Aish & Jo Tomlinson, (2011), *Listening for IELTS* - Nhà xuất bản Harper Collins

## 6.2. Tài liệu khác

- 1) Cusack, B. & McCarter, S. (2007), *Improve your IELTS: Listening and Speaking Skills*, Oxford: Macmillan.
- 2) Jack C. Richards with Grant Trew - *Tactics for Listening*, Oxford University Press, Third Edition (2012)
- 3) Richards, J.C. (2011), *Listen Carefully*, Oxford: Oxford University Press.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Nghe, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Trần Quang Loan Tuyền

**HỌC PHẦN  
KỸ NĂNG NGHE 3****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: KỸ NĂNG NGHE 3
- Mã học phần: 813306
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết: 30
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng Nghe 2 (813056)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần**

- Trang bị cho sinh viên kiến thức về cách làm bài nghe theo chuẩn quốc tế. Sinh viên sẽ được học về cách ghi chú khi nghe và cách trả lời các câu hỏi theo dạng trắc nghiệm và các kỹ năng trả lời câu hỏi.

- Giúp sinh viên rèn luyện thêm kỹ năng nghe để tham gia các kỳ thi quốc tế như: TOEIC, TOEFL, ....

- Sinh viên sẽ có một bài kiểm tra giữa học phần.

- Những bài kiểm tra ngắn và bài kiểm tra hoàn chỉnh sẽ được tiến hành trong suốt học phần với mục đích ôn tập và củng cố kiến thức cho SV.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên thu thập thêm kiến thức về những vấn đề có tính chất học thuật như: lịch sử, văn hóa, khoa học, kỹ thuật và được trang bị một số từ vựng và thành ngữ liên quan đến các chủ đề trên. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được làm quen với các định dạng của bài thi nghe quốc tế, được hướng dẫn cách làm bài nhằm đạt được kết quả tốt.

4.2. Về kỹ năng: được rèn luyện về các kỹ năng nghe của bài thi nghe quốc tế như IELTS

4.3. Về thái độ: Sinh viên có thái độ tích cực trong học tập và tự rèn luyện thêm để có thể tham gia các kỳ thi quốc tế theo chuẩn CEFER - Common European Framework of Reference for Languages – (Khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ Châu Âu) nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu của Bộ Giáo dục về môn Tiếng Anh.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>5.1. IELTS Listening Exam Guide - Section 1 (pages 50 – 53)</b>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn phương pháp học tập bộ môn.</li> <li>- Giảng viên hướng dẫn các chiến lược để thực hiện tốt một bài Nghe IELTS phần 1.</li> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm từng mini-task để minh họa cho từng chiến lược.</li> <li>- Sinh viên làm bài tập áp dụng.</li> <li>- Giảng viên phản hồi.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm.</li> </ul>
<b>5.2. Unit 1: Providing personal information</b> 1. Lead-in questions 2. Focus on letter recognition (Task 1) 3. Pre-listening practice (Task 2, 3) 4. Main listening (Task 4) 5. Post- listening activity	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> <li>- Giảng viên sửa bài.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm.</li> </ul>
<b>5.3. Unit 2: Opening an account</b> 1. Lead-in questions (Task 1, 2) 2. Focus on numbers in context (Task 3) 3. Main listening (Task 4) 4. Post- listening activity	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> <li>- Giảng viên sửa bài.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm.</li> </ul>
<b>5.4. IELTS Listening Exam Guide</b> - Section 2 (pages 54 – 57) - Section 1 & 2 (pages 58 – 61)	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn các chiến lược để thực hiện tốt một bài Nghe IELTS phần 2 và kết hợp thực hành phần 1 và 2.</li> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm từng mini-task để minh họa cho từng chiến lược.</li> <li>- Sinh viên làm bài tập áp dụng.</li> <li>- Giảng viên phản hồi.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm.</li> </ul>
<b>5.5. Unit 3: On campus</b> 1. Lead-in questions 2. Focus on predictive skills (Task 1)	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách</li> </ul>



3. Focus on the preliminary section (Task 2)		tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.
4. Gap-fill Practice (Task 3)		- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
5. Main listening (Task 4)		- Giảng viên sửa bài.
6. Post- listening Activity		- Sinh viên rút kinh nghiệm.
<b>5.6. Unit 4: Finding your way around</b>	<b>2</b>	
1. Lead-in questions – Dialogue (Task 1)		- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.
2. Focus on map and plan interpretation (Task 2, 3, 4)		- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
3. Main listening (Task 5)		- Giảng viên sửa bài.
4. Post- listening activities		- Sinh viên rút kinh nghiệm.
<b>5.7. IELTS Listening Exam Guide</b> - Section 3 (pages 62 – 65) - Section 4 (pages 66 – 68)	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn phương pháp học tập bộ môn. - Giảng viên hướng dẫn các chiến lược để thực hiện tốt một bài Nghe IELTS phần 3 và 4. - Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm từng mini-task để minh họa cho từng chiến lược. - Sinh viên làm bài tập áp dụng. - Giảng viên phản hồi. - Sinh viên rút kinh nghiệm.
<b>5.8. Unit 5: Out and about</b>	<b>2</b>	
1. Lead-in activity (Task 1)		- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.
2. Focus on Gap-fill task (Task 2, 3)		- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
3. Main listening (Task 4)		- Giảng viên sửa bài.
4. Post- listening activities		- Sinh viên rút kinh nghiệm.
<b>5.9. Unit 6: University courses</b>	<b>2</b>	
1. Lead-in activity		- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.
2. Focus on Part 3 task (Task 1)		- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
3. Focus on distracters (Task 2, 3)		- Giảng viên sửa bài.
4. Main listening (Task 4)		- Sinh viên rút kinh nghiệm.
5. Post- listening activities		
<b>5. 10. IELTS Listening Exam Guide</b> Section 3 & 4 (pages 69 – 74)	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn các chiến lược để thực hiện tốt một bài Nghe IELTS phần 3 và 4. - Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm từng mini-task để minh họa cho từng chiến lược.

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên làm bài tập áp dụng.</li> <li>- Giảng viên phản hồi.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm.</li> </ul>
<b>5.11. Unit 7: Getting down to work</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> <li>- Giảng viên sửa bài.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm.</li> </ul>
1. Lead-in activity		
2. Focus on Join-up speech (Task 1, 2, 3)		
3. Focus on Pronouns in word substitution		
4. Main listening (Task 4)		
5. Post- listening activities		
<b>5.12. Unit 8: Finding your way around</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> <li>- Giảng viên sửa bài.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm.</li> </ul>
1. Lead-in activity		
2. Focus on Part 4 Tasks (Task 1)		
3. Focus on Word Form (Task 2, 3)		
4. Focus on Signposting		
5. Main listening (Task 4)		
6. Post- listening activities		
<b>5.13. Mid-term Test</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên tổ chức cho sinh viên thực hiện thi giữa học kỳ trong tiết dạy.</li> </ul>
<b>5.14. Unit 9: The world of Science</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> <li>- Giảng viên sửa bài.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm.</li> </ul>
1. Lead-in activity		
2. Focus on comprehension in Multiple Choice tasks (Task 1)		
3. Focus on complex Multiple Choice, Matching and Multiple Matching tasks (Task 2, 3)		
4. Main listening (Task 4)		
5. Post- listening activity		
<b>5.15. Unit 10: The sky's the limit</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> <li>- Giảng viên sửa bài.</li> <li>- Sinh viên rút kinh nghiệm</li> <li>- Giảng viên</li> </ul>
1. Lead-in activity		
2. Focus on Charts and Diagrams (Task 1)		
3. Focus on language (Task 2)		
4. Main listening (Task 3)		
5. Post- listening activity		
<b>6. Revision for the Final Test</b>		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1) Andrew Betsis, (2014), *Succeed in IELTS – Listening and Vocabulary* – Nhà xuất bản Tổng hợp

### 6.2. Tài liệu khác

1) Min, H. & Gordon, J.A. (2010), *Essential Listening for IELTS*, Nhà xuất bản Tổng hợp

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Nghe, thời gian thi: 30 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Trần Quang Loan Tuyền

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG NÓI 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: KỸ NĂNG NÓI 1
- Mã học phần: 813059
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết: 30
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Trong học phần này, sinh viên được quyền chọn chủ đề để trình bày theo yêu cầu của câu hỏi và trình bày quan điểm của bản thân về chủ đề được chọn với những lập luận của riêng mình. Dạng câu hỏi này được gọi là Personal Preference.

Học phần giúp sinh viên tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm trong quá trình sắp xếp các ý tưởng của mình theo một dàn ý hợp lý và thuyết phục, biết cách vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo khi phải phát ý kiến riêng về một chủ đề được nêu lên làm tiền đề cho các kỳ thi quốc tế sau này.

Những câu hỏi trong học phần này tập trung vào những nội dung thiết thực trong cuộc sống và sinh hoạt hằng ngày như: học tập, nghề nghiệp, sở thích, điện ảnh, thể thao, ẩm thực, lối sống, những trải nghiệm của bản thân, danh nhân, khoa học, kỹ thuật, ...

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên có thể tự mình làm được một dàn ý cụ thể trong thời gian nhanh nhất trước khi trình bày chủ đề được nêu ra. Ngoài ra sinh viên cũng được trang bị và biết cách sử dụng những thành ngữ thông dụng trong các kỳ thi nói quốc tế khi giới thiệu chủ đề, lý do và những nội dung khác khi trình bày ý kiến của mình.

4.2. Về kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên có thể phát triển kỹ năng nói của bản thân khi phải trình bày một nội dung nào đó một cách tự tin và thuyết phục.

4.3. Về thái độ: Sinh viên dần hình thành thói quen trình bày nội dung của mình một cách ngắn gọn, phát huy được tính tích cực, độc lập, sáng tạo khi sử dụng ngôn ngữ nói.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Giới thiệu chương trình</b>	<b>2</b>	Giới thiệu chương trình và hướng dẫn phương pháp học tập bộ môn.
<b>Unit 1</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 2</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 3</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 4</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 5</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 6</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 7</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 8</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên

Part 1: Language Development		cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Mid-term TEST</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến trình thi và chủ đề thi. - Thực hiện thi ngay trong tiết dạy.
<b>Unit 9</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 10</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 11</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Unit 12</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1: Language Development		
Part 2: Skill Development		
Part 3: Exam Practice		
<b>Revision for the Final TEST</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến trình thi và chủ đề thi.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1) Rhona Snelling, (2011), *Get Ready for IELTS - Speaking* – Nhà xuất bản Harper Collins

### 6.2. Tài liệu khác

1) Cusack, B. & McCarter, S. (2007), *Improve your IELTS: Listening and Speaking Skills*, Oxford: Macmillan.

2) Deborah Phillips - Longman Preparation for the Toefl Tests - Next Generation, Speaking Section, NXB Longman, năm 2006.

**7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Nói theo cá nhân + phân hỏi thêm của giám khảo.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Trần Quang Loan Tuyền

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG NÓI 2****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: KỸ NĂNG NÓI 2
- Mã học phần: 813060
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết: 30
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng nói 1 (813059)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên**3. Mô tả học phần**

Trong học phần này, sinh viên phải chọn một trong hai ý kiến khác nhau được nêu ra trong câu hỏi và trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề được nêu lên với những lập luận của riêng mình. Dạng câu hỏi này được gọi là Paired Choice.

Học phần giúp sinh viên tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm trong quá trình sắp xếp các ý tưởng của mình theo một dàn ý hợp lý và thuyết phục, biết cách vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo khi phải phát ý kiến riêng về một chủ đề được nêu lên làm tiền đề cho các kỳ thi quốc tế sau này.

Những câu hỏi trong học phần này tập trung vào những ý kiến, quan điểm, nhận định khác nhau về những vấn đề trong cuộc sống và sinh hoạt hằng ngày như: học tập, nghề nghiệp, sở thích, điện ảnh, thể thao, ẩm thực, lối sống, những trải nghiệm của bản thân, danh nhân, khoa học, kỹ thuật, ...

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên có thể tự mình làm được một dàn ý cụ thể trong thời gian nhanh nhất trước khi trình bày chủ đề được nêu ra. Ngoài ra sinh viên cũng được trang bị và biết cách sử dụng những thành ngữ thông dụng trong các kỳ thi nói quốc tế khi giới thiệu chủ đề, lý do và những nội dung khác khi trình bày ý kiến của mình.

4.2 Về kĩ năng: Sau khi học xong, sinh viên có thể phát triển kỹ năng nói của bản thân khi phải trình bày một nội dung nào đó một cách tự tin và thuyết phục.



4.3 Về thái độ: Sinh viên dần hình thành thói quen trình bày nội dung của mình một cách ngắn gọn, phát huy được tính tích cực, độc lập, sáng tạo khi sử dụng ngôn ngữ nói.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Giới thiệu chương trình</b>	<b>2</b>	Giới thiệu chương trình và hướng dẫn phương pháp học tập bộ môn.
<b>Unit 1: PEOPLE AND RELATIONSHIPS</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
1. Vocabulary: Character and personality, Relationships, Modifying		
2. Grammar: Tenses		
3. Pronunciation: Weak and strong forms		
4. Exam Technique: What it means to “know” a word		
5. Practice		
<b>Unit 2: A HEALTHY BODY</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn..</li> </ul>
1. Vocabulary: Sports and Fitness, Health and Diet, Collocations		
2. Grammar		
3. Pronunciation: Expressing enthusiasm, Expressing opinions		
4. Exam Technique: Planning your answers		
5. Practice		
<b>Unit 3: STUDIES AND WORK</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
1. Vocabulary: Studies and Work		
2. Grammar: Speculating		
3. Pronunciation: Words stress		
4. Exam Technique: Giving answers that are the right length		
5. Practice		
<b>Unit 4: THE WORLD AROUND US</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
1. Vocabulary: The environment, Climate		
2. Grammar: Cleft Sentences, Complex Sentences Subordinate Clause		
3. Pronunciation: Long and short Vowels Sound		
4. Exam Technique: Using news article to improve your answers		

5. Practice		
<b>Unit 5: COMMUNICATION</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
1. Vocabulary: Languages, Keeping in Touch Globalisation		
2. Grammar: Making Comparison Expressing Attitudes		
3. Pronunciation: Consonants		
4. Exam Technique: Giving yourself time to think		
5. Practice		
<b>Unit 6: TECHNOLOGY</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
1. Vocabulary: Technology Internet		
2. Grammar: Phrasal Verb Particles		
3. Pronunciation: Sentence Stress		
4. Exam Technique: Coherence		
5. Practice		
<b>Unit 7: HOBBIES</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
1. Vocabulary: Likes and Dislikes, Hobbies		
2. Grammar: Frequency Present Perfect		
3. Pronunciation: The schwa /ə /		
4. Exam Technique: Sounding polite		
5. Practice		
<b>Unit 8: YOUTH</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
1. Vocabulary: Remembering Childhood		
2. Grammar: Past Tense, Used to and Would		
3. Pronunciation: Past tense –ed ending Diphthongs		
4. Exam Technique: Fluency		
5. Practice		
<b>Unit 9: HOME</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể.</li> <li>- Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.</li> </ul>
1. Vocabulary: Describing places Comparing now and then Suffixes		
2. Grammar: The passive, The Causative		
3. Pronunciation: Silent letters		
4. Exam Technique: Clarifying, paraphrasing and giving example		
5. Practice		

<b>MID-TERM TEST</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến trình thi và chủ đề thi. - Thực hiện thi ngay trong tiết dạy.
<b>Unit 10: CULTURE</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
1. Vocabulary: Festivals and historical sites Protecting our heritage		
2. Grammar: The Future		
3. Pronunciation: Linking		
4. Exam Technique: Predicting questions		
5. Practice		
<b>Unit 11: ON THE MOVE</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
1. Vocabulary: Holidays, Tourism		
2. Grammar: Short answers, Cause and Effects		
3. Pronunciation: Extra stress		
4. Exam Technique: What kind of speaker are you?		
5. Practice		
<b>Unit 12: PRACTICE EXAM</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tiến hành từng nội dung một cách cụ thể. - Sinh viên thực hành từng nội dung theo hướng dẫn.
Part 1		
Part 2		
Part 3		
Part 4		
<b>REVISION FOR THE FINAL EXAM</b>	<b>2</b>	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến trình thi và chủ đề thi.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1) Karen Kovacs, (2011), *Speaking for IELTS - Speaking* – Nhà xuất bản Harper Collins

### 6.2. Tài liệu khác

1) Cusack, B. & McCarter, S. (2007), *Improve your IELTS: Listening and Speaking Skills*, Oxford: Macmillan.

2) Deborah Phillips - Longman Preparation for the Toefl Tests - Next Generation iBT, NXB Longman, năm 2008

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phân nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Nói theo cá nhân + phần hỏi thêm của giám khảo

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Trần Quang Loan Tuyền

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG NÓI 3****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng Nói 3
- Mã học phần: 813307
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng nói 2 (813060)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần**

Trong môn học này, sinh viên được hướng dẫn cách chọn và phát triển các đề tài cụ thể, chuẩn bị dàn ý chi tiết, thực tập trình bày tại lớp. Trong khi thuyết trình, sinh viên vận dụng những ngôn ngữ hình thể đã được hướng dẫn để làm cho bài nói của mình thêm sinh động, thu hút người nghe. Từ đó giúp sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng trình bày trước công chúng với lập luận chặt chẽ, phản biện logic trên tinh thần xây dựng không chỉ ở bộ môn này mà còn ở các bộ môn khác; đặc biệt giúp sinh viên tự tin và đủ khả năng trình bày các đề tài nghiên cứu trong học tập cũng như trong công việc sau này.

**4. Mục tiêu học phần:**

- 4.1. Về kiến thức: Sau khi hoàn tất khóa học, sinh viên có thể
  - Nắm vững các phương pháp và kỹ năng trình bày một bài thuyết trình có chuẩn bị trước hoặc không chuẩn bị trước trước công chúng.
  - Phát triển khả năng tư duy và lý luận chặt chẽ.
  - Phát triển khả năng thu thập, chọn lọc, phân tích, liên kết và sắp xếp các ý tưởng một cách logic để hình thành dàn bài chi tiết cho một bài thuyết trình.
- 4.2. Về kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên có thể
  - củng cố và phát triển kỹ năng Nghe và Nói.
  - Trau dồi kỹ năng thuyết trình cá nhân trước công chúng để phục vụ cho những môn học kế tiếp.

## 4.3. Về thái độ:

- Đối với giảng viên: có tinh thần nghiên cứu, cập nhật kiến thức, đảm bảo lượng nội dung kiến thức truyền tải đến sinh viên và hướng dẫn sinh viên nắm vững các kiến thức yêu cầu, đạt được mục tiêu của chương trình.
- Đối với sinh viên: tham dự lớp học nghiêm túc, đầy đủ. Có ý thức cập nhật thông tin liên quan đến môn học thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng. Phát huy tư duy độc lập trong quá trình tự học, nghiên cứu. Chuẩn bị tốt bài thuyết trình trên cơ sở ứng dụng các phương pháp đã học và trao đổi kinh nghiệm với các bạn cùng nhóm.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức / Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Introduction to Public Speaking</b> 1.1 Speaking in public 1.2 Varieties of public speaking 1.2.1 Speaking to inform 1.2.2 Speaking to persuade	5	Giáo án điện tử, bài giảng. SV thảo luận theo nhóm và trả lời các câu hỏi, sau đó giảng viên quyết định hướng trả lời. SV bốc thăm đề tài chuẩn bị cho phần kiểm tra giữa kỳ. SV được yêu cầu đọc trước nội dung chương tiếp theo để chuẩn bị tốt cho bài học.
<b>2. Speech Preparation: Getting Started</b> 2.1 Selecting a topic and a purpose 2.2 Analyzing the audience 2.3 Supporting your ideas	10	GV hướng dẫn SV thảo luận nhóm về phương pháp lựa chọn chủ đề và xác định mục đích của bài thuyết trình, làm rõ vai trò của người thuyết trình và người nghe, và cách dẫn chứng những ví dụ cho bài nói thêm hiệu quả.
<b>3. Speech Preparation: Organizing and Outline</b> 3.1 Organizing the body of the speech 3.2 Beginning and ending the speech 3.3. Outlining the speech	10	Giảng viên hướng dẫn các nội dung trong quá trình chuẩn một bài thuyết trình với các ví dụ minh họa cụ thể. SV thực hành phân tích một dàn ý trong sách, tự thực hiện một dàn ý với chủ đề đã chọn và thực hành thuyết trình trên lớp ( <u>theo nhóm</u> ) với dàn ý đó. Giảng viên giúp phân tích và nhận xét bài thuyết trình của SV.
<b>4. Presenting the Speech</b> 4.1 Delivery	10	Giảng viên hướng dẫn kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ hình thể và trực

4.2 Using visual aids		quan sinh động (hình ảnh, video clip, powerpoint...) để minh họa trong quá trình thuyết trình nhằm tạo hiệu quả cho bài nói. SV ứng dụng các kỹ thuật đã học để thuyết trình ( <u>theo nhóm hoặc cá nhân</u> ) với các đề tài đã chọn. Giảng viên cho phản hồi và góp ý.
<b>5.Kiểm tra giữa kỳ</b>	10	SV bốc thăm để chọn đề tài do giảng viên đưa ra, chuẩn bị một <b>dàn ý chi tiết</b> (trên giấy) và <b>thuyết trình trước lớp</b> trong thời gian <b>5-7 phút</b> ( <u>cá nhân</u> ) bằng powerpoint. Giảng viên phản hồi (nếu cần) và cho điểm.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Stephen E. Lucas, *The Art of Public Speaking*, McGraw-Hill (2008).

### 6.2. Tài liệu khác

1) Halminton Gregory, *Public Speaking for College and Career*, McGraw-Hill.

2) Paulette Dale & James C. Wolf, *Speech Communication Made Simple*, Longman.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Nói, thời gian làm bài: 10 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG ĐỌC 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng Đọc 1
- Mã học phần: 813062
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Thông qua học phần này, sinh viên có được cơ hội đọc về các vấn đề rất đa dạng, được mở rộng tầm nhìn qua các đề tài của bài đọc, nâng cao được kiến thức của mình trong nhiều lĩnh vực. Học phần kỹ năng đọc 1 sử dụng giáo trình Effective Reading của nhà xuất bản Macmillan gồm những bài đọc ngắn thuộc nhiều thể loại như ngôn ngữ, thể thao, dân số, thành công giúp cho sinh viên làm quen với những nét đặc trưng của các thể loại này, chuẩn bị cho việc đọc nâng cao về sau.

Qua đó, giảng viên sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc những bài văn học thuật trong lĩnh vực thể thao, khoa học, giáo dục và cuộc sống hằng ngày. Đồng thời những bài tập trong giáo trình cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phát triển từ vựng tiếng Anh, phân tích ngôn ngữ và kỹ năng viết câu.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

Trau dồi kỹ năng đọc hiểu những bài đọc ngắn về các chủ đề quen thuộc như: ngôn ngữ, thể thao, dân số, thành công, ...

**4.2. Về kỹ năng**

Rèn luyện kỹ năng đọc và hiểu vấn đề một cách sâu rộng qua khả năng vận dụng, phân tích và tổng hợp vấn đề.

**4.3. Về thái độ**

Xây dựng thái độ tích cực về lòng đam mê đọc hiểu không chỉ để nắm bắt ngôn ngữ mà chủ yếu là để khám phá thế giới xung quanh.



### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Extensive reading</b>	<b>3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp.</li> <li>- Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời.</li> <li>- Giảng viên nhận xét.</li> </ul>
<b>1.1. Pre - reading</b>		
1.1.1. Pre – reading 1 Discussions for the answers of the questions about the content of the reading.		
1.1.2. Pre – reading 2 Discussions for the learners’ opinions about the topic of the reading.		
<b>1.2. Comprehension</b>		
1.2.1. Comprehension 1 True – False exercise & evidence show.		
1.2.2. Comprehension 2 Questions & answers without using a dictionary.		
<b>1.3. Vocabulary focus</b>		
1.3.1. Vocabulary focus 1 Sentence completion with the words in the box.		
1.3.2. Vocabulary focus 2 Sentence completion with the appropriate form of the words in the box.		
<b>Chương 2: Money</b>	<b>3</b>	
<b>1.1 Pre - reading</b>		
1.1.1 Pre – reading 1 Order arrangement		
1.1.2 Pre – reading 2 Discussions for the opinions.		
<b>1.2 Comprehension</b>		
1.2.1 Comprehension 1 Error recognition.		
1.2.2 Comprehension 2 Questions & answers		
<b>1.3 Vocabulary focus</b>		
1.3.1 Vocabulary focus 1 Sentence completion with the expressions in the		

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
box.		
1.3.2 Vocabulary focus 2 Sentence completion with the words in the box.		
<b>Chương 3: Love</b>	<b>3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp.</li> <li>- Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời.</li> <li>- Giảng viên nhận xét.</li> </ul>
<b>1.1 Pre - reading</b>		
1.1.1 Pre – reading 1 Sentence completion with the words from the text.		
1.1.2 Pre – reading 2 Discussions for opinions.		
<b>1.2 Comprehension</b>		
1.2.1 Comprehension 1 Style identification.		
1.2.2 Comprehension 2 Questions & answers		
<b>1.3 Vocabulary focus</b>		
1.3.1 Vocabulary focus 1 Word matching to their antonyms.		
1.3.2 Vocabulary focus 2 The identification of word meaning.		
<b>Chương 4: The Internet</b>	<b>3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp.</li> <li>- Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời.</li> <li>- Giảng viên nhận xét.</li> </ul>
<b>1.1 Pre - reading</b>		
1.1.1 Pre – reading 1 Sentence completion with the words from the text.		
1.1.2 Pre – reading 2 Discussions for opinions.		
<b>1.2 Comprehension</b>		
1.2.1 Comprehension 1 Summary completion with the words in the box.		
1.2.2 Comprehension 2 Questions & answers.		
<b>1.3 Vocabulary focus</b>		
1.3.1 Vocabulary focus 1		

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Sentence completion.		
1.3.2 Vocabulary focus 2 Word matching to their definitions.		
<b>Chương 5: Language</b>	<b>3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp.</li> <li>- Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời.</li> <li>- Giảng viên nhận xét.</li> </ul>
<b>1.1 Pre - reading</b>		
1.1.1 Pre – reading 1 Sentence completion with the words from the text.		
1.1.2 Pre – reading 2 Discussions for opinions.		
<b>1.2 Comprehension</b>		
1.2.1 Comprehension 1 True – False exercise & evidence show.		
1.2.2 Comprehension 2 Questions & answers.		
<b>1.3 Vocabulary focus</b>		
1.3.1 Vocabulary focus 1 Sentence completion.		
1.3.2 Vocabulary focus 2 Sentence completion with the correct word form.		
<b>Chương 6: Population in peril</b>	<b>3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp.</li> <li>- Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời.</li> <li>- Giảng viên nhận xét.</li> </ul>
<b>1.1 Pre - reading</b>		
1.1.1 Pre – reading 1 Sentence completion with the words from the text.		
1.1.2 Pre – reading 2 Discussions for opinions.		
<b>1.2 Comprehension</b>		
1.2.1 Comprehension 1 True – False exercise & evidence show.		
1.2.2 Comprehension 2 1.2.3 Table completion with the information from the text.		
<b>1.3 Vocabulary focus</b>		

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
1.3.1 Vocabulary focus 1 Summary completion with the words in the box.		
1.3.2 Vocabulary focus 2 Word recognition from the group.		
<b>Review + Mid-term</b>	<b>3</b>	
<b>Chương7: Sports</b>	<b>3</b>	
<b>1.1 Pre - reading</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp.</li> <li>- Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời.</li> <li>- Giảng viên nhận xét.</li> </ul>
1.1.1 Pre – reading 1 Questions & answers.		
1.1.2 Pre – reading 2 Word matching to their definitions.		
<b>1.2 Comprehension</b>		
1.2.1 Comprehension 1 Error recognition.		
1.2.2 Comprehension 2 Questions & answers.		
<b>1.3 Vocabulary focus</b>		
1.3.1 Vocabulary focus 1 Sentence completion with words in the box.		
1.3.2 Vocabulary focus 2 Word & picture matching.		
<b>Chương8: Media</b>	<b>3</b>	
<b>1.1 Pre - reading</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp.</li> <li>- Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời.</li> <li>- Giảng viên nhận xét.</li> </ul>
1.1.1 Pre – reading 1 Sentence completion with the words from the text.		
1.1.2 Pre – reading 2 Discussions for opinions.		
<b>1.2 Comprehension</b>		
1.2.1 Comprehension 1 True – False exercise & evidence show.		
1.2.2 Comprehension 2 Questions & answers.		

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>1.3 Vocabulary focus</b>		- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp. - Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời. - Giảng viên nhận xét.
1.3.1 Vocabulary focus 1 Sentence completion with words in the box.		
1.3.2 Vocabulary focus 2 Word recognition from the group.		
<b>Chương 9: Success</b>	<b>3</b>	
<b>1.1 Pre - reading</b>		
1.1.1 Pre – reading 1 Sentence completion with the words from the text.		
1.1.2 Pre – reading 2 Showing opinions.		
<b>1.2 Comprehension</b>		
1.2.1 Comprehension 1 True – False exercise & evidence show.		
1.2.2 Comprehension 2 Questions & answers.		
<b>1.3 Vocabulary focus</b>		
1.3.1 Vocabulary focus 1 Sentence completion with words in the box.		
1.3.2 Vocabulary focus 2 Sentence completion with the correct word form.		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Miles S. (2014), *Effective Reading 3 Intermediate*, Macmillan.

### 6.2. Tài liệu khác

1) Heyderman E. & May P. (2010), *Complete PET*, Cambridge University Press.

2) Bernard, J. & Lee, B. (1999), *Select Readings – Intermediate*, Oxford: Oxford University Press.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

**7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng**

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

**7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT****TRƯỞNG NGÀNH****TRƯỞNG BỘ MÔN****NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

TS. Bùi Diễm Hạnh

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG ĐỌC 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng Đọc 2
- Mã học phần: 813063
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng đọc 1 (813062)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Học phần kỹ năng đọc 2 vẫn tiếp tục sử dụng giáo trình Effective Reading của nhà xuất bản Macmillan, nhưng cấp độ nâng cao hơn, gồm những bài đọc ngắn thuộc nhiều thể loại như ngôn ngữ, điện ảnh, thời trang ... giúp cho sinh viên làm quen với những nét đặc trưng của các thể loại này, chuẩn bị cho việc đọc nâng cao về sau.

Qua đó, giảng viên sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc những bài văn học thuật trong lĩnh vực âm thực, thiên nhiên, kỹ thuật, .... Đồng thời những bài tập trong giáo trình cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phát triển từ vựng tiếng Anh, phân tích ngôn ngữ và kỹ năng viết câu.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

Trau dồi kỹ năng đọc hiểu những bài đọc ngắn về các chủ đề quen thuộc như: ngôn ngữ, phim ảnh, thời trang, ...

**4.2. Về kỹ năng**

Rèn luyện kỹ năng đọc và hiểu vấn đề một cách sâu rộng qua khả năng vận dụng, phân tích và tổng hợp vấn đề.

**4.3. Về thái độ**

Xây dựng thái độ tích cực về lòng đam mê đọc hiểu không chỉ để nắm bắt ngôn ngữ mà chủ yếu là để khám phá thế giới xung quanh.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Language</b>	<b>3</b>	
<b>1.4. Pre - reading</b>		
1.4.1. Pre – reading 1 Word meaning guessing.		
1.4.2. Pre – reading 2 Finding words connected to the topic.		
<b>1.5. Comprehension</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp.</li> <li>- Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời.</li> <li>- Giảng viên nhận xét.</li> </ul>
1.5.1. Comprehension 1 True (T), False (F), or Not Given (NG) exercise.		
1.5.2. Comprehension 2 Sentence transformation.		
<b>1.6. Vocabulary skill</b>		
1.6.1. Vocabulary skill 1 Table completion.		
1.6.2. Vocabulary skill 2 Sentence completion.		
<b>Chương 2: Local culture</b>	<b>3</b>	
<b>1.4 Pre - reading</b>		
1.4.1 Pre – reading 1 Word definition and translation.		
1.4.2 Pre – reading 2 Questions and answers.		
<b>1.5 Comprehension</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp.</li> <li>- Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời.</li> <li>- Giảng viên nhận xét.</li> </ul>
1.5.1 Comprehension 1 Questions and answers.		
1.5.2 Comprehension 2 Questions and answers.		
<b>1.6 Vocabulary</b>		
1.6.1 Vocabulary skill 1 Phrasal verb and definition matching.		
1.6.2 Vocabulary skill 2 Sentence completion with phrasal verbs.		
<b>Chương 3: Food</b>	<b>3</b>	
<b>1.4 Pre - reading</b>		
1.4.1 Pre – reading 1		



	Word meaning exercise.		
1.4.2	Pre – reading 2 Word and paragraph matching.		
<b>1.5</b>	<b>Comprehension</b>		- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp. - Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời. - Giảng viên nhận xét.
1.5.1	Comprehension 1 True (T), False (F), or Not Given (NG) exercise.		
1.5.2	Comprehension 2 Questions and answers.		
<b>1.6</b>	<b>Vocabulary</b>		
1.6.1	Vocabulary skill 1 Sentence completion with the words in the box.		
1.6.2	Vocabulary skill 2 Word collocations.		
<b>Chương 4: Film</b>		<b>3</b>	
<b>1.4</b>	<b>Pre – reading</b> Word and definition matching.		
<b>1.5</b>	<b>Comprehension</b>		- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp. - Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời. - Giảng viên nhận xét.
1.5.1	Comprehension 1 Questions and answers.		
1.5.2	Comprehension 2 Questions and answers.		
<b>1.6</b>	<b>Vocabulary</b> Word meaning and sentence completion.		
<b>Chương 5: Fashion</b>		<b>3</b>	
<b>1.4</b>	<b>Pre - reading</b>		
1.4.1	Pre – reading 1 Sentence completion		
1.4.2	Pre – reading 2 Word and definition matching.		
<b>1.5</b>	<b>Comprehension</b>		- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp. - Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời. - Giảng viên nhận xét.
1.5.1	Comprehension 1 Questions and answers.		
1.5.2	Comprehension 2 Questions and answers.		

<b>1.6 Vocabulary</b>		
1.6.1 Vocabulary skill 1 Phrasal verb definitions and types.		
1.6.2 Vocabulary skill 2 Sentence completion.		
<b>Chương 6: Controversy</b>	<b>3</b>	
<b>1.4 Pre - reading</b>		
1.4.1 Pre – reading 1 Ranking exercise.		
1.4.2 Pre – reading 2 Word meaning exercise.		
<b>1.5 Comprehension</b>		- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp. -Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời. - Giảng viên nhận xét.
1.5.1 Comprehension 1 Questions and answers.		
1.5.2 Comprehension 2 Sentence matching for logical statements.		
<b>1.6 Vocabulary</b> Word and definition matching.		
<b>Review + Mid-term</b>	<b>3</b>	
<b>Chương 7: Skill for success</b>	<b>3</b>	
<b>1.4 Pre – reading</b> Multiple choices for the best answers.		
<b>1.5 Comprehension</b>		- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp. -Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời. - Giảng viên nhận xét.
1.5.1 Comprehension 1 Heading and paragraph matching.		
1.5.2 Comprehension 2 Answers for the questions in the previous exercise.		
<b>1.6 Vocabulary</b>		
1.6.1 Vocabulary skill 1 Adjective and definition matching.		
1.6.2 Vocabulary skill 2 Sentence completion.		
<b>Chương 8: The nature</b>	<b>3</b>	
<b>1.4 Pre - reading</b>		
1.4.1 Pre – reading 1 Questions and answers.		
1.4.2 Pre – reading 2 Word and definition matching.		
<b>1.5 Comprehension</b>		- Các nhóm thảo luận để tìm ra

		lời giải đáp. -Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời. - Giảng viên nhận xét.
1.5.1	Comprehension 1 Questions and answers.	
1.5.2	Comprehension 2 Summary completion.	
<b>1.6</b>	<b>Vocabulary</b>	
1.6.1	Vocabulary skill 1 Word and synonym matching.	
1.6.2	Vocabulary skill 2 Sentence completion.	
<b>Chương 9: Technology</b>		<b>3</b>
<b>1.4</b>	<b>Pre – reading</b> Questions and answers.	
<b>1.5</b>	<b>Comprehension</b>	- Các nhóm thảo luận để tìm ra lời giải đáp. -Mỗi nhóm trình bày kết quả của mình và giải thích lý do về các câu trả lời. - Giảng viên nhận xét.
1.5.1	Comprehension 1 Paragraph and information matching.	
1.5.2	Comprehension 2 Questions and answers.	
<b>1.6</b>	<b>Vocabulary</b>	
1.6.1	Vocabulary skill 1 Word and definition matching.	
1.6.2	Vocabulary skill 2 Sentence completion.	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Miles S. (2014), *Effective Reading 4 Upper- Intermediate*, Macmillan.

### 6.2. Tài liệu khác

1) Mann M. & Taylore-Knowles S. (2008), *Destination B2: Grammar and Vocabulary Series Upper- Intermediate*, Macmillan

2) Moutsou E. / Parker S. (2008), *Double Plus: listening, speaking, writing, Level B2*, MM Publications

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

TS. Bùi Diễm Hạnh

**HỌC PHẦN  
KỸ NĂNG ĐỌC 3****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng đọc 3
- Mã học phần: 813308
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng đọc 2 (813063)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 55

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên**3. Mô tả học phần**

Học phần Kỹ năng Đọc 3 sử dụng giáo trình **21<sup>st</sup> Century Reading 4** của Nhà xuất bản National Geographic Learning thuộc bộ sách tiếng Anh chuyên ngành 21<sup>st</sup> Century Reading nhằm cung cấp cho người học kiến thức và các kỹ năng đã nêu ra ở phần 2 (Mục tiêu chung của học phần) . Cùng với kiến thức và các kỹ năng kể trên, giáo trình còn trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các chủ đề đã nêu ra ở phần trên.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

Sinh viên sẽ có được một số kiến thức và từ vựng tiếng Anh về các chủ đề trong giáo trình

**4.2. Về kỹ năng**

Kỹ năng nói: sinh viên có thể thảo luận và trao đổi ở trình độ B2-C1 các chủ đề liên quan đến bài học.

Kỹ năng đọc: sinh viên có khả năng đọc hiểu các đoạn văn tiếng Anh trình độ B2-C1 có nội dung về các lĩnh vực chủ đề trong giáo trình.

**4.3. Về thái độ:**

Sinh viên phải có ý thức về mục tiêu học phần phải đạt được, đi học đều đặn, đúng giờ, tích cực làm bài tập, tham gia các hoạt động dạy học do giáo viên đề ra và làm bài kiểm tra đầy đủ.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Unit 1: <i>Why We Need The Explorers</i></b>	4	<p><b>Lesson A:</b> Giáo viên giới thiệu phần ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp). Sinh viên đọc và làm bài tập. Giáo viên kiểm tra qua hình thức nói và viết, sửa bài cho sinh viên. (Giáo viên có thể cho SV nghe phần ghi âm của bài đọc)</p> <p><b>Lesson B (không bắt buộc):</b> tùy thời gian giáo viên có thể cho SV xem video các bài nói và làm các bài tập có liên quan</p>
<b>1. Lesson A</b>		
1.1. Reading (pre-reading, getting the main ideas, finding supporting details, recognizing point of view, building vocabulary, getting meaning from context)		
1.2. Critical Thinking		
<b>2. Lesson B (optional)</b>		
2.1. Part 1 Generations of Learning		
2.2. Part 2 Learning From Mistakes		
<b>Chương 2. Unit 2: <i>Why We Have Too Few Women Leaders</i></b>	4	
<b>1. Lesson A</b>		
1.1. Reading (pre-reading, getting the main ideas, finding supporting details, recognizing point of view, building vocabulary, getting meaning from context)		
1.2. Critical Thinking		
<b>2. Lesson B (optional)</b>		
2.1. Part 1 Generations of Learning		
2.2. Part 2 Learning From Mistakes		
<b>Chương 3. Unit 3: <i>Power Shift</i></b>	4	
<b>1. Lesson A</b>		
1.1. Reading (pre-reading, getting the main ideas, understanding key details, interpreting statistics, recognizing reference markers, building vocabulary, getting meaning from context)		
1.2. Critical Thinking		
<b>2. Lesson B (optional)</b>		
2.1. Part 1 Problems at the Top		
2.2. Part 1 A Seat at the Table		
<b>Chương 4. Unit 4: <i>Creative Sparks</i></b>	4	
<b>1. Lesson A</b>		
1.1. Reading (pre-reading, getting the main ideas, understanding a study, analyzing literary		

excerpts, building vocabulary, getting meaning from context)		
1.2. Critical Thinking		
<b>2. Lesson B (optional)</b>		
2.1. Part 1 The Magic Box		
2.2. Part 2 Creation is Everywhere		
2.3. Part 3 Creative Problem-Solving		
Midterm test	2	
<b>Chương 5. Unit 5: Hope and Equality</b>	4	
<b>1. Lesson A</b>		
1.1. Reading (pre-reading, getting the main ideas, understanding key details, paraphrasing information, building vocabulary, getting meaning from context)		
1.2. Critical Thinking		
<b>2. Lesson B (optional)</b>		
2.1. Part 1 The Good News		
2.2. Part 2 Fighting Corruption		
<b>Chương 6. Unit 6: Backing up History</b>	4	
<b>1. Lesson A</b>		
1.1. Reading (pre-reading, getting the main ideas, summarizing key details, understanding a process, building vocabulary, getting meaning from context)		
1.2. Critical Thinking		
<b>2. Lesson B (optional)</b>		
2.1. Part 1: Getting Started		
2.2. Part 2: 3-D Benefits		
<b>Chương 7. Unit 7: Food for All</b>	4	
<b>1. Lesson A</b>		
1.1. Reading (pre-reading, getting the main ideas, identifying solutions, paraphrasing information, understanding infographics, building vocabulary, getting meaning from context)		
1.2. Critical Thinking		
<b>2. Lesson B (optional)</b>		
2.1. Part 1: An Escalating Problem		
2.2. Part 2: Reconnecting with Food		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1) Laurie Blass & Jessica Williams, *21<sup>st</sup> Century Reading 4*, National Geographic Learning

### 6.2. Tài liệu khác:

- 1) Louise Pile, *Intelligent Business*, Upper Intermediate, Pearson
- 2) Malcom Mann, *Reading for Advanced*, Macmillan

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Hoàng Quý



**HỌC PHẦN  
KỸ NĂNG VIẾT 1****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng Viết 1
- Mã học phần: 813064
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần**

Học phần này sẽ ôn lại cho sinh viên về các loại câu trong tiếng Anh, các lỗi mà sinh viên thường mắc phải khi viết câu, các cách biến đổi câu thông dụng. Sinh viên sẽ được thực hành viết câu theo hướng dẫn và viết câu theo ý của mình. Sau đó sinh viên sẽ được học cách tìm và sắp xếp các ý tưởng cho một đoạn văn theo phong cách học thuật và đích cuối cùng là viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Lưu ý sinh viên các cách nối câu, ý tưởng sao cho đoạn văn được hay và hợp lý.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nhận biết và viết được các loại câu tiếng Anh, từ câu đơn đến câu ghép hoặc câu phức...Sinh viên biết cách biến đổi câu; từ một câu gốc sinh viên có thể biến thành nhiều loại câu khác nhau về cấu trúc nhưng ngữ nghĩa không thay đổi; sinh viên nắm được phong cách hành văn học thuật (academic style), cách khai thác và sắp xếp các ý tưởng cho một đoạn văn và viết hoàn chỉnh một đoạn văn.

**4.2. Về kỹ năng**

Học phần này luyện cho sinh viên cách suy nghĩ, tư duy bằng tiếng Anh khi viết. Viết không chỉ cần phải đúng về ngữ pháp mà còn phải đúng về phong cách hành văn.

**4.3. Về thái độ**

Sinh viên phải có ý thức tự học, tự nghiên cứu, đồng thời hình thành định hướng nghề nghiệp rõ ràng. Phát huy tinh thần làm việc theo cặp và theo nhóm.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>A- Part 3: Sentence Structure</b> <b>Chapter 10: Types of Sentences</b> <b>1. Clauses</b> 1.1. Independent clauses 1.2. Dependent clauses <b>2. Kinds of Sentences</b> 2.1. Simple sentence 2.2. Compound sentences 2.3. Complex sentences 2.4. Compound-complex sentences <b>3. Sentence Types and Writing Styles</b> <b>4. Review</b>	4 tiết	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập. Sinh viên làm bài tập. Giảng viên sửa bài làm của sinh viên
<b>Chapter 11: Using Parallel Structure and Fixing Sentence Problems</b> <b>1. Parallelism</b> 1.1. Parallelism with coordinators: And, Or, But 1.2. Parallelism with Correlative (Paired) Conjunctions <b>2. Sentence Problems</b> 2.1. Sentence Fragments 2.2. Choppy sentences 2.3. Run-on sentences and comma splices 2.4. Stringy sentences <b>3. Review</b> <b>4. Editing Practice</b>	4 tiết	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập. Sinh viên làm bài tập. Giảng viên sửa bài làm của sinh viên
<b>Chapter 12: Nouns Clauses</b> <b>1. That Clauses</b> 1.1. Sentences beginning with <i>It</i> 1.2. Special verb tenses in <i>That</i> clauses <b>2. If/ Whether Clauses</b> <b>3. Question clauses</b> <b>4. Review</b> <b>5. Editing Practice</b> <b>6. Writing Practice</b>	3 tiết	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập. Sinh viên làm bài tập.

		Giảng viên sửa bài làm của sinh viên
<b>Chapter 13: Adverb Clauses</b>	4 tiết	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập. Sinh viên làm bài tập. Giảng viên sửa bài làm của sinh viên
<b>1. Kinds of Adverb Clauses</b>		
1.1. Punctuation of adverb clauses		
1.2. Time clauses		
1.3. Place clauses		
1.4. Distance, Frequency, and Manner clauses		
1.5. Reason clauses		
1.6. Result clauses		
1.7. Contrast clauses		
1.8. Conditional clauses		
<b>2. Review</b>		
<b>3. Editing Practice</b>		
<b>4. Writing Practice</b>		
<b>Chapter 14: Adjective Clauses</b>	4 tiết	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập. Sinh viên làm bài tập. Giảng viên sửa bài làm của sinh viên
<b>1. Relative Pronouns and Adverbs</b>		
1.1. Position of adjective clauses		
1.2. Verb agreement in adjective clauses		
<b>2. Kinds of Adjective Clauses</b>		
2.1. Relative pronouns as subjects		
2.2. Relative pronouns as objects		
2.3. Possessive adjective clauses		
2.4. Relative pronouns as objects of prepositions		
2.5. Relative pronouns in phrases of quantity and quality		
2.6. Adjective clauses of time and place		
<b>3. Review</b>		
<b>4. Editing Practice</b>		
<b>5. Writing Practice</b>		
<b>Chapter 15: Participial Clauses</b>	4 tiết	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập. Sinh viên làm bài tập. Giảng viên sửa bài làm của sinh viên
<b>1. Participles</b>		
<b>2. Participle phrases</b>		
2.1. Reduced adjective clauses		
2.2. Position and punctuation of participial phrases		
2.3. General forms –ing participial phrases		
2.4. General forms –ed participial phrases		
2.5. Perfect forms participial phrases		
<b>3. Participle phrases in writing style</b>		
<b>4. Reduced Adverb Clauses</b>		

<b>5. Review</b>		
<b>6. Editing Practice</b>		
<b>7. Writing Practice</b>		
<b>B- Part 1: Writing a Paragraph</b>		
<b>Chapter 1: Paragraph Structure</b>		
<b>1. The Three Parts of a Paragraph</b>		
<b>2. The Topic Sentence</b>	8 tiết	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập. Sinh viên làm bài tập. Giảng viên sửa bài làm của sinh viên
2.1. Position of topic sentence		
2.2. The two parts of a topic sentence		
<b>3. Supporting Sentences</b>		
<b>4. The Concluding Sentences</b>		
<b>5. Review</b>		
<b>6. Writing Practice</b>		
<b>Chapter 2: Unity and coherence</b>		
<b>1. Unity</b>	7 tiết	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập. Sinh viên làm bài tập. Giảng viên sửa bài làm của sinh viên
<b>2. Coherence</b>		
2.1. Repetition of key nouns		
2.2. Key nouns substitutes		
2.3. Consistent pronouns		
2.4. Transition signals		
2.5. Logical order		
<b>3. Review</b>		
<b>4. Writing Practice</b>		
<b>Chapter 3: Supporting Details: Facts, Quotations, and statistics</b>		
<b>1. Facts versus Opinions</b>	5 tiết	Sinh viên hỏi, thảo luận theo nhóm những vấn đề chưa hiểu khi đọc bài trước ở nhà. Giảng viên giải đáp thắc mắc, chốt lại những vấn đề quan trọng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập. Sinh viên làm bài tập. Giảng viên sửa bài làm của sinh viên
<b>2. Using Outside Sources</b>		
2.1. Plagiarism		
2.2. Citing Sources		
<b>3. Quotations</b>		
3.1. Direct quotations		
3.2. Reporting verbs and phrases		
3.4. Punctuating direct quotations		
3.5. Indirect quotations		
<b>4. Review</b>		
<b>5. Writing Practice</b>		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1) Alice Oshima & Ann Hogue (2009), *Writing Academic English*, Fourth edition, OUP.

### 6.2. Tài liệu khác

7. Regina L. Smalley' Mary K. Ruetten, Joann Rishel Kozyrev (2000), *Refining Composition Skills*, Macmillan Publishing Company, NY.
8. Dorothy E. Zemach and Lisa A. Rumisek (2009), *College Writing from Paragraph to Essay*, Dong Nai Publishing House.
9. Toby Fulwiler (2008), *College Wrting: A Personal Approach to Academic Writing, 3th edition*, Boynton/Cook Publishers, Inc., Portsmouth.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

TS. Trần Thế Phi

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG VIẾT 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng Viết 2
- Mã học phần: 813065
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng viết 1 (813064)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Trang bị kiến thức về cách viết một bài essay gồm nhiều đoạn văn (paragraphs), và thái độ học tập và nghiên cứu nghiêm túc qua các tài liệu ngoại văn ở thư viện trường và trên mạng.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Nắm vững các cấu trúc câu tiếng Anh và cách viết một dàn bài đại cương (Outline)
- Vận dụng sự hiểu biết về ngữ pháp và cấu trúc câu một cách chính xác vào các loại bài tập viết
- Liên kết các ý tưởng trong câu

4.2 Về kĩ năng

- Vận dụng sự hiểu biết về ngữ pháp và cấu trúc câu một cách chính xác vào các loại bài tập viết
- Liên kết các ý tưởng trong câu và sắp xếp chúng một cách hợp lý

4.3 Về thái độ

Sinh viên có ý thức cập nhật thông tin liên quan đến môn học, luôn trau dồi nghiên cứu chuyên môn, phát huy tư duy độc lập.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. The Essay		

<b>1. Writing an Essay</b>		- Động não - Suy nghĩ – từng cặp – chia sẻ - Sinh viên tham gia trả lời câu hỏi hoặc đặt các câu hỏi liên quan đến chủ đề - Tổ chức học tập theo nhóm - Giảng dạy thông qua thảo luận và gọi bất kỳ vài em thuộc các nhóm khác nhau lên bảng để đưa ví dụ support các câu hỏi liên quan đến chủ đề - Không có tuần kiểm tra riêng vì điểm kiểm tra là trung bình cộng mỗi lần lên bảng, nên rất chính xác so với kiểm tra một lần. Ngoài ra sinh được đảm bảo học đủ 45 tiết thực học. (Việc kiểm tra và đánh giá cho mỗi chương được thực hiện nhất quán trong suốt học kỳ.)
1.1. The Introductory Paragraph	3	
1.1.1. The Concluding Paragraph	3	
1.1.2. The Essay Body	3	
1.2. Transition Signals between Paragraphs	3	
<b>Chương 2. Patterns of Essay Organization</b>		
<b>1. Chronological Order</b>		
1.1.1. Organization for Chronological Order	3	
1.1.2. Dramatic Introductory Paragraphs	3	
1.1.3. Thesis Statement for Chronological Order	3	
<b>2. Logical Division of Ideas</b>		
2.1 Organization for Logical Division of Ideas	3	
<b>3. Cause and Effect Order</b>		
3.1. Organization for Cause and Effect Order	3	
3.1.1. Block Organization with Transition Paragraphs	3	
3.1.2. Chain Organization	3	
3.1.3. Cause and Effect Structure Words	3	
<b>4. Comparison and Contrast Order</b>		
4.1. Comparison Structure Words	3	
4.1.1. Contrast-Structure Words- Concession	3	
4.1.2. Organization for Comparison and Contrast Order	3	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1) Alice Oshima & Ann Hogue (2003), *Writing Academic English 2*, Fourth Edition.

### 6.2. Tài liệu khác:

1) Alice Savage & Patricia Mayer (2008), *Effective Academic Writing 2*, Longman.

- 2) Alice Savage & Patricia Mayer (2008), *Effective Academic Writing 3*, Longman.
- 3) Dorothy E Zemach & Lisa A Rumisek (2000), *Academic Writing*, NXB Đồng Nai.

## **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: viết, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

TS. Trần Thế Phi



**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG VIẾT 3**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng Viết 3
- Mã học phần: 813066
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng viết 2 (813065)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Một bài báo cáo khoa học/nghiên cứu khoa học bằng tiếng Anh thường bao gồm các bộ phận chính sau: Abstract, Introduction (bao gồm Literature review), Methods, Results và Discussion (có thể bao gồm Recommendations/Suggestions). Người học sẽ tìm hiểu cách viết từng bộ phận, đặc biệt trong chương Methods người học sẽ có khái niệm tổng quát về các phương pháp nghiên cứu khoa học trong tiếng Anh như Action research, Case study, Experiments, Surveys, ....

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Thông qua việc tìm hiểu 1 vài bài viết mẫu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, người học sẽ: nhận biết được các thành phần cấu thành 1 bài báo cáo khoa học/nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ Anh, làm quen với các phương pháp nghiên cứu phổ biến phù hợp với ngành nghề trong lĩnh vực chuyên môn

4.2 Về kỹ năng

rèn luyện kỹ năng viết câu và viết đoạn theo văn phong của một bài báo cáo/nghiên cứu khoa học, phân tích các bước trong quá trình viết 1 đề cương báo cáo/nghiên cứu khoa học bằng tiếng Anh

4.3 Về thái độ

Người học có ý thức cập nhật thông tin liên quan đến môn học thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, luôn trau dồi học tập nghiên cứu chuyên môn, phát huy tư duy độc lập, tránh các biểu hiện tiêu cực trong khoa học như đạo văn; từ đó hình thành ý thức về định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: The Experimental Research Report</b> 1.1. Overview 1.2. Information conventions 1.3. Integration	4	Bài giảng của giảng viên trên lớp kết hợp thảo luận nhóm và bài tập ở nhà
<b>Chương 2. Writing the introduction: Establishing a context</b> 2.1. Overview 2.2. Information conventions 2.3. Integration	4	Bài giảng của giảng viên trên lớp kết hợp thảo luận nhóm và bài tập ở nhà Chú ý: GV hướng dẫn cho SV thành lập nhóm, chọn đề tài, viết một bài báo cáo nghiên cứu (proposal hoặc research report), sẽ nộp vào tuần cuối của khóa học.
<b>Chương 3. Writing the introduction: Reviewing previous research</b> 3.1. Overview 3.2. Information conventions 3.3. Integration	4	Bài giảng của giảng viên trên lớp kết hợp thảo luận nhóm và bài tập ở nhà
<b>Chương 4. Writing the introduction: Advancing to present research</b> 4.1. Overview 4.2. Information conventions 4.3. Integration	4	Nhóm trình bày về phương pháp phù hợp với đề tài nghiên cứu đã chọn trong chương 1-> giảng viên phản hồi xây dựng bài
<b>Chương 5: Method</b> 5.1. Overview 5.2. Information conventions 5.3. Integration	6	Bài giảng của giảng viên trên lớp kết hợp thảo luận nhóm và bài tập ở nhà
<b>Mid-term</b>	2	
<b>Chương 6: Materials</b> 6.1. Overview 6.2. Information conventions 6.3. Integration	4	Bài giảng của giảng viên trên lớp kết hợp thảo luận nhóm và bài tập ở nhà Nhóm tiếp tục trình bày về nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh -> giảng viên phản hồi xây dựng bài
<b>Chương 7: Results</b>	4	Bài giảng của giảng viên trên lớp kết

7.1. Overview		hợp thảo luận nhóm và bài tập ở nhà
7.2. Information conventions		
7.3. Integration		
<b>Chương 8: Discussions</b>	6	Bài giảng của giảng viên trên lớp kết hợp thảo luận nhóm và bài tập ở nhà Nhóm tiếp tục trình bày về nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh -> giảng viên phản hồi xây dựng bài
8.1. Overview		
8.2. Information conventions		
8.3. Integration		
<b>Chương 9: Abstract</b>	4	Bài giảng của giảng viên trên lớp kết hợp thảo luận nhóm và bài tập ở nhà Chú ý: SV nộp một bài báo cáo nghiên cứu (proposal hoặc research report).
9.1. Overview		
9.2. Information conventions		
9.3. Integration		
<b>Review</b>	3	Giáo viên ôn lại nội dung chính của học phần, sinh viên có thể nêu thắc mắc (nếu có)

## 6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1) Weissberg, R. & Buker, S. (1990), *Writing Up Research*, New Jersey: Prentice Hall.

6.2. Tài liệu khác:

1) Blaxter, L., Hughes, C. & Tight, M. (2010), *How to Research*, Berkshire: Open University Press.

2) McCormack, J. & Slaght, J. (2010), *English for Academy Study: Extended writing and Research Skills*, Garnet Education.

3) Adrian Wallwork (2011), *English for Writing Research Papers*, Springer, London, England.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi cuối học phần, SV nộp bài viết nghiên cứu.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm sản phẩm nộp cuối học phần: Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

TS. Trần Thế Phi

**HỌC PHẦN**  
**NHẬP MÔN DỊCH THUẬT**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: NHẬP MÔN DỊCH THUẬT
- Mã học phần: 813309
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Học phần có 3 nội dung chính:

Phần 1: Lý thuyết dịch đại cương: definition of translation – text analysis  
 translation methods – translation procedures

Phần 2 Luyện dịch theo 9 mẫu câu động từ cơ bản của Janet Ross và Gladys Doty

Phần 3: Luyện dịch theo chủ đề: Chọn bài dịch trong giáo trình dựa vào các chủ đề chính : Văn hóa giáo dục – Du lịch – Thương mại.

**4. Mục tiêu cụ thể của HP/MH (Chuẩn đầu ra của HP/MH)**

**4.1. Về kiến thức**

Làm quen với những phương pháp dịch và nắm được một số kiến thức cơ bản về cách chuyển ngữ như là một thủ pháp dạy và học ngoại ngữ , chứ không nhằm đáp ứng mục tiêu của dịch chuyên nghiệp.

**4.2 Về kỹ năng**

Có khả năng dịch những bài ngắn, đơn giản thuộc nhiều chủ đề khác nhau : xã hội, du lịch, thương mại.

**4.3 Về thái độ**

Sinh viên tự tin và thận trọng hơn khi học dịch ở cấp độ cao hơn.

## 5 Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Phần 1. TRANSLATION THEORY</b> 1.1. The analysis of a text 1.2. Translation methods 1.3. Translation procedures	10	GV trình bày, cho ví dụ SV nghe và tìm thêm ví dụ
<b>2. Phần 2. TRANSLATING 7 BASIC SENTENCES</b>	5	GV trình bày, cho ví dụ SV nghe và tìm thêm ví dụ
<b>3. Phần 3. TRANSLATION PRACTICE</b> <b>3.1</b> Con người chinh phục thiên nhiên <b>3.2</b> Pantagonia <b>3.3</b> Nền công nghiệp Việt Nam <b>3.4</b> An English Lesson <b>3.5</b> Việt Nam – Tổ quốc thân yêu <b>3.6</b> The only way to travel is on foot <b>3.7</b> Tết <b>3.8</b> You can't teach managers <b>3.9</b> Gặp thầy cũ <b>3.10</b> Visick – An excellent holiday site	30	SV dịch từng câu theo nhóm, trình bày trên bảng, GV sửa từng câu và phản hồi cho SV.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính

1) Nguyễn Mạnh Bùi Nghĩa (2010), *Translation Theory & Translation Practice*, Saigon University, Department of Foreign Languages.

### 6.2 Tài liệu khác:

1) Newman, Peter (1988), *A Textbook of Translation*, Prentice Hall International (UK).

2) Đặng thị Hường (1995), *Vietnamese- English Translation*, HCMC University Publishing House.

3) Jeremy Munday (2009), *Nhập môn nghiên cứu dịch thuật – Lý thuyết và ứng dụng* (Trịnh Lữ biên dịch), NXB Tri thức.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Viết, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Đặng Quỳnh Liên

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
 NGÀNH: SƯ PHẠM TIẾNG ANH

## HỌC PHẦN KỸ NĂNG BIÊN DỊCH

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KỸ NĂNG BIÊN DỊCH
- Mã học phần: 813310
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Nhập môn dịch thuật (813309)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên

### 3. Mô tả học phần

Bao gồm các kỹ thuật dịch xuôi và ngược như Transpositions, Modulation,... Các bài đọc liên quan đến chuyên ngành DL-TM như du lịch, khám phá, các lễ hội, di tích văn hóa, lịch sử, ẩm thực, môi trường, các dự án liên quan đến thương mại. Nội dung các bài nhằm giúp cho sinh viên có một cái nhìn khái quát về chuyên ngành du lịch - thương mại và các đặc thù của nó, Các hội chợ triển lãm nhằm thu hút khách trong và ngoài nước, các hội chợ thương mại 2009, những đặc điểm của Sapa, cách thú vị nhất để đi du lịch, khiếu thẩm mỹ của người Nhật, sự thành công trong nghề làm bánh của tiệm Phong Lan, dự án thương mại đầy thử thách đối với các lãnh đạo của hãng đồng hồ Rolex, việc thận trọng khi hợp tác thương mại với nước ngoài nhằm bảo vệ môi trường trong nước, v..v..

### 4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: nắm vững kiến thức cơ bản về các điểm tương đồng và dị biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

4.2. Về kỹ năng: dịch xuôi và ngược các đoạn văn ngắn (từ 100 đến 250 từ) liên quan đến chuyên ngành DL-TM.

4.3. Về thái độ: tự học và nghiên cứu các tài liệu liên quan qua các báo tiếng Anh xuất bản trong nước hoặc qua mạng.



### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Các kỹ thuật dịch xuôi và ngược</b>		
<b>1. Transpositions</b>		- Nghiên cứu ví dụ mẫu
1.1. English preposition $\leftarrow \rightarrow$ Vietnamese verb	3t	- Tìm các điểm dị biệt giữa
1.1.1. English noun $\leftarrow \rightarrow$ Vietnamese verb	3t	2
1.1.2. English simple sentence, $\leftarrow \rightarrow$ Vietnamese complex sentence	3t	ngôn ngữ
<b>2. Modulation</b>		- Rút ra công thức cụ thể
2.1 English passive, Vietnamese active	3t	- Ứng dụng
<b>3. Paraphrase</b>	3t	
<b>Chương 2. Traveling and Discovery</b>		
1. The Only Way to Travel Is on Foot	3t	<u>Phương pháp:</u>
1.1 Con người chinh phục thiên nhiên		- Giải thích từ khó
2. The Man Who Discovered Britain	3t	- Tìm từ tương đương
2.1 Việt Nam – Tổ quốc thân yêu		- Giải mã cấu trúc phức tạp
<b>Chương 3. Exhibitions</b>		- Tìm cấu trúc tương đương
1. Trade Exhibition “ in Honor of Entrepreneurs 2009”	3t	<u>Kiểm tra - đánh giá</u>
1.1 Hội chợ - triển lãm Thêm cơ hội làm ăn hợp tác		- Gọi 2 s.v. lên bảng (thuộc bất kỳ nhóm nào) cho mỗi câu Anh-Việt hoặc Việt-Anh
<b>Chương 4. Festivals</b>		
1. Gastronomic and Cultural Festival 2009	3t	- Cả lớp cùng sửa
1.1 Tết Nguyên đán		- Giáo viên cho ý kiến và đánh giá
<b>Chương 5. Places of Interest</b>		(Việc kiểm tra và đánh giá cho mỗi chương được thực hiện nhất quán trong suốt học kỳ.)
1. Wisbech, the ‘Capital of the Fens’	3t	
1.1 Lặng lẽ Sapa		
<b>Chương 6. Culture and Arts</b>		
1. The Japanese Sense of Beauty	3t	
1.1 Một căn nhà nhỏ		
<b>Chương 7. Food and Drinks</b>		
1. Phong Lan Bakery	3t	
1.1 Câu chuyện về bánh mì nướng		
<b>Chương 8. Environment</b>		
1. City of Stress	3t	
1.1 Phải biết từ chối		
<b>Chương 9. Business and Commerce</b>		
1. Business Women on Business Trips	3t	
1.1. Nền công nghiệp Việt Nam		

<b>Chương 10. Enterprises and Projects</b>		
1. Wanted Five Enterprising People to Undertake Challenging Project	3t	
1.1. Liên kết kinh tế Bà Rịa-Vũng Tàu - HCM		

## 6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1) Phan Hữu Lễ (2012), *Thực hành biên dịch*, (tài liệu biên soạn nội bộ).

6.2. Tài liệu khác:

1) Dennis Chamberlain & Gillian White (1978), *Advanced English for Translation*.

2) Nguyễn Mạnh Bùi Nghĩa & Phan Hữu Lễ (1996), *Giáo Trình Luyện Dịch Anh-Việt và Việt Anh*, CĐSP TPHCM.

3) Trương Quang Phú (2007), *56 bài luyện dịch Anh-Việt Việt-Anh*, NXB Phương Đông.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phân nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Viết, đề đóng (thí sinh không được mang từ điển điện tử vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Đặng Quỳnh Liên

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng phiên dịch
- Mã học phần: 813078
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Nhập môn dịch thuật (813309)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Các bài có chủ đề liên quan đến giáo dục, chính trị, kinh tế, khoa học, công nghệ, môi trường, y tế, thiên nhiên, du lịch, quan hệ đối ngoại. Nội dung gồm các bài liên quan đến môi trường và bảo vệ môi trường, khoa học và công nghệ liên quan đến tội phạm tin học và bộ máy tìm kiếm Google, các vấn đề giáo dục liên quan đến giáo dục quốc phòng và du học. Ngoài ra còn có các bài liên quan đến du lịch như du lịch miệt vườn, du lịch sinh thái, các vấn đề đối ngoại giữa VN và Mỹ, việc hội nhập cũng như công tác chính trị.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: nắm vững kiến thức cơ bản về các điểm tương đồng và dị biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt

4.2. Về kỹ năng: nghe và dịch xuôi và ngược bằng kỹ thuật Decoding và Paraphrasing

4.3. Về thái độ: tự học và nghiên cứu các tài liệu liên quan qua các báo tiếng Anh xuất bản trong nước hoặc qua mạng.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Bài 1. Môi trường – Thiên nhiên</b>		
1.Think Green	3	Anh-Việt
1.1 Bảo vệ môi trường		

2. Earthquakes and Huge Waves	3	Nghe toàn bài 2 lần - Nghe từng câu 3 lần
2.1 Đồng bằng sông Cửu Long		
<b>Bài 2. Y Tế</b>		- Gọi từng cá nhân lên bảng sửa (thuộc bất kỳ nhóm nào)
1. World AIDS Day	3	
1.1 Hãy nói không với thuốc lá		- Cả lớp cho ý kiến
2.The Effects of Smoking Tobacco	3	- Gv góp ý cuối cùng và sửa
2.1 Tác hại của thuốc lá		
<b>Bài 3.Khoa học – Công nghệ</b>		Việt-Anh
1. Hybrid vehicles	3	- Nghe toàn bài 2 lần
1.1 Tội phạm tin học		- Nghe từng câu 3 lần
2. The Internet Search Company Google	3	- Gọi từng cá nhân lên bảng sửa (thuộc bất kỳ nhóm nào)
2.1 Hội thảo KHSV		- Cả lớp cho ý kiến
<b>Bài 4. Giáo dục</b>		- Gv góp ý cuối cùng và sửa
1.Working while Studying in the US	3	
1.1 Mừng ngày Nhà Giáo		
2.Using National Parks as Classrooms	3	- Không có tuần kiểm tra riêng vì điểm kiểm tra là trung bình cộng mỗi lần lên bảng, nên rất chính xác so với kiểm tra một lần.
2.1 Hà Nội đẩy mạnh công tác GDQP		Ngoài ra sinh được đảm bảo học đủ 45 tiết thực học.
<b>Bài 5. Du lịch</b>		
1. Ecotourism	3	
1.1 Du lịch miệt vườn		
2.Backpacking	3	
2.1 Dã ngoại		
<b>Bài 6. Quan hệ đối ngoại</b>		
1.The World at 7 billion	3	
1.1 Quan hệ hữu nghị giữa Lào-VN		
2. G20 Leaders Talk About Economy	3	
2.1 Bình thường hóa quan hệ giữa Mỹ-VN		
<b>Bài 7. Chính trị</b>		
1. World Leaders Urged to Meet Development Goals by 2015	3	
1.1 Tăng cường công tác chính trị		
<b>Bài 8. Kinh tế</b>		
1. G-20 Leaders Promise Steps to Avoid Currency War	3	
1.1 Hội nhập		
<b>Bài 9. Lễ hội</b>		
1.Film Festivals	3	
1.1 Lễ hội bia Đức		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

- Phan Hữu Lễ, *Thực Hành Phiên Dịch*, đĩa CD.

### 6.2. Tài liệu khác :

- <http://tienganhonline.edu.vn/tag/bbc-special-english/>
- <http://www.tienganh123.com/>
- <http://www.tienganhgiaotiep.info/2011/04/listening.html>
- <http://www.manythings.org/voa>

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phân nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 8

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Nghe và dịch viết, thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

Nguyễn Mạnh Bùi Nghĩa

**HỌC PHẦN**  
**CHUYÊN ĐỀ CÁC BÀI THI QUỐC TẾ**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Chuyên đề các bài thi quốc tế
- Mã học phần: 813311
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 45

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần**

Các chương trình thi tiếng Anh quốc tế (TOEFL, TOEIC, IELTS, FCE, TKT,...) có các bố cục và chuẩn đánh giá khác nhau, được sử dụng cho các mục đích khác nhau trong xã hội như đáp ứng yêu cầu du học ở Anh/Úc hoặc Mỹ, đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của các công ty/tổ chức đa quốc gia, .... Một bài thi IELTS bao gồm 4 kỹ năng khác nhau trong tiếng Anh: Reading, Writing (task1, task 2), Listening và Speaking.

**4. Mục tiêu học phần:**

**4.1 Về kiến thức**

Người học sẽ được biết về bố cục và khung đánh giá chuẩn của các chương trình thi tiếng Anh quốc tế cũng như vai trò của các chương trình này trong yêu cầu đào tạo.

**4.2 Về kỹ năng**

Người học sẽ được cung cấp kiến thức về bố cục, nội dung, yêu cầu và các phương pháp rèn luyện các kỹ năng cần thiết để đạt chuẩn trong chương trình thi IELTS.

**4.3 Về thái độ**

Người học sẽ đánh giá được năng lực tiếng Anh của bản thân, xác định được mục tiêu phấn đấu rèn luyện nhằm đạt được chuẩn yêu cầu trong nghề nghiệp.

**5 Nội dung và kế hoạch dạy học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Tìm hiểu các chương trình thi tiếng Anh chuẩn quốc tế</b>	4	Bài giảng trên PP
<b>1. TOEFL</b>		

1.1. Bộ cùc		
1.2. Chuẩn đánh giá		
<b>2. TOEIC</b>		
2.1. Bộ cùc		
2.2. Chuẩn đánh giá		
<b>3. IELTS</b>		
3.1. Bộ cùc		
3.2. Chuẩn đánh giá		
<b>4. FCE &amp; CAE</b>		
4.1. Bộ cùc		
4.2. Chuẩn đánh giá		
<b>5. TKT</b>		
5.1. Bộ cùc		
5.2. Chuẩn đánh giá		
<b>Chương 2. Tìm hiểu bài thi IELTS</b>		
<b>1. Unit 1: Learn to succeed</b>	8	Bài giảng trên PP kết hợp hướng dẫn trên bài thi mẫu và Audio-CD
1.1. Reading: Skim and scan reading; matching: headings to sections, people and opinions; sentence completion.		
1.2. Listening: Section 1: Form completion; map completion; table and diagram completion		
1.3. Speaking: Overview of the 3 parts of the speaking test.		
1.4. Writing: Task 1: changes over time, introductory sentences, describing trends, paragraph plan.		
<b>2. Unit 2: Living together</b>	8	Bài giảng trên PP kết hợp hướng dẫn trên bài thi mẫu và Audio-CD
2.1. Reading: Summary completion (from a list) True, false, not given.		
2.2. Listening: Section 2: note completion; matching; Section 3: Multiple choice, table completion.		
2.3. Writing: Task 2: understanding the question; Argument/opinion questions: the balanced argument approach ; Linking general review		
<b>Mid-term test: Reading (40')</b> <b>Writing: task 1 (20')</b>	1	Sinh viên làm bài kiểm tra giữa kỳ 60 phút
<b>3. Unit 3: Costing the earth</b>	8	Bài giảng trên PP kết hợp hướng dẫn trên bài thi mẫu và Audio-CD
3.1. Reading: Multiple choice, matching, dealing with unknown vocabulary.		
3.2. Listening: Section 3: Multiple choice, summary completion.		
3.3. Writing: Task 1: selecting significant information; writing introductions; fixed time diagram; making comparisons.		
<b>4. Unit 4: Healthy body, healthy mind</b>	6	Bài giảng trên PP kết hợp hướng dẫn trên bài thi mẫu và
4.1. Reading: Using headings to identify purpose		

and organization; completing tables, diagrams, notes, short answer questions, following and argument in a passage, multiple choice questions: multiple answers, yes, no, not given.		Audio-CD
4.2. Writing: Essay sections, paragraph structure: the body of the essay; task 2 planning: finding ideas argument/ opinion questions: the opinion essay, describing opinions.		
Sample tests: Test 1 Test 2	10	Sinh viên làm bài trên lớp và sau đó xem bài làm mẫu trên PP

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1) Mark Allen, Debra Powell, Dickie Dolby (2007), IELTS Graduation. MACMILLAN.

### 6.2. Tài liệu khác:

1) Vanessa Jakeman Clare McDowell (1997), *Cambridge Practice Tests for IELTS*, Cambridge University Press.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm & tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Thị Thu Vân



**HỌC PHẦN**  
**GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA
- Mã học phần: 813077
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng đọc 2 (813063)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên**3. Mô tả học phần**

Học phần bao gồm một số kiến thức cơ bản về mâu thuẫn và hội nhập văn hóa, chú ý đến sự đa dạng văn hóa trong phạm vi nước Mỹ; đồng thời mô tả khuôn mẫu giao tiếp và văn hóa đối lập với khuôn mẫu của người Mỹ.

**4. Mục tiêu cụ thể của HP/MH (Chuẩn đầu ra của HP/MH)**

4.1. Về kiến thức: Cung cấp kiến thức về những giá trị ,khuôn mẫu trong giao tiếp của văn hóa Mỹ, những điểm tương đồng và dị biệt trong khi so sánh các nền văn hóa khác nhau,cách thức điều chỉnh để hội nhập vào một nền văn hóa mới .

4.2. Về kỹ năng: Sinh viên có thể phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng tra cứu tìm hiểu và phân tích các vấn đề liên quan đến so sánh văn hóa..

4.3. Về thái độ: Nâng cao ý thức về sự khác biệt văn hóa để có thái độ tôn trọng và cư xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp với những người thuộc nền văn hóa khác.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:**

<b>Nội dung chi tiết của học phần</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá</b>
1. Introduction: Cross-cultural terms and principles	<b>3</b>	Giảng viên giảng bài sử dụng giáo án điện tử Phân chia nhóm thuyết trình
2. Verbal Communication : The Way People Speak	<b>6</b>	
1.1. Students' presentation	<b>2</b>	Thuyết trình nhóm, thảo luận

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Conversational involvement</li> <li>- Incorrect judgments of character</li> <li>- Directness and indirectness</li> <li>- American male-female differences in directness</li> <li>- Cross-cultural implications</li> <li>- Conversation structures</li> <li>- Ethnocentric judgment</li> </ul>		trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
2.2. Comprehension questions, discussion questions	2	Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
2.3. Vocabulary exercises, cultural notes (extra reading)	2	Sinh viên làm bài tập trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
<b>3. Non-verbal Communication : Speaking Without Words</b>	<b>6</b>	
2.1. Students' presentation <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cultural differences in nonverbal communication</li> <li>- Gestures and body positioning</li> <li>- Facial expressiveness</li> <li>- Eye contact</li> <li>- Conversational distance</li> </ul>	2	Thuyết trình nhóm, thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
3.2. Comprehension questions, discussion questions	2	Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
3.3. Vocabulary exercises, cultural notes (extra reading)	2	Sinh viên làm bài tập trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
<b>Midterm test</b>	<b>3</b>	
<b>4. Cross-cultural contact with Americans</b>	<b>8</b>	
4.1. Students' presentation <ul style="list-style-type: none"> <li>- The term "American"</li> <li>- A description of Americans: Is it possible?</li> <li>- "Melting pot" and "mosaic"</li> <li>- Stereotypes and generalizations</li> <li>- Mainstream American Values</li> <li>- A foreign anthropologist's observation of Americans</li> <li>- Mainstream American values</li> <li>- Individualism and privacy</li> <li>- Equality and egalitarianism</li> <li>- Future orientation</li> </ul>	3	Thuyết trình nhóm, thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
4.2. Comprehension questions, discussion questions	3	Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
4.3. Vocabulary exercises, cultural notes (extra	2	Sinh viên làm bài tập trên lớp

reading)		dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
<b>5. Education: Values and Expectations</b>	<b>8</b>	
5.1. Students' presentation - Diversity in higher education - Active participation - The teacher-student relationship - Trust, honesty, and the honor system - Competition and grading - Student stress and coping - International and immigrant students in the United States	3	Thuyết trình nhóm, thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
5.2. Comprehension questions, discussion questions	3	Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
5.3. Vocabulary exercises, cultural notes (extra reading)	2	Sinh viên làm bài tập trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
<b>6. Work: Practice and Attitude</b>	<b>8</b>	
6.1. Students' presentation - Cross-cultural implications of the job search - Steps to finding a job - Employer – employee relationships - On-the-job communication skills - Time considerations in the work's world - Workaholic - The “work ethnic” and materialism - Reactions to work	3	Thuyết trình nhóm, thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn
6.2. Comprehension questions, discussion questions	3	Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
6.3. Vocabulary exercises, cultural notes (extra reading)	2	Sinh viên làm bài tập trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn.
Review	<b>3</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính:

1) Deena R. Levine & Mara B. Adelman (1992), *Beyond Language: Cross-Cultural Communication*, Prentice Hall Regents.

### 6.2 Tài liệu khác:

1) Philip R. Harris and Robert T. Moran (1996), *Managing Cultural Differences*, Gulf Publishing Company Houston, Texas.

2) Bernice Hurst (1991), *The Handbook of Communication Skills*, London : Kogan Page.

3) Các nguồn tham khảo trên mạng như :Wikipedia, MSN, Encarta...

## **7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Đặng Quỳnh Liên

**HỌC PHẦN**  
**NGÔN NGỮ XÃ HỘI HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Ngôn ngữ xã hội học
- Mã học phần: 813076
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Hình thái – cú pháp học (813301)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần**

Trước hết, sinh viên cần hiểu rõ chức năng của Ngôn ngữ Xã hội học (Sociolinguistics). Ngoài ra, nói đến Ngôn ngữ Xã hội học là nói đến sự thay đổi của ngôn ngữ trong từng xã hội và những khác biệt nào trong xã hội tạo nên các ngôn ngữ không giống nhau. Quan trọng hơn nữa là ngôn ngữ được sử dụng như thế nào trong xã hội. Nghiên cứu vấn đề này, sinh viên sẽ được làm quen với những khái niệm như: Speech Communities, Speech Acts and Speech Events. Cuối cùng, các em sẽ được giới thiệu một số ngôn ngữ khác nhau trong xã hội ; trước tiên phải kể đến tiếng Anh chuẩn, sau đó là tiếng lóng, biệt ngữ, v.v.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức:

- + Giới thiệu cho sinh viên những khái niệm cơ bản về Ngôn ngữ Xã hội học (Chương 1)
- + Giúp sinh viên làm quen với việc sử dụng ngôn ngữ trong xã hội (Chương 2)
- + Nhân mạnh sự đa dạng của ngôn ngữ trong những hoàn cảnh xã hội khác nhau (Chương 3)

4.2 Về kĩ năng: Rèn cho sinh viên kĩ năng vận dụng ngôn ngữ vào xã hội một cách thích hợp ở mức độ cơ bản nhất.

4.3 Về thái độ: Xây dựng cho sinh viên thái độ tự giác thay đổi ngôn ngữ sao cho phù hợp với xã hội nơi mà các em đang giao tiếp.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Basic concepts in sociolinguistics</b>	<b>14</b>	
<b>1.1 What is sociolinguistics?</b>	<b>4</b>	
1.1.1. Introduction		- Phân nhóm:
1.1.2. Objectives	2	+ Tìm hiểu nội dung
1.1.3. Main content		+ Trình bày ý chính
1.1.3.1. General overview		- Đánh giá phần trình bày của các nhóm và tổng kết
1.1.3.2. Sociolinguistics factors		- Kiểm tra nội dung đã học.
1.1.4. Conclusion	2	- Vài cá nhân trình bày phần 3.2 (đã xem trước ở nhà)
1.1.5. Summary		- Giảng viên đánh giá và tổng kết nội dung
1.1.6. Tutor-Marked Assignment		- Các nhóm bàn luận phần 6
<b>1.2 Sociolinguistics and language variation</b>	<b>4</b>	
1.2.1. Introduction		- Kiểm tra nội dung bài 1
1.2.2 Objectives		- Học nhóm:
1.2.3. Main content	2	+ Bàn luận để trả lời các câu hỏi của giảng viên đề ra
1.2.3.1. General Overview		+ Các nhóm trình bày
1.2.3.2. Notion of Sociolinguistics Variation		- Đánh giá và tổng kết
1.2.3.3. Spoken and Written Varieties		- Kiểm tra nội dung đã học
1.2.4. Conclusion	2	- Mỗi cá nhân nêu 1 điểm khác biệt trong phần 3.3
1.2.5. Summary		- Đánh giá và tổng kết
1.2.6. Tutor-Marked Assignment		- Các nhóm bàn luận phần 6
<b>1.3 Sociolinguistics differences</b>	<b>6</b>	
1.3.1. Introduction		- Kiểm tra nội dung bài 2
1.3.2. Objectives		- Học nhóm:
1.3.3. Main content	2	+ Nhóm 1 đặt câu hỏi cho phần 3.1, nhóm 2 trả lời
1.3.3.1. General Overview		+ Nhóm 3 đặt câu hỏi cho phần 3.2, nhóm 4 trả lời
1.3.3.2. Differences According to Geographic Origin		+ Nhóm 5 trình bày 3.1, nhóm 6 trình bày 3.2

		- Đánh giá và tổng kết
1.3.3.3. Differences According to Ethnicity		- Kiểm tra nội dung đã học
1.3.3.4. Differences According to Nationality	2	- Mỗi cá nhân trình bày một phần (đã chuẩn bị trước) và trả lời câu hỏi thắc mắc từ các bạn trong lớp.
1.3.3.5. Differences According to Occupation		- Đánh giá và tổng kết
1.3.3.6. Differences According to Class		- Kiểm tra nội dung đã học
1.3.3.7. Differences According to Age Groups		- Mỗi cá nhân trình bày một phần (đã chuẩn bị trước) và trả lời câu hỏi thắc mắc từ các bạn trong lớp.
1.3.3.8. Differences According to Gender	2	- Đánh giá và tổng kết
1.3.4. Conclusion		- Các nhóm bàn luận phần 6
1.3.5. Summary		- Khích lệ cá nhân nhắc lại các loại khác biệt đã học
1.3.6. Tutor-Marked Assignment		trong bài 3
<b>Chương 2. Language use in society</b>	<b>8</b>	
<b>2.1 Speech communities</b>	<b>4</b>	
2.1.1. Introduction	2	- Kiểm tra nội dung bài 3 (chương 1)
2.1.2. Objectives		- Học nhóm:
2.1.3. Main content		+ Bàn luận để trả lời các câu hỏi của giảng viên đề ra
2.1.3.1 General Overview	2	+ Các nhóm trình bày
2.1.3.2 The Concept of Speech Communities		- Đánh giá và tổng kết
2.1.4. Conclusion		- Các nhóm bàn luận phần 6
2.1.5. Summary		
2.1.6. Tutor-Marked Assignment		
<b>2.2 Speech acts and speech events</b>	<b>4</b>	
2.2.1. Introduction		- Kiểm tra nội dung bài 1 (chương 2)
2.2.2. Objectives		- Học nhóm:
2.2.3. Main content	2	+ Thảo luận
2.2.3.1. General Overview		+ Thuyết trình
2.2.3.2 Speech Acts		- Đánh giá và tổng kết
2.2.3.3 Speech Events		- Kiểm tra nội dung đã học
2.2.4. Conclusion	2	- Cá nhân trình bày phần 3.3 và trả lời thắc mắc từ các
2.2.5. Summary		bạn trong lớp
2.2.6. Tutor-Marked Assignment		- Đánh giá và tổng kết - Các nhóm bàn luận phần 6

<b>Chương 3. Language variation in society</b>	<b>8</b>	
<b>3.1 Concept of standard usage</b>	<b>4</b>	
3.1.1. Introduction		- Kiểm tra nội dung bài 2 (chương 2)
3.1.2. Objectives		- Học nhóm:
3.1.3. Main content	2	+ Thảo luận
3.1.3.1. General Overview		+ Thuyết trình
3.1.3.2. Pronunciation & Standard Language		- Đánh giá và tổng kết
3.1.3.3. National Standard English: Variants of Standard English.		- Kiểm tra nội dung đã học - Cá nhân trình bày phần 3.3 và trả lời thắc mắc từ các bạn trong lớp
3.1.4. Conclusion		
3.1.5. Summary	2	- Đánh giá và tổng kết
3.1.6. Tutor-Marked Assignment		- Các nhóm bàn luận phần 6
<b>3.2 SLANGS AND CLICHÉS IN SOCIOLINGUISTICS</b>	<b>4</b>	
3.2.1. Introduction		- Kiểm tra nội dung bài 1 (chương 3)
3.2.2. Objectives		- Học nhóm:
3.2.3. Main content	2	+ Thảo luận
3.2.3.1 General Overview		+ Thuyết trình
3.2.3.2 Slangs as Sociolinguistic Forms		- Đánh giá & tổng kết
3.2.3.3 Jargons & Clichés in Sociolinguistics.		- Kiểm tra nội dung đã học
3.2.4. Conclusion	2	- Học nhóm: 2 nhóm hỏi, 2 nhóm trả lời
3.2.5. Summary		- Đánh giá và tổng kết
3.2.6. Tutor-Marked Assignment		- Các nhóm bàn luận phần 6

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

Anthony C. Oha (2010), Bùi Diễm Hạnh (biên soạn), *Introduction to Sociolinguistics*. Nigeria: National Open University Press.

### 6.2. Tài liệu khác

- Coulmas, F. (1997), *The Handbook of Sociolinguistics*, Oxford: Blackwell.
- Trudgill, P. (2000), *Sociolinguistics: An Introduction to Language and Society*, London: Penguin Books.
- Wardhaugh, R. (2002), *An Introduction to Sociolinguistics*, London: Blackwell Publishing.
- Olaoye, A. A. (2007), *Introduction to Sociolinguistics*, Abuja: Ogunleye Publishing and Printing Press.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1



7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

TS. Bùi Diễm Hạnh

**HỌC PHẦN**  
**PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Phân tích diễn ngôn
- Mã học phần: 813075
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Ngữ nghĩa học (813026)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần**

Học phần này nhằm giới thiệu cho sinh viên những khái niệm cơ bản của môn phân tích diễn ngôn và tạo điều kiện cho người học vận dụng những khái niệm này vào việc phân tích văn nói và viết. Nội dung môn học gồm những phần sau đây:

Phần 1: Những khái niệm cơ bản: discourse versus text – text-forming devices – types of discourse – linguistic elements in discourse – genre

Phần 2: Phân tích diễn ngôn : coherence – cohesion – speech acts – background knowledge

Phần 3: Những bài tập thực hành (activities and projects)

Những phần này được lồng ghép với nhau trong từng tiết học. Qua đó người học sẽ có một cái nhìn rõ hơn về cấu tạo của một bài văn nói và viết

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Sinh viên có một số kiến thức cơ bản về phương pháp phân tích những bài văn và các mẫu đối thoại.

4.3 Về kỹ năng: Phân tích thuần thực sự kết dính (cohesion) và mạch lạc (coherence) của các câu trong một văn bản (written text) hay ngôn bản (spoken text)

4.4 Về thái độ: Kiến thức về phân tích diễn ngôn sẽ giúp cho sinh viên cẩn thận hơn khi viết vì ý thức được một văn bản không chỉ là một tập hợp các câu một cách tự do theo ngẫu hứng, mà là một sự sắp xếp có quy luật. Kiến thức này cũng giúp sinh viên thận trọng hơn khi phân tích ngôn bản vì ngôn bản thường chứa những hành động ngôn ngữ (speech acts), nếu không cẩn thận sẽ hiểu theo nghĩa đen (locution) thay vì theo nghĩa sở chỉ (illocution) của chúng.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: <i>Introduction – What is discourse analysis?</i></b> 1.1- What is discourse? 1.2- Discourse versus text 1.3- Spoken versus written language 1.4- Types of discourse	5	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<b>Chương 2: <i>Linguistic Elements in Discourse</i></b> 2.1- Cohesion 2.2- Given & New Information 2.3- Theme and rheme	9	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<b>KIỂM TRA GIỮA HỌC PHẦN</b>	2	
<b>Chương 3: <i>Making Sense of Discourse</i></b> 3.1- Discourse coherence 3.2- Speech acts 3.3- Using background knowledge: propositional level 3.4- Using background knowledge: functional level	9	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập
<b>Chương 4: <i>Conversation Analysis</i></b> 4.1- Introduction 4.2- Discourse structure of conversation	5	Giảng viên trình bày và sinh viên làm bài tập

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính :

1) Halliday M. A. K. (1994), *Discourse Analysis*, London, Equinox.

### 6.2 Tài liệu khác:

1) Guy Cook (1989), *Discourse*, Oxford University Press.

2) McCathy Michael (1991), *Discourse analysis for language teachers*, Cambridge University Press.

3) Nunan David (1998), *Introducing Discourse Analysis*, Penguin English.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Trương Văn Ánh

**HỌC PHẦN**  
**LÝ LUẬN DẠY HỌC TIẾNG ANH 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Lý luận dạy học tiếng Anh 1
- Mã học phần: 813312
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- Số tiết: (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- +Đòi hỏi HP/MH trước: Không
- + Đòi hỏi môn song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần:**

Học phần Lý luận giảng dạy tiếng Anh trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về các phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Sau khi hoàn tất học phần, người học có thể vận dụng các lý luận này vào việc tìm hiểu và thực hiện giảng dạy các sách dạy tiếng Anh.

Bao gồm những khái niệm và quan điểm (concepts and beliefs) khác nhau về quá trình dạy và học ngôn ngữ đưa đến những phương hướng và phương pháp (methods and approaches) khác nhau trong giảng dạy ngoại ngữ. Ngoài việc trình bày các phương pháp và phương hướng giảng dạy ngoại ngữ phổ biến, học phần cũng trang bị cho người học một số thủ thuật (techniques) đặc trưng của những phương pháp và phương hướng này, cùng với các kiến thức khái quát về tiến trình bài giảng (procedures) phục vụ cho việc thiết kế một bài giảng cụ thể ở các học phần Thực hành Sư phạm

**4. Mục tiêu cụ thể của HP/MH (Chuẩn đầu ra của HP/MH)**

4.1. Về kiến thức: Người học nắm vững các quan điểm khác nhau về quá trình học ngôn ngữ (beliefs) - nền tảng cho các phương pháp (methods and approaches), các đặc điểm của những phương pháp dạy và học tiếng Anh phổ biến cũng như các kỹ thuật (techniques) đặc trưng cho từng phương pháp.

4.2. Về kỹ năng: Người học có kỹ năng vận dụng được các kiến thức mang tính lý luận vào việc chọn phương pháp giảng dạy (methods) phù hợp với những đối tượng và điều kiện giảng dạy khác nhau.

4.3. Về thái độ: Người học nhận thức được yêu cầu của ngành nghề, qua đó xác định được mục tiêu phấn đấu rèn luyện nghề nghiệp.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1. An Overview of the Language Teaching Methodology</b></p> <p><b>1. Basic concepts</b></p> <p>1.1. Belief</p> <p>1.2. Approaches</p> <p>1.3. Methods</p> <p><b>2. Theories of Language Learning and Teaching</b></p> <p>2.1. The Classical Method</p> <p>2.2. The Direct Method</p> <p>2.3. The Audio-Lingual Method</p> <p>2.4. The ‘Designer’ Methods</p> <p>2.5. The Communicative Language Teaching</p>	15	Bài giảng của giảng viên trên lớp
<p><b>Chương 2. Some Common Language Teaching Methods</b></p> <p><b>1. The Grammar-Translation Method</b></p> <p>1.1. Teacher’s goals</p> <p>1.2. The roles of teachers and students</p> <p>1.3. Teacher’s response to students errors</p> <p>1.4. Language focus</p> <p>1.5. Teaching-learning process</p> <p>1.6. Techniques</p> <p><b>2. The Direct Method</b></p> <p>2.1. Teacher’s goals</p> <p>2.2. The roles of teachers and students</p> <p>2.3. Teacher’s response to students errors</p> <p>2.4. Language focus</p> <p>2.5. Teaching-learning process</p> <p>2.6. Techniques</p> <p><b>3. The Audio-Lingual Method</b></p> <p>3.1. Teacher’s goals</p> <p>3.2. The roles of teachers and students</p> <p>3.3. Teacher’s response to students errors</p> <p>3.4. Language focus</p> <p>3.5. Teaching-learning process</p> <p>3.6. Techniques</p> <p><b>4. Total Physical Response</b></p> <p>4.1. Teacher’s goals</p> <p>4.2. The roles of teachers and students</p> <p>4.3. Teacher’s response to students errors</p>	15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nhanh (quiz) các khái niệm đã học ở bài trước.</li> <li>- Thảo luận nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài của giáo viên (Sinh viên được yêu cầu đọc bài trước ở nhà).</li> <li>- Thảo luận lớp (class discussion) giúp sinh viên hiểu bài tốt hơn và nắm kiến thức ngay tại lớp.</li> <li>- Thực hiện tiết minh họa (demo) cho mỗi phương pháp. (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một phương pháp). Giáo viên và các nhóm khác nhận xét về mức độ thể hiện phương pháp trong tiết minh họa.</li> </ul>

4.4. Language focus		
4.5. Teaching-learning process		
4.6. Techniques		
<b>5. The Communicative Language Teaching</b>		
5.1. Teacher's goals		
5.2. The roles of teachers and students		
5.3. Teacher's response to students errors		
5.4. Language focus		
5.5. Teaching-learning process		
5.6. Techniques		
5.7. Characteristics of the Communicative Activities		
<b>Chương 3. Some Common Procedures</b>	4	Thuyết trình nhóm và thiết kế bài giảng minh họa (không giảng, chỉ thiết kế). Giáo viên và các nhóm khác nhận xét về tính chính xác của bài minh họa.
3.1. PPP		
3.2. Harmer's ESA		
3.3. Pre- /While- / Post- procedure		
3.4. Task-based learning/instruction		
<b>Chương 4. Factors Affecting Language Learning</b>	5	- Thảo luận nhóm về đề tài của bài (Factors Affecting Language Learning) - Thảo luận cả lớp (class discussion)
<b>1. The Language Learning Environment</b>		
1.1. Class organization or management		
1.2. Class activities		
1.3. Atmosphere		
1.4. Physical conditions		
<b>2. The Learner</b>		- Giáo viên hệ thống ý kiến và giới thiệu các ý bổ sung từ bài giảng
2.1. Age and risk-taking		
2.2. Aptitude		
2.3. Attitude		
2.4. Motivation		
<b>3. The teacher</b>		
3.1. Method of teaching		
3.2. Personality		
<b>Dự trữ và ôn tập</b>	1	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính

- 1) Vũ Thị Lan. (2005-2006). *Language Teaching Methodology*. (Internal textbook)
- 2) Harmer, J. (1996). *The Practice of English Language Teaching*. Longman.
- 3) Ur, P. (1996). *A course in language teaching*. Cambridge: CUP

### 6.2 Tài liệu khác

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

*TP.HCM, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Bùi Thị Phương Dung



**HỌC PHẦN**  
**LÝ LUẬN DẠY HỌC TIẾNG ANH 2**

**1. Thông tin về học phần:**

- Tên HP/MH: Lý luận dạy học Tiếng Anh 2
- Mã HP/MH: 813313
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- Số tiết: (45,0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học HP/MH:
  - + Đòi hỏi học học phần trước: Lý luận dạy học tiếng Anh 1 (813312)
  - + Đòi hỏi học học phần song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy : Tiếng Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần:**

Mục tiêu tổng quát của học phần là trang bị cho người học các kiến thức về mặt lý luận cũng như thực hành về giảng dạy ngữ liệu và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, trong đó bao gồm cả các phạm trù có liên quan như kiểm tra, đánh giá, quản lý lớp, sử dụng giáo cụ bên cạnh trọng tâm chính về giảng dạy ngữ liệu và phát triển kỹ năng ngôn ngữ.

Khi hoàn tất học phần, người học có thể nhận biết cấu trúc một bài giảng trong sách giáo khoa, đánh giá các hoạt động được thiết kế sẵn trong sách và lựa chọn, thay đổi, bổ sung các hoạt động này cho một bài giảng thực tế trên lớp. Ngoài ra, người học cũng được trang bị kỹ năng xác định các chi tiết cho một bài kiểm tra (test specifications) để dựa vào đó thiết kế các bài kiểm tra trên lớp và học kỳ. Một kỹ năng khác được nhắc đến trong học phần này là kỹ năng thiết kế và sử dụng giáo cụ phục vụ cho việc giảng dạy trên lớp.

**4. Mục tiêu cụ thể của HP/MH (Chuẩn đầu ra của HP/MH)**

**4.1 Về kiến thức:**

- Các lý thuyết cơ bản trong giảng dạy ngữ liệu và phát triển kỹ năng ngôn ngữ
- Các bước khi thực hiện dạy ngữ liệu và phát triển kỹ năng ngôn ngữ
- Tổ chức và quản lý các loại hình hoạt động trên lớp trong một tiết dạy
- Thiết kế, sử dụng và đánh giá giáo cụ
- Vai trò, ảnh hưởng, các hình thức kiểm tra đánh giá, thiết kế bài kiểm tra

#### 4.2 Về kỹ năng:

- Nhận biết các bước trong tiến trình bài giảng trên lớp
- Đánh giá, lựa chọn, thay đổi, bổ sung các hoạt động cho một bài giảng trên lớp từ bài thiết kế sẵn trong sách.
- Lựa chọn, thiết kế, thực hiện giáo cụ phục vụ cho bài giảng
- Xác định các chi tiết cho bài kiểm tra và tiến hành thiết kế bài kiểm tra

#### 4.3 Về thái độ

Người học nhận thức được các yêu cầu công việc của nghề nghiệp, qua đó giáo dục thái độ, nhận thức đúng đắn về vai trò và chức năng của người thầy trong xã hội. Điều này giúp người học xác định được mục tiêu phấn đấu cũng như tạo động lực thúc đẩy trong việc học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1 – Induction</b>	3	Bài giảng trên lớp. Chia nhóm và giao bài (homework) bao gồm thuyết trình và thực hành (tập giảng)
<b>1. Principles for Language Teaching (review)</b>		
<b>2. Teaching and Learning Method for the course</b>		
2.1. Objectives of the course		
2.2. Requirements of the course		
2.3. Assignments		
<b>3. Assessment criteria</b>	3	- Bài kiểm tra nhanh (quiz) các khái niệm đã học.  - Thuyết trình nhóm và phản hồi (giáo viên và lớp) hoặc bài giảng của giảng viên  - Bài tập giảng (demo micro-teaching) + phản hồi và đánh giá của giáo viên
<b>Chương 2. Teaching Language Areas</b>		
<b>1. Teaching pronunciation</b>		
1.1. The role of pronunciation		
1.2. Some common pronunciation errors by Vietnamese learners		
1.3. The content of teaching pronunciation		
1.4. Teaching pronunciation – General guidelines		
1.5. Teaching pronunciation in Tiếng Anh 10, 11, 12	3	- Bài kiểm tra nhanh (quiz) các khái niệm đã học.  - Thuyết trình nhóm và phản hồi (giáo viên và lớp) hoặc bài giảng của giảng viên  - Bài tập giảng (demo micro-teaching) + phản hồi và đánh giá của giáo viên
<b>2. Teaching vocabulary</b>		
2.1. The importance of teaching vocabulary		
2.2. The content of teaching vocabulary		
2.3. Techniques for conveying meanings of words		
2.4. How words are learned and remembered		
2.5. Implications for teaching		
2.6. Teaching vocabulary in Tiếng Anh 10, 11, 12	3	- Bài kiểm tra nhanh (quiz)
<b>3. Teaching grammar</b>		

3.1. The importance of teaching grammar		các khái niệm đã học. - Thuyết trình nhóm và phản hồi (giáo viên và lớp) hoặc bài giảng của giảng viên  - Bài tập giảng (demo micro-teaching) + phản hồi và đánh giá của giáo viên
3.2. Presenting and explaining grammar		
3.2.1. Deductive approach		
3.2.2. Inductive approach		
3.3. Teaching grammar in Tiếng Anh 10, 11, 12		
<b>Chương 3. Introduction to Teaching Language Skills</b>	3	- Bài kiểm tra nhanh (quiz) các khái niệm đã học.  - Thuyết trình nhóm và phản hồi (giáo viên và lớp) hoặc bài giảng của giảng viên  - Bài tập giảng (demo micro-teaching) + phản hồi và đánh giá của giáo viên
<b>1. An Overview of Teaching Language Skills</b>		
1.1. Basic principles		
1.1.1. Integrating skill		
1.1.2. Language work		
<b>2. Input and output</b>		
2.1. Basic concepts of input and output		
2.2. The circle of input and output		
<b>3. Top-down and Bottom-up</b>		
3.1. Top-down processing		
3.2. Bottom-up processing		
<b>4. Receptive skills</b>		
4.1. Basic principles		
4.2. Models for Listening and Reading		
4.3. Teaching versus Testing		
<b>5. Productive skills</b>		
5.1. Basic principles		
5.2. Models for Speaking and Writing		
<b>Chương 4. Teaching Language Skills</b>	3	- Bài kiểm tra nhanh (quiz) các khái niệm đã học.  - Thuyết trình nhóm và phản hồi (giáo viên và lớp) hoặc bài giảng của giảng viên  - Bài tập giảng (demo micro-teaching) + phản hồi và đánh giá của giáo viên
<b>1. Teaching Listening</b>		
1.1. Listening process and steps		
1.2. Listening activities		
1.3. Adapting tasks	6	- Bài kiểm tra nhanh (quiz) các khái niệm đã học.  - Thuyết trình nhóm và phản hồi (giáo viên và lớp) hoặc bài
<b>2. Teaching Reading</b>		
2.1. Overview		
2.1.1. Teaching steps		
2.1.2. Types of reading		
2.1.3. Reading skills		

2.1.4. The role of reading aloud		giảng của giảng viên
2.1.5. The teacher's role		
2.2. The vocabulary question		- Bài tập giảng (demo micro-teaching) + phản hồi và đánh giá của giáo viên
2.3. Exploiting the reading text		
<b>3. Teaching Speaking</b>	6	
3.1. Overview		- Bài kiểm tra nhanh (quiz) các khái niệm đã học.
3.1.1. The challenge of speaking in a foreign language		- Thuyết trình nhóm và phản hồi (giáo viên và lớp) hoặc bài giảng của giảng viên
3.1.2. Implications for teaching		
3.2. Teaching steps		
3.3. The role of pair-/ group-work in teaching speaking		- Bài tập giảng (demo micro-teaching) + phản hồi và đánh giá của giáo viên
3.4. Speaking activities		
3.5. Communicative tasks		
<b>4. Teaching Writing</b>	6	
4.1. Process versus product		- Bài kiểm tra nhanh (quiz) các khái niệm đã học.
4.1.1. Process writing		
4.1.2. Product writing		- Thuyết trình nhóm và phản hồi (giáo viên và lớp) hoặc bài giảng của giảng viên
4.1.3. A comparison		
4.2. Kinds of writing		- Bài tập giảng (demo micro-teaching) + phản hồi và đánh giá của giáo viên
4.2.1. Writing for learning		
4.2.2. Writing for writing		
4.2.3. Creative writing		
4.3. Teacher's roles		
4.4. Teaching steps		
4.5. Correction		
4.5.1. What to correct		
4.5.2. How to correct (teacher's correction)		
4.5.3. Self-correction (students' correction)		
<b>Chương 5: Teaching aids</b>	3	
<b>1. Benefits of using teaching aids in the language classroom</b>		- Bài kiểm tra nhanh (quiz) các khái niệm đã học.
<b>2. Teaching aids and their usage</b>		- Thuyết trình nhóm và phản hồi (giáo viên và lớp) hoặc bài giảng của giảng viên
2.1. Boards		
2.2. Realias		
2.3. Pictures, charts, and drawings		
2.4. Flashcards		
2.5. Work cards/ Worksheets/ Task sheets		- Bài tập giảng (demo micro-teaching) + phản hồi và đánh giá của giáo viên
2.6. Technology facilities		
2.7. The teacher		
<b>3. Criteria for judging the effectiveness of</b>		

<b>aids</b>		
<b>Chương 6: Language tests</b>	6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài kiểm tra nhanh (quiz) các khái niệm đã học.</li> <li>- Bài giảng của giảng viên</li> <li>- Thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi thực hành</li> <li>- Làm việc theo nhóm, thực hành thiết kế bài kiểm tra (chuẩn bị ở nhà và mang đến lớp để giáo viên và các nhóm khác nhận xét) → project-based activity</li> </ul>
<b>1. The importance of testing</b>		
1.1. The effect of testing on teaching		
1.2. The effect of testing on learning		
<b>2. Types of test</b>		
2.1. Achievement tests		
2.2. Proficiency tests		
2.3. Aptitude tests		
2.4. Diagnostic tests		
2.5. Placement tests		
<b>3. Criteria of tests</b>		
3.1. Validity		
3.2. Reliability		
3.3. Discrimination		
<b>4. Continuous assessment</b>		
5. Test types		
5.1. Discrete and integrative test items		
5.2. Direct and indirect test items		
<b>6. Designing tests</b>		
<b>7. Interpreting test scores</b>		
7.1. Frequency Distribution		
7.2. Measures of Central Tendency		
7.3. Measures of Dispersion		
7.4. Item Analysis		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính

- 1) Vũ Thị Lan (2009), *Reading brick*– Internal material.
- 2) Vũ Thị Lan (2006). *Language Teaching Methodology for Secondary School*. Internal textbook.
- 3) Harmer, J. (2001). *The Practice of English Language Teaching*. England. Longman.
- 4) Heaton, J.B. (1990). *Writing English Language Tests*. New York. Longman.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

## 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

*TP.HCM, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Bùi Thị Phương Dung

**HỌC PHẦN  
THỰC HÀNH SƯ PHẠM THPT 1****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực hành sư phạm THPT 1
- Mã học phần: 813110
- Số tín chỉ: 1
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 25
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:  
Đòi hỏi học phần học trước: không  
Đòi hỏi học phần học song hành: không
- Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên****3. Mô tả học phần:**

Hoàn tất học phần Thực hành sư phạm 1, người học được trang bị kiến thức về những nguyên tắc và tiêu chí cần lưu ý khi thiết kế trò chơi, hoạt động giao tiếp và sử dụng bài hát hỗ trợ cho việc dạy và học ngoại ngữ. Người học cũng được trang bị những kỹ năng cần thiết khi tiến hành tổ chức trò chơi và sử dụng bài hát trong một giờ học tiếng Anh. Bên cạnh đó, người học bước đầu tìm hiểu cấu trúc sách giáo khoa Tiếng Anh 10.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức:**

4.1.1. Các kiến thức cơ bản về cấu trúc sách Tiếng Anh 10

4.1.2. Các kiến thức mang tính chất lý luận cho việc thiết kế trò chơi và sử dụng bài hát hỗ trợ cho việc dạy và học ngoại ngữ

4.2. Về kỹ năng: Áp dụng những kiến thức mang tính lý luận vào thực tế thiết kế trò chơi, sử dụng bài hát cho một bài học cụ thể trong sách Tiếng Anh 10

4.3. Về thái độ: Người học nhận thức được tính chất và yêu cầu nghề nghiệp, qua đó xác định được mục tiêu trau dồi và phấn đấu. Bên cạnh đó, người học cũng hiểu được những công cụ hỗ trợ công việc giảng dạy và định hướng tốt cho việc trau dồi các kỹ năng nghề nghiệp.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1. Tìm hiểu cấu trúc sách giáo khoa Tiếng Anh 10 (cơ bản)</b></p> <p>1.1. Lời nói đầu</p> <p>1.2. Trang nội dung (book map)</p> <p>1.3. 16 đơn vị bài học (unit)</p> <p>1.4. 6 bài ôn tập (test yourself)</p> <p>1.5. Phần từ vựng cho các đơn vị bài học (glossary)</p>	2 tiết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</li> <li>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</li> </ul>
<p><b>Chương 2. Tìm hiểu cấu trúc một bài (unit), cách giới thiệu ngữ liệu và phát triển kỹ năng ngôn ngữ trong bài</b></p> <p><b>1. Cấu trúc của một đơn vị bài học (unit)</b></p> <p>1.1. Reading</p> <p>1.2. Speaking</p> <p>1.3. Listening</p> <p>1.4. Writing</p> <p>1.5. Language Focus (Pronunciation &amp; Grammar)</p> <p><b>2. Cách giới thiệu ngữ liệu và phát triển kỹ năng ngôn ngữ</b></p> <p>2.1. Cách giới thiệu ngữ liệu</p> <p>2.1.1. Sử dụng hình ảnh</p> <p>2.1.2. Sử dụng tình huống</p> <p>2.2. Các bước phát triển kỹ năng ngôn ngữ trong một tiết học (lesson)</p> <p><b>3. Thực hành</b></p>	8 tiết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</li> <li>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</li> <li>- Thực hành</li> <li>+ Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một đơn vị bài học).</li> <li>+ Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập đã chuẩn bị trước</li> <li>+ Nhận xét của các nhóm khác</li> <li>+ Đánh giá và góp ý của giảng viên</li> </ul>
<p><b>Chương 2. Using Songs in Language Teaching</b></p> <p><b>1. The benefits of using songs in a language class</b></p> <p><b>2. Some principles of choosing songs for a language class</b></p> <p><b>3. Some common ways to adapt a song</b></p> <p><b>4. Practice of using songs in language teaching</b></p>	6 tiết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm về đề tài của bài học</li> <li>- Giáo viên nhận xét, hệ thống các ý kiến và bổ sung để hình thành bài giảng</li> <li>- Thực hành theo nhóm</li> <li>+ Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một đơn vị bài học). Nhóm chuẩn bị bài ở nhà</li> <li>+ Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập đã chuẩn bị trước</li> <li>+ Nhận xét của các nhóm khác</li> <li>+ Đánh giá và góp ý của giảng viên</li> </ul>
<p><b>Chương 3. Using Games in Language Teaching</b></p>	8 tiết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm về đề tài của bài học</li> </ul>



Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>1. The advantages of using games in a language class</b>  <b>2. Some problems when using games in a language class</b>  <b>3. Types of games</b>  <b>4. Characteristics of good games</b>  <b>5. How to play games</b>  <b>6. Some common games in language class</b>  6.1 Categories  6.2 Missing objects  6.3 Matching  6.4 Definition  6.5 Word order games  6.6 Picture story  6.7 Present perfect board  <b>7 Practice of using games in language teaching</b></p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên nhận xét, hệ thống các ý kiến và bổ sung để hình thành bài giảng</li> <li>- Thực hành theo nhóm</li> <li>+ Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một đơn vị bài học). Nhóm chuẩn bị bài ở nhà</li> <li>+ Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập đã chuẩn bị trước</li> <li>+ Nhận xét của các nhóm khác</li> <li>+ Đánh giá và góp ý của giảng viên</li> </ul>
<b>Ôn tập và dự trữ</b>	1 tiết	

## 6. Tài liệu học tập

- 6.1. Vũ Thị Lan (2006). *Language Teaching Methodology for Secondary School*. Saigon University.
- 6.2. Howard-Williams, D. & Cynthia Herd. (1994). *Word Games with English – Teacher’s Resource book*. Heinemann Games Series.
- 6.3. Hancock, M. (1995). *Pronunciation Games*. Cambridge University Press.
- 6.4. Watcyn-Jones, P. (1997). *Top Class Activities*. Penguin Books.
- 6.5. Watcyn-Jones, P. (1993). *Vocabulary Games and Activities for Teachers*. Penguin Books
- 6.6. *Learn English with Songs*. (2006). Nhà xuất bản Trẻ.
- 6.7.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi cuối học phần.
- 7.3. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm quá trình: hệ số 0.9
    - Thực hành 1: hệ số 0.3
    - Thực hành 2: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*TP.HCM, ngày 15 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

**HỌC PHẦN  
 THỰC HÀNH SƯ PHẠM THPT 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực hành sư phạm THPT 2
- Mã học phần: 813111
- Số tín chỉ: 1
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 25
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:  
 Đòi hỏi học phần học trước: Thực hành sư phạm THPT1 (813110)  
 Đòi hỏi học phần học song hành: không
- Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: tiếng Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần**

Học phần này nhằm trang bị cho người học kiến thức về phương hướng biên soạn, cấu trúc sách, kết cấu bài học, cách bố trí và giới thiệu ngữ liệu, các dạng bài tập trong sách Tiếng Anh 10, 11, 12 (sách cơ bản). Sau khi hoàn tất học phần, người học có khả năng phân tích và xác định mục tiêu của một bài học cụ thể, trọng tâm về kiến thức ngôn ngữ (language materials) và kỹ năng ngôn ngữ (language skills) của bài học, phân tích tiến trình bài giảng và lựa chọn các hoạt động cho tiến trình giảng dạy một bài học cụ thể,

**4. Mục tiêu học phần**

- 4.1. Về kiến thức: Tìm hiểu sách giáo khoa Tiếng Anh 10, 11, 12
  - 4.1.1. Cấu trúc sách
  - 4.1.2. Cấu trúc một đơn vị bài học (unit)
  - 4.1.3. Cấu trúc một tiết học trong đơn vị bài học
- 4.2. Về kỹ năng: Xác định các yếu tố cần thiết cho việc thiết kế một bài giảng (lesson plan)
  - 4.2.1. Xác định mục tiêu cụ thể của bài giảng
  - 4.2.2. Xác định trọng tâm ngôn ngữ, kỹ năng
  - 4.2.3. Xác định các bước và hoạt động cho mỗi bước của tiến trình bài giảng
- 4.3. Về thái độ: Người học nhận thức được các yêu cầu công việc của nghề nghiệp, qua đó giáo dục thái độ, nhận thức đúng đắn về vai trò và chức năng của người thầy trong xã hội. Điều này giúp người học xác định được mục tiêu phấn đấu cũng như tạo động lực thúc đẩy trong việc học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1. Tìm hiểu cấu trúc sách giáo khoa Tiếng Anh 10, 11, 12 (cơ bản)</b></p> <p><b>2. Cấu trúc sách Tiếng Anh 10 (ôn lại THSP1)</b></p> <p><b>3. Cấu trúc sách Tiếng Anh 11, 12</b></p> <p>3.1. Lời nói đầu</p> <p>3.2. Trang nội dung (book map)</p> <p>3.3. 16 đơn vị bài học (unit)</p> <p>3.4. 6 bài ôn tập (test yourself)</p> <p>3.5. Phần từ vựng cho các đơn vị bài học (glossary)</p>	2 tiết	<p>- Thảo luận nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</p> <p>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</p>
<p><b>Chương 2. Tìm hiểu cấu trúc một bài (unit), cách giới thiệu ngữ liệu và phát triển kỹ năng ngôn ngữ trong bài</b></p> <p><b>1. Cấu trúc của một đơn vị bài học (unit)</b></p> <p>3.1. Reading</p> <p>3.2. Speaking</p> <p>3.3. Listening</p> <p>3.4. Writing</p> <p>3.5. Language Focus (Pronunciation &amp; Grammar)</p> <p><b>4. Cách giới thiệu ngữ liệu và phát triển kỹ năng ngôn ngữ</b></p> <p>4.1. Cách giới thiệu ngữ liệu</p> <p>4.1.1. Sử dụng hình ảnh</p> <p>4.1.2. Sử dụng tình huống</p> <p>4.2. Các bước phát triển kỹ năng ngôn ngữ trong một tiết học (lesson)</p> <p><b>5. Thực hành</b></p>	2 tiết	<p>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</p> <p>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</p> <p>- Thực hành</p> <p>+ Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một đơn vị bài học).</p> <p>+ Mỗi nhóm thuyết trình phân bài tập đã chuẩn bị trước</p> <p>+ Nhận xét của các nhóm khác</p> <p>+ Đánh giá và góp ý của giảng viên</p>

<p><b>Chương 3. Tìm hiểu các dạng hoạt động (activities) trong một bài giảng (lesson)</b></p> <p><b>1. Phân biệt bài tập rèn luyện ngôn ngữ và bài tập phát triển kỹ năng ngôn ngữ (practice for accuracy vs. practice for fluency)</b></p> <p><b>2. Các dạng bài tập hỗ trợ cho kỹ năng nghe</b></p> <p><b>3. Các dạng bài tập hỗ trợ cho kỹ năng nói</b></p> <p><b>4. Các dạng bài tập hỗ trợ cho kỹ năng đọc</b></p> <p><b>5. Các dạng bài tập hỗ trợ cho kỹ năng viết</b></p> <p><b>6. Thực hành xác định các dạng bài tập có sẵn trong sách Tiếng Anh 10, 11, 12 trong một đơn vị bài giảng cụ thể (lesson)</b></p>	4 tiết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</li> <li>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</li> <li>- Thực hành (xem phần thực hành ở trên)</li> </ul>
<p><b>Chương 4. Tìm hiểu và xác định mục tiêu, trọng tâm ngôn ngữ, kỹ năng trong mỗi tiết lên lớp</b></p> <p><b>1. Các nhóm mục tiêu trong mỗi tiết lên lớp</b></p> <p>1.1. Mục tiêu về trọng tâm ngôn ngữ</p> <p>1.2. Mục tiêu về kỹ năng ngôn ngữ</p> <p>1.3. Mục tiêu về giáo dục và giáo dưỡng</p> <p><b>2. Cách xác định trọng tâm ngôn ngữ cho một tiết lên lớp</b></p> <p>2.1. Trọng tâm về từ vựng (vocabulary)</p> <p>2.2. Trọng tâm về ngữ pháp (grammar)</p> <p>2.3. Trọng tâm về cấu trúc và ngôn ngữ chức năng (expressions and functional language)</p> <p><b>3. Cách xác định trọng tâm kỹ năng ngôn ngữ cho mỗi tiết lên lớp (skills and subskills)</b></p> <p><b>4. Thực hành</b></p>	10 tiết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</li> <li>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</li> <li>- Thực hành <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một đơn vị bài học).</li> <li>+ Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập đã chuẩn bị trước</li> <li>+ Nhận xét của các nhóm khác</li> <li>+ Đánh giá và góp ý của giảng viên</li> </ul> </li> </ul>

<p><b>Chương 5. Thực hành bố trí các hoạt động cho từng bước lên lớp</b></p> <p><b>1. Tìm hiểu cách bố trí các hoạt động trong từng phần mục về kỹ năng của mỗi đơn vị bài học trong sách Tiếng Anh 10, 11, 12</b></p> <p>5.1. Các hoạt động cho giai đoạn pre-</p> <p>5.2. Các hoạt động cho giai đoạn while -</p> <p>5.3. Các hoạt động cho giai đoạn post-</p> <p>Cần lưu ý sinh viên là các hoạt động trong một mục không nhất thiết phải đi theo đường thẳng (straight line) mà có thể là đường vòng (boomerang, patchwork) để giúp học sinh có nhiều cơ hội vận dụng ngôn ngữ.</p> <p><b>2. Thực hành bố trí các hoạt động trong sách cho từng bước lên lớp</b></p> <p><b>3. Thực hành thiết kế các hoạt động bổ sung cho một tiết học</b></p> <p>3.1. Mục tiêu của việc thiết kế hoạt động bổ sung</p> <p>3.2. Tìm hiểu một bài học cần các hoạt động bổ sung</p> <p>3.3. Thiết kế hoạt động bổ sung cho phần bài học vừa được phân tích</p> <p>3.3. Thực hành thiết kế hoạt động bổ sung cho một tiết lên lớp</p>	6 tiết	<p>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</p> <p>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</p> <p>Thực hành</p> <p>- Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một đơn vị bài học)</p> <p>- Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập thực hành được giao</p> <p>- Nhận xét của các nhóm khác</p> <p>- Đánh giá và góp ý của giảng viên</p>
<b>Dự trữ và ôn tập</b>	1 tiết	

## 2. Tài liệu học tập

- a. Reading brick (2009) – Internal material compiled by Vũ Thị Lan
- b. Vũ Thị Lan. (2006). *Language Teaching Methodology for Secondary School*. Saigon University.
- c. Hoàng Văn Vân (Chủ biên) và nhóm tác giả. *Tiếng Anh 10, 11, 12 – sách giáo khoa và sách giáo viên*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- d. Hoàng Văn Vân (Chủ biên) và nhóm tác giả. (2008). *Hướng dẫn thực hiện thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 12 môn Tiếng Anh*. Nhà xuất bản Giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi cuối học phần

7.3. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm quá trình: hệ số 0.9
  - Thực hành 1: hệ số 0.3
  - Thực hành 2: hệ số 0.6

7.4. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.3

*TP.HCM, ngày 15 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

**HỌC PHẦN**  
**THỰC HÀNH SƯ PHẠM THPT 3**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực hành sư phạm THPT 3
- Mã học phần: 8131102
- Số tín chỉ: 1
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 25
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:  
 Đòi hỏi học phần học trước: Thực hành sư phạm THPT 2 (813111)  
 Đòi hỏi học phần học song hành: không
- Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần:**

Hoàn thành học phần Thực hành sư phạm 3, người học được củng cố các kiến thức mang tính lý luận về hoạt động giao tiếp (communicative activities) và được cung cấp thêm kiến thức về các hoạt động đầu giờ (warm-up). Từ các kiến thức mang tính lý thuyết, người học sẽ thực hành kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động này, hỗ trợ tốt cho việc thực hiện một tiết dạy tiếng Anh tại trường THPT. Bên cạnh đó, người học cũng được trang bị kỹ năng phân tích ngữ liệu có sẵn trong sách giáo khoa và thiết kế những thay đổi cần thiết cho một bài dạy trên lớp.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức:

- 4.1.1. Hoạt động giao tiếp : mục đích, đặc điểm, những lưu ý khi sử dụng cho một tiết lên lớp, những lưu ý khi thiết kế
- 4.1.2. Hoạt động đầu giờ: mục đích, những lưu ý khi thiết kế

4.2. Về kỹ năng:

- 4.2.1. Thiết kế và tiến hành hoạt động đầu giờ cho một bài giảng (lesson) cụ thể
- 4.2.2. Thiết kế và tiến hành hoạt động giao tiếp cho một bài giảng (lesson) cụ thể
- 4.2.3. Chọn thay đổi một hoạt động có sẵn trong sách giáo khoa

4.3. Về thái độ: Người học nhận thức được các yêu cầu công việc của nghề nghiệp, qua đó giáo dục thái độ, nhận thức đúng đắn về vai trò và chức năng của người thầy trong xã hội. Điều này giúp người học xác định được mục tiêu phấn đấu cũng như tạo động lực thúc đẩy trong việc học.



## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1. Hoạt động đầu giờ (warm-up)</b></p> <p><b>1. Mục tiêu của việc sử dụng hoạt động đầu giờ</b></p> <p>1.1. Đối với người học</p> <p>1.2. Đối với nội dung tiết học</p> <p><b>2. Những điều cần lưu ý khi thiết kế hoạt động đầu giờ</b></p> <p>2.1. Trọng tâm ngữ liệu, kỹ năng ngôn ngữ của tiết học</p> <p>2.2. Trình độ của người học</p> <p>2.3. Trang thiết bị cho tiết học</p> <p>2.4. Không gian trong lớp học</p> <p>2.5. Quỹ thời gian cho hoạt động</p> <p><b>3. Những tiêu chí đánh giá hiệu quả của hoạt động đầu giờ</b></p> <p>3.1. Mục đích</p> <p>3.2. Nội dung</p> <p>3.3. Cách tiến hành</p> <p>3.4. Giới hạn thời gian</p> <p><b>4. Một số hoạt động đầu giờ phổ biến</b></p> <p><b>5. Thực hành</b></p>	6 tiết	<p>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</p> <p>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</p> <p>Thực hành:</p> <p>+ Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một đơn vị bài học)</p> <p>+ Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập thực hành được giao</p> <p>+ Nhận xét của các nhóm khác</p> <p>+ Đánh giá và góp ý của giảng viên</p>
<p><b>Chương 2. Hoạt động giao tiếp</b></p> <p><b>1. Các đặc điểm của hoạt động giao tiếp</b></p> <p>1.1. Lỗ hổng thông tin</p> <p>1.2. Lựa chọn</p> <p>1.3. Phản hồi</p>	8 tiết	<p>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</p>

<p><b>2. Mục tiêu của việc sử dụng hoạt động giao tiếp trong dạy và học tiếng Anh</b></p> <p>2.1. Đối với người học</p> <p>2.2. Đối với kỹ năng ngôn ngữ</p> <p>2.3. Đối với vai trò của người dạy và người học</p> <p><b>3. Những vấn đề cần lưu ý khi thiết kế hoạt động giao tiếp cho một tiết dạy</b></p> <p>3.1. Trọng tâm ngữ liệu, kỹ năng ngôn ngữ của hoạt động</p> <p>3.2. Trình độ của người học</p> <p>3.3. Trang thiết bị cho tiết học</p> <p>3.4. Không gian trong lớp học</p> <p>3.5. Quỹ thời gian cho hoạt động</p> <p><b>4. Những tiêu chí đánh giá một hoạt động giao tiếp</b></p> <p>4.1. Mục đích</p> <p>4.2. Nội dung</p> <p>4.3. Cách tiến hành</p> <p>4.4. Giới hạn thời gian</p> <p><b>5. Thực hành</b></p>		<p>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</p> <p>Thực hành:</p> <p>+ Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một đơn vị bài học)</p> <p>+ Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập thực hành được giao</p> <p>+ Nhận xét của các nhóm khác</p> <p>+ Đánh giá và góp ý của giảng viên</p>
<p><b>Chương 4. Chọn và thay đổi hoạt động trong sách giáo khoa (adapting activities)</b></p> <p><b>1. Các nguyên tắc cho việc chọn thay đổi một hoạt động trong sách giáo khoa</b></p> <p><b>2. Các nguyên tắc cho việc thiết kế hoạt động thay thế</b></p> <p><b>3. Phân tích một hoạt động cần thay đổi trong một đơn vị bài học cụ thể</b></p> <p><b>4. Phân tích hoạt động thay thế</b></p> <p><b>5. Thực hành</b></p>	10 tiết	<p>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</p> <p>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</p> <p>- Thực hành: xem chương 2</p>
<b>Dự trữ</b>	1 tiết	

## 6. Tài liệu học tập

- 6.1. Hoàng Văn Vân (Chủ biên) và nhóm tác giả. *Tiếng Anh 10, 11, 12 – sách giáo khoa và sách giáo viên*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- 6.2. Hoàng Văn Vân (Chủ biên) và nhóm tác giả. (2008). *Hướng dẫn thực hiện thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 12 môn Tiếng Anh*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- 6.3. Vũ Thị Lan. (2006). *Language Teaching Methodology for Secondary School*. Saigon University.
- 6.4. Hadfield, J. (1996). *Intermediate Communication Games- A Collection of games and activities for low to mid-intermediate students of English*. Longman

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi cuối học phần.
- 7.3. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm quá trình: hệ số 0.9
    - Thực hành 1: hệ số 0.3
    - Thực hành 2: hệ số 0.6
- 7.4. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.3

*TP.HCM, ngày 15 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

**HỌC PHẦN**  
**THỰC HÀNH SƯ PHẠM THPT 4**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực hành sư phạm THPT 34
- Mã học phần: 813113
- Số tín chỉ: 1
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 25
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:  
 Đòi hỏi học phần học trước: Thực hành sư phạm THPT 3 (813112)  
 Đòi hỏi học phần học song hành: không
- Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần:**

Học phần Thực hành Sư Phạm 4 xác định mục tiêu trong việc ôn lại các kiến thức về phương hướng biên soạn, các bước trong các tiến trình bài giảng khác nhau và các dạng hoạt động phù hợp với từng bước. Phần ôn tập này phục vụ cho phần thực hành tiếp theo giúp người học rèn luyện kỹ năng sử dụng các hoạt động từ các websites hỗ trợ giảng dạy tiếng Anh, tìm hiểu bộ sách Solutions và New English File để thực hành giảng dạy một bài cụ thể trong các bộ sách này.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức:

- 4.1.1. Phương hướng biên soạn các giáo trình Tiếng Anh phổ biến hiện nay
- 4.1.2. Các tiến trình bài giảng khác nhau
- 4.1.3. Các dạng hoạt động cho các bước của tiến trình bài giảng

4.2. Về kỹ năng:

- 4.2.1. Sử dụng và chia sẻ các website hỗ trợ cho việc dạy tiếng Anh
- 4.2.2. Tìm hiểu phương hướng biên soạn và cấu trúc các giáo trình tiếng Anh (Solutions, New English File)
- 4.2.3. Thực hiện giảng dạy một đơn vị bài học cụ thể từ giáo trình Solutions/ New English File

4.3. Về thái độ: Người học nhận thức được các yêu cầu công việc của nghề nghiệp, qua đó giáo dục thái độ, nhận thức đúng đắn về vai trò và chức năng của người thầy trong xã hội. Điều này giúp người học xác định được mục tiêu phấn đấu cũng như tạo động lực thúc đẩy trong việc học.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1. Tham khảo và thực hành sử dụng trang web hỗ trợ cho việc giảng dạy tiếng Anh ở bậc PTTT</b></p> <p>1. Tìm hiểu một số trang web hỗ trợ cho việc giảng dạy tiếng Anh bậc phổ thông trung học</p> <p>2. Giới thiệu một số hoạt động (từ các trang web nói trên) có thể sử dụng hỗ trợ cho các đơn vị bài học trong sách giáo khoa</p> <p>3. Phân tích một hoạt động từ một trang web và cách thay đổi cho phù hợp với mục đích sử dụng</p> <p>4. Thực hành sử dụng các trang web này</p>	6 tiết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài giảng của giáo viên</li> <li>- Thực hành:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một kỹ năng ngôn ngữ)</li> <li>+ Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập thực hành được giao</li> <li>+ Nhận xét của các nhóm khác</li> <li>+ Đánh giá và góp ý của giảng viên</li> </ul> </li> </ul>
<p><b>Chương 2. Tìm hiểu và thực hành giảng dạy giáo trình Solutions</b></p> <p><b>1. Tìm hiểu giáo trình Solutions</b></p> <p>1.1.1. Các đặc điểm của giáo trình</p> <p>1.1.2. Cấu trúc của một đơn vị bài học (unit)</p> <p>1.1.3. Cấu trúc của một bài (lesson) dạy ngữ liệu</p> <p>1.1.4. Cấu trúc của một bài phát triển kỹ năng ngôn ngữ</p> <p><b>2. Thực hành giảng dạy giáo trình Solutions</b></p>	10 tiết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</li> <li>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</li> <li>- Thực hành:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một kỹ năng ngôn ngữ)</li> <li>+ Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập thực hành được giao</li> <li>+ Nhận xét của các nhóm khác</li> <li>+ Đánh giá và góp ý của giảng viên</li> </ul> </li> </ul>
<p><b>Chương 3. Tìm hiểu và thực hành giảng dạy giáo trình New English File</b></p> <p><b>1. Tìm hiểu giáo trình New English File</b></p> <p>1.1.1. Các đặc điểm của giáo trình</p>	8 tiết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</li> </ul>

<p>1.1.2. Cấu trúc của một đơn vị bài học (unit)</p> <p>1.1.3. Cấu trúc của một bài (lesson) dạy ngữ liệu</p> <p>1.1.4. Cấu trúc của một bài phát triển kỹ năng ngôn ngữ</p> <p><b>2. Thực hành giảng dạy giáo trình New English File</b></p>		<p>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</p> <p>- Thực hành:</p> <p>+ Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một kỹ năng ngôn ngữ)</p> <p>+ Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập thực hành được giao</p> <p>+ Nhận xét của các nhóm khác</p> <p>+ Đánh giá và góp ý của giảng viên</p>
<b>Dự trữ và ôn tập</b>	1 tiết	

## 6. Tài liệu học tập

- 6.1. Vũ Thị Lan. (2006). *Language Teaching Methodology for Secondary School*. Saigon University.
- 6.2. Reading brick (2009) – Internal material compiled by Vũ Thị Lan.
- 6.3. [www.teachingenglish.edu.vn](http://www.teachingenglish.edu.vn)
- 6.4. Falla, T. & A Davies, P. (2009). *Solutions- Intermediate*. OUP
- 6.5. Oxenden, C. & Latham-Koenig, C. (2008). *New English File- Intermediate*. OUP

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi cuối học phần.
- 7.3. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm quá trình: hệ số 0.9
    - Thực hành 1: hệ số 0.3
    - Thực hành 2: hệ số 0.6

7.4. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.3

TP.HCM, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH THPT 1**

**1.Thông tin về học phần:**

- Tên học phần: Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh THPT 1
- Mã học phần: 813314
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- Số tiết: : (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Lý luận dạy học tiếng Anh 2 (813313)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2.Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3.Mô tả học phần:**

Nội dung học phần đặt trọng tâm vào thực hành các kỹ năng giảng dạy (soạn giáo án, tiến hành bài giảng trên lớp). Để chuẩn bị cho việc này, người học ôn lại các lý thuyết cơ bản về phương hướng biên soạn và cấu trúc sách, một đơn vị bài học và các phần trong mỗi đơn vị cũng như cách xác định trọng tâm ngôn ngữ và kỹ năng ngôn ngữ trong từng tiết dạy. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp những kiến thức cơ bản phục vụ việc soạn và thực hiện một tiết dạy với giáo án điện tử. Ôn lại các kiến thức đã học về phương hướng biên soạn và đặc điểm cấu trúc của sách giáo khoa Tiếng Anh 10, Tiếng Anh 11, Tiếng Anh 12. Thực hành soạn giáo án và tiến hành lên lớp một tiết hoàn chỉnh của một bài trong sách giáo khoa Tiếng Anh 10, Tiếng Anh 11, Tiếng Anh 12. Tìm hiểu và thực hành soạn 1 tiết giáo án điện tử

**4.Mục tiêu học phần:**

4.1 Về kiến thức:

- Tìm hiểu sách giáo khoa Tiếng Anh 10, 11, 12 (ôn tập)
- Phương hướng biên soạn sách giáo khoa Tiếng Anh 10, 11, 12
- Đặc điểm cấu trúc sách giáo khoa Tiếng Anh 10, 11, 12
- Đặc điểm cấu trúc một đơn vị bài học (unit) sách giáo khoa Tiếng Anh 10, 11, 12
- Giáo án điện tử
- Cấu trúc của một giáo án điện tử
- Hiệu quả của việc sử dụng giáo án điện tử (ưu & khuyết điểm)
- Những điều cần lưu ý khi soạn giáo án điện tử

#### 4.2 Về kỹ năng:

- Soạn giáo án và tiến hành lên lớp một tiết hoàn chỉnh của một bài (lesson) trong sách giáo khoa Tiếng Anh 10, 11, 12
- Soạn giáo án điện tử và tiến hành một tiết lên lớp với giáo án điện tử

#### 4.3 Về thái độ

Người học nhận thức được các yêu cầu công việc của nghề nghiệp, qua đó giáo dục thái độ, nhận thức đúng đắn về vai trò và chức năng của người thầy trong xã hội. Điều này giúp người học xác định được mục tiêu phấn đấu cũng như tạo động lực thúc đẩy trong việc học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Đặc điểm sách Tiếng Anh 10, 11, 12 (ôn)</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi ôn tập</li> <li>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</li> </ul>
1. Phương hướng biên soạn		
2. Cấu trúc sách		
3. Cấu trúc một đơn vị bài học (unit)		
4. Cấu trúc một phần (section) trong một đơn vị bài học		
<b>Chương 2. Soạn giáo án (Lesson planning)</b>	6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</li> <li>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</li> <li>- Thực hành:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một kỹ năng ngôn ngữ)</li> <li>+ Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập thực hành được giao</li> <li>+ Nhận xét của các nhóm khác</li> <li>+ Đánh giá và góp ý của giảng viên</li> </ul> </li> </ul>
<b>1. Các chi tiết cần xác định trước khi soạn giáo án</b>		
1.1 Đối tượng của bài giảng		
1.2. Mục tiêu của bài giảng (kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ, bài học giáo dục và giáo dưỡng)		
1.3. Trọng tâm ngôn ngữ của bài giảng		
<b>2. Thiết kế một giáo án</b>		
2.1. Các phần của một giáo án và những chi tiết trong mỗi phần		
2.2. Lựa chọn tiến trình bài giảng cho giáo án		
2.3. Lựa chọn hoạt động cho từng bước của tiến trình bài giảng từ sách giáo khoa		
2.4. Thiết kế hoạt động còn thiếu/ Thay đổi hoạt động trong sách cho phù hợp hơn với mục đích sử dụng		
2.5. Dự trù thời gian cho mỗi hoạt động (timing)		
2.6. Thiết kế giáo cụ cho bài giảng		
<b>3. Thực hành thiết kế giáo án</b>		
<b>Chương 3. Giảng tập</b>	21	



<p>1. Phân chia nhóm và giao bài chuẩn bị tập giảng: số lượng nhóm và số lượng thành viên trong nhóm phụ thuộc vào tình hình cụ thể của từng lớp, nội dung bài chuẩn bị được cập nhật theo từng học phần để tránh lặp lại nội dung, tránh hiện tượng sao chép</p> <p>2. Soạn giáo án theo nhóm: tìm hiểu cấu trúc một bài (unit), cách giới thiệu ngữ liệu và phát triển kỹ năng ngôn ngữ trong bài, xác định mục tiêu và trọng tâm ngôn ngữ của mỗi đơn vị bài học, bố trí các hoạt động trong sách cho từng bước lên lớp, thiết kế và tiến hành một hoạt động giao tiếp cho một đơn vị bài học cụ thể</p> <p>3. Tập giảng cá nhân: dựa trên giáo án đã được soạn thảo trong nhóm, chuẩn bị và sử dụng các phương tiện và dụng cụ giảng dạy cơ bản</p>		
<b>Chương 4. Thiết kế giáo án điện tử</b>		
1. Cấu trúc của một giáo án điện tử	12	- Bài giảng của giáo viên
2. Hiệu quả của việc sử dụng giáo án điện tử		- Thực hành: (xem chương 2)
3. Những điều cần lưu ý khi thiết kế giáo án điện tử		
4. Thực hành thiết kế và giảng tập với giáo án điện tử		
<b>Dự trữ và ôn tập</b>	3	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính

- 1) Vũ Thị Lan. *Language Teaching Methodology for Secondary School*. Saigon University. 2006.
- 2) Doff, A. *Teach English: Trainer's handbook*. New York. CUP. 1988.
- 3) Harmer, J. *How to Teach English – An Introduction to the Practice of English Language Teaching*. Essex. Longman. 1998.
- 4) Harmer, J. *The Practice of English Language Teaching*. England. Longman. 2001.

### 6.2 Tài liệu khác

- 5) Hoàng Văn Vân (Chủ biên) và nhóm tác giả. *Tiếng Anh 10, 11*. Nhà xuất bản Giáo Dục. 2006.
- 6) Hoàng Văn Vân (Chủ biên) và nhóm tác giả. *Hướng dẫn thực hiện thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 12 môn Tiếng Anh*. Nhà xuất bản Giáo dục. 2008.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*TP.HCM, ngày 15 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Bùi Thị Phương Dung

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH THPT 2**

**1. Thông tin về học phần:**

- Tên học phần: Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh THPT 2
- Mã học phần: 813315
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- Số tiết: : (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học HP/MH:
- + Đòi hỏi học học phần trước: Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh THPT 1 (813314)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần:**

Ôn lại các kiến thức đã học về phương hướng biên soạn và đặc điểm cấu trúc của sách giáo khoa Tiếng Anh 10,11, 12

Tìm hiểu về phương hướng biên soạn, cấu trúc, và cách thực hiện sách giáo khoa Tiếng Anh 10 Nâng cao, Tiếng Anh 11 Nâng cao, Tiếng Anh 12 Nâng cao

Thực hành soạn giáo án và tiến hành lên lớp một tiết hoàn chỉnh của một bài trong sách giáo khoa Tiếng Anh 10 Nâng cao, Tiếng Anh 11 Nâng cao, Tiếng Anh 12 Nâng cao

Ôn lại các kiến thức về kiểm tra, đánh giá quá trình giảng dạy trong trường THPT và thực hành biên soạn bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ.

Nội dung học phần được xây dựng dựa trên hai mảng chính: ôn lại các kiến thức đã tích lũy về phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá (1), và thực hành áp dụng các kiến thức này vào việc thực hiện sách Tiếng Anh nâng cao 10, 11, 12 (2). Ở mảng thứ nhất, người học có cơ hội củng cố các kiến thức đã có về phương hướng biên soạn và cấu trúc của sách Tiếng Anh 10, 11, 12 cơ bản. Đồng thời, người học cũng có dịp tìm hiểu và đối chiếu, so sánh những tiêu chí này ở sách Tiếng Anh 10, 11, 12 nâng cao. Từ những lý luận căn bản này, người học thực hành áp dụng vào thiết kế và thực hiện giáo án cho một tiết dạy và biên soạn một bài kiểm tra.

#### 4. Mục tiêu học phần:

##### 4.1 Về kiến thức

- Củng cố kiến thức về phương hướng biên soạn và đặc điểm cấu trúc của sách giáo khoa Tiếng Anh (cơ bản và nâng cao) 10, 11, 12

- Củng cố kiến thức về kiểm tra, đánh giá trong trường THPT

##### 4.2 Về kỹ năng:

- Thực hành soạn giáo án

- Tiến hành lên lớp một tiết hoàn chỉnh của một bài trong sách giáo khoa nâng cao Tiếng Anh 10, 11, 12

- Thực hành biên soạn bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ

##### 4.3 Về thái độ

Người học nhận thức được các yêu cầu công việc của nghề nghiệp, qua đó giáo dục thái độ, nhận thức đúng đắn về vai trò và chức năng của người thầy trong xã hội. Điều này giúp người học xác định được mục tiêu phấn đấu cũng như tạo động lực thúc đẩy trong việc học.

#### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Lesson Planning - Review</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm các câu hỏi do giáo viên biên soạn giúp sinh viên ôn lại các kiến thức đã học</li> <li>- Giáo viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</li> </ul>
<b>1. Objectives</b>		
1.1. Language objectives		
1.2. Knowledge objectives		
1.3. Behavior formation		
<b>2. Language focus</b>		
2.1. Vocabulary & functional language		
2.2. Grammar		
<b>3. Procedures</b>		
3.1. Teaching steps		
3.2. Timing		
3.3. Activities for teaching steps		
3.3.1. Activities available in the textbooks		
3.3.2. Adapting activities in the textbooks		
3.3.3. Designing your own activities		
<b>Chương 2. The approach and structure of Tiếng Anh 10, 11, 12 (regular) - Review</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm các câu hỏi do giáo viên biên soạn/ Thuyết trình nhóm giúp sinh viên ôn lại các kiến thức đã học</li> </ul>
<b>1. The approach</b>		
1.1.1. The theme-based approach		
1.1.2. Its implication in Tiếng Anh 10,		

11, 12		- Giáo viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng
<b>2. The structure of Tiếng Anh 10, 11, 12</b>		
2.1. The structure of the books		
2.2. The structure of a unit in the books		
<b>Chương 3. A comparison between the two sets of Tiếng Anh textbooks for grades 10, 11, 12</b>	3	- Thảo luận nhóm các câu hỏi do giáo viên biên soạn giúp sinh viên tìm hiểu nội dung bài
<b>1. Approach and structure</b>		- Giáo viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng
1.1. Approach		
1.2. Structure of the textbook		
1.3. Structure of a unit		
<b>2. Contents</b>		
2.1. Topics		
2.2. Language materials		
2.3. Language skills		
<b>Chương 4. Practice of designing and carrying out a lesson in Tiếng Anh 10, 11, 12 (Intensive programme)</b>	24	- Phân chia nhóm và giao bài chuẩn bị tập giảng - Soạn giáo án theo nhóm: tìm hiểu cấu trúc một bài (unit), cách giới thiệu ngữ liệu và phát triển kỹ năng ngôn ngữ trong bài, xác định mục tiêu và trọng tâm ngôn ngữ của mỗi đơn vị bài học, bố trí các hoạt động trong sách cho từng bước lên lớp, thiết kế và tiến hành một hoạt động giao tiếp cho một đơn vị bài học cụ thể - Tập giảng cá nhân: dựa trên giáo án đã được soạn thảo trong nhóm, chuẩn bị và sử dụng các phương tiện và dụng cụ giảng dạy phù hợp (giáo án cơ bản hoặc giáo án điện tử) - Thảo luận nhóm để đánh giá tiết tập giảng - Phản hồi của các nhóm khác - Đánh giá và góp ý của giảng viên
1. Students work in groups, designing a lesson plan for a specific lesson in the textbooks. (project done at home)		
2. Each group introduces the objectives, language materials, language skills in their lesson.		
3. They then carry out the lesson.		
4. Other groups give feedback based on the criteria in the classroom performance assessment		
5. Teacher gives his/her comments and assessment.		
<b>Chương 5. Testing and assessment – Theory Review</b>	3	- Thảo luận nhóm các câu hỏi do giáo viên biên soạn / Thuyết trình nhóm giúp sinh viên ôn lại các kiến thức đã học
<b>1. The effect of testing and assessment on teaching and learning</b>		- Giáo viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng
1.1. The effect of testing and assessment on teaching		
1.2. The effect of testing and assessment on learning		
<b>2. Types of assessment</b>		

1.1. Periodical assessment		
1.2. Continuous assessment		
<b>3. Types of tests</b>		
3.1. Achievement tests		
3.2. Proficiency tests		
3.3. Aptitude tests		
3.4. Diagnostic tests		
3.5. Placement tests		
<b>4. Criteria of tests</b>		
4.1. Validity		
4.2. Reliability		
4.3. Discrimination		
<b>5. Interpreting test scores</b>		
<b>6. Suggested steps in designing tests</b>		
6.1. Writing test specification		
6.2. Balancing the parts for different skills and language materials to create the format of the test		
6.3. Choosing the question types for each part		
6.4. Writing the instructions and test items for each part		
<b>Chương 6. Practice of designing tests</b>		
1. Students work in groups, designing a test (15', 45', mid-term, or end-of-semester). (This is a project done at home, not in class)	6	- Phân chia nhóm và giao bài - Thiết kế bài thực hành kiểm tra: tìm hiểu nội dung chủ đề, ngữ liệu và kỹ năng ngôn ngữ cần kiểm tra, xác định mục tiêu và trọng tâm ngôn ngữ của bài kiểm tra, thiết kế, bố trí và cân đối các thành phần cấu tạo trong bài kiểm tra
2. Peer assessment on the tests, focusing on informative feedback		- Thảo luận nhóm để kiểm tra chéo và đánh giá các bài thực hành của các nhóm khác
3. Students work in their group again, editing the test (at home or in class)		- Biên tập lại bài thực hành của nhóm dựa trên các ý kiến phản hồi và trình bày chính thức trước lớp
4. Students work in group, presenting their final submission.		- Đánh giá và góp ý của giảng viên
5. Teacher gives his/her commends and assessment.		
<b>Back-up and review</b>	3	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính

- 1) Vũ Thị Lan. (2006). *Language Teaching Methodology for Secondary School*. Saigon University.
- 2) Doff, A. (1988). *Teach English: Trainer's handbook*. New York. CUP.
- 3) Harmer, J. (1998). *How to Teach English – An Introduction to the Practice of English Language Teaching*. Essex. Longman.
- 4) Harmer, J. (2001). *The Practice of English Language Teaching*. England. Longman.

### 6.2 Tài liệu chính

- 5) Heaton, J.B. (1990). *Writing English Language Tests*. New York. Longman.
- 6) Hughes, A. (1989). *Testing for Language Teachers*. New York. Longman.
- 7) Hoàng Văn Vân (Chủ biên) và nhóm tác giả. (2006). *Tiếng Anh 12*. Nhà xuất bản Giáo Dục.
- 8) Hoàng Văn Vân (Chủ biên) và nhóm tác giả. (2008). *Hướng dẫn thực hiện thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 12 môn Tiếng Anh*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- 9) Tứ Anh (Tổng chủ biên) và nhóm tác giả. (2006, 2007, 2008) *Tiếng Anh 10, 11, 12 Nâng cao – sách giáo khoa và sách giáo viên*. Nhà xuất bản Giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Bùi Thị Phương Dung

**HỌC PHẦN**  
**TIẾNG ANH TIỂU HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Anh tiểu học
- Mã học phần: 813316
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết: 30 (30,0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Lý luận dạy học tiếng Anh 2 (813313)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 30

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tổ tiếng Anh chuyên**

**3. Mô tả học phần**

- Nắm được những đặc tính riêng về khả năng tiếp thu ngôn ngữ của học sinh bậc tiểu học
- Nắm và biết vận dụng các phương pháp và kỹ năng giảng dạy tiếng Anh đối với bậc tiểu học
- Tìm hiểu đặc điểm cấu trúc của một số sách giáo khoa giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em.
- Thực hành soạn giáo án và lên một tiết dạy hoàn chỉnh của một bài trong sách giáo khoa tiểu học (Family and friends) hay giáo trình dạy tiếng Anh cho trẻ em (Everybody up)

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

- Tìm hiểu đặc tính riêng của học sinh tiểu học khi học ngoại ngữ.
- Nắm được phương pháp và kỹ năng giảng dạy tiếng Anh cho học sinh bậc tiểu học.
- Tìm hiểu phương hướng biên soạn sách và đặc điểm cấu trúc sách (Family & Friends hoặc Everybody up)

**4.2. Về kỹ năng**

- Soạn giáo án và tiến hành một tiết dạy hoàn chỉnh của một bài trong sách Family & friends hay Everybody up

**4.3. Về thái độ**



Người học nhận thức được các yêu cầu công việc của nghề nghiệp, qua đó giáo dục thái độ, nhận thức đúng đắn về vai trò và chức năng của người thầy trong xã hội. Điều này giúp người học xác định được mục tiêu phấn đấu cũng như tạo động lực thúc đẩy trong việc học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
5.1 Orientation and introduction	2	Giảng viên giới thiệu đặc điểm môn học, mục tiêu và những yêu cầu
5.2 How children learn concepts and cognitive development	2	Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi giảng viên nêu ra - Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng
5.3 Approaches to learning and teaching vocabulary and grammar	4	- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi giảng viên nêu ra - Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng
5.4 Literacy and developing reading and writing	2	- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi giảng viên nêu ra - Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng
5.5 Phonetics, story telling and role-playing	2	- Giảng viên hướng dẫn cách dạy và giới thiệu một số website - Sinh viên mỗi nhóm sẽ tập dạy thử
5.6 Games and songs	4	- Giảng viên giới thiệu một số trò chơi, website và hướng dẫn cách dạy bài hát - Sinh viên mỗi nhóm sẽ tập dạy thử
5.7 Adapting textbooks	2	- Thảo luận / Thuyết trình

		nhóm các câu hỏi giảng viên nêu ra - Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng
5.8 Finding and making resources	2	- Giảng viên hướng dẫn cách làm dụng cụ dạy học. - Sinh viên mỗi nhóm sẽ sáng tạo sản phẩm nhóm mình và thuyết trình trình trước lớp
5.9 Characteristics of Family and Friends or Everybody up textbooks	2	- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi giảng viên nêu ra - Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng
5.10 Micro-teaching	6	Thực hành: + Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một kỹ năng ngôn ngữ) + Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập thực hành được giao + Nhận xét của các nhóm khác + Đánh giá và góp ý của giảng viên
5.11 Review	2	Củng cố và ôn tập

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- 1) *Teaching English – CiPELT Trainer Orientation Programme*. British Council. 2012
- 2) Kathleen Kampa and Charles Vilina. *Everybody up*. Oxford University Press. 2012
- 3) Naomi Simmons. *Family and Friends*. Oxford University Press. 2011

### 6.2 Tài liệu khác

1. Vũ Thị Lan. *Language Teaching Methodology*. Saigon University. 2006.
2. Harmer, J. *How to Teach English – An Introduction to the Practice of English Language Teaching*. Essex. Longman. 1998.

3. Harmer, J. *The Practice of English Language Teaching*. England. Longman. 2001.
4. Scott, W.A. and Ytreberg, L.H. *Teaching English to Children*. Longman. 1990
5. Brewster, J. and Ellis, G. with Girard, D. *The Primary English Teacher's Guide*. 2002

## **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Phạm Thùy Ngọc Trang

**HỌC PHẦN**  
**KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NGOẠI NGỮ**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kiểm tra, đánh giá ngoại ngữ
- Mã học phần: 813317
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, thảo luận, thực hành): 30 (15; 5; 10)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Lý luận dạy học tiếng Anh 2 (813313)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 30

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tổ Anh chuyên

**3. Mô tả học phần:**

Học phần Kiểm tra, đánh giá ngoại ngữ giới thiệu các khái niệm cơ bản trong quá trình này cũng như tầm quan trọng của kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy và học ngoại ngữ bên cạnh phần trình bày các dạng câu hỏi/ bài tập thường được sử dụng cho việc kiểm tra, đánh giá ngoại ngữ. Người học cũng sẽ có cơ hội thực hành thiết kế câu hỏi/bài kiểm tra với những mục đích khác nhau. Một phần quan trọng khác trong học phần này giúp người học nắm được các đặc điểm chính và các cách tiến hành việc đánh giá thường xuyên trong khóa học/ học kỳ.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

- + Các khái niệm quan trọng trong lý thuyết về kiểm tra, đánh giá ngoại ngữ
- + Các dạng câu hỏi dành cho kiểm tra kiến thức ngôn ngữ
- + Các dạng bài tập dành cho đánh giá kỹ năng ngôn ngữ
- + Các tiêu chí đánh giá một đề kiểm tra/ thi
- + Các cách tiến hành và lưu ý khi tiến hành đánh giá thường xuyên

**4.2. Về kỹ năng**

- + Thiết kế các câu hỏi kiểm tra kiến thức ngôn ngữ
- + Thiết kế các bài tập đánh giá kỹ năng ngôn ngữ
- + Đánh giá một đề kiểm tra/ thi

## 4.3. Về thái độ

+ Ý thức được tầm quan trọng của việc kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ

+ Có thái độ đúng đắn trong việc soạn đề kiểm tra/ thi, tránh thiết kế các đề thi/ kiểm tra không đạt chất lượng

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chapter 1 – Introduction to language testing</b>	<b>2</b>	Sinh viên đọc bài trước ở nhà. Trên lớp giảng viên giúp sinh viên tìm hiểu rõ hơn các nội dung trong bài qua thảo luận nhóm và bài giảng kết hợp trình chiếu.
<b>1.1. Reasons for testing</b>		
1.1.1. Finding out about progress		
1.1.2. Encouraging students		
1.1.3. Finding out about learning difficulties		
1.1.4. Finding out about achievement		
1.1.5. Placing students		
1.1.6. Selecting students		
1.1.7. Finding out about proficiency		
<b>1.2. Criteria and types of tests</b>		
1.2.1. Validity		
1.2.2. Reliability		
1.2.3. Reliability versus validity		
1.2.4. Discrimination		
1.2.5. Administration		
1.2.6. Test instructions to the candidate		
1.2.7. Backwash effects		
1.2.8. Types of tests		
<b>1.3. Approaches to language testing</b>		
1.3.1. The essay-translation approach		
1.3.2. The structural approach		
1.3.3. The integrative approach		
1.3.4. The communicative approach		
<b>Chapter 2 – Testing language areas</b>	<b>8</b>	Sinh viên đọc bài trước ở nhà. Trên lớp giảng viên giúp sinh viên tìm hiểu rõ hơn các nội dung trong bài qua thảo luận nhóm và bài giảng kết hợp trình chiếu. Sau khi hoàn tất phần lý thuyết, sinh viên thực hành theo nhóm. Điểm của bài thực hành là
<b>2.1. Objective testing</b>		
2.1.1. Subjective and objective testing		
2.1.2. Objective tests		
2.1.3. Multiple- choice test items		
<b>2.2. Tests of grammar and usage</b>		
2.2.1 Introduction		
2.2.2. Types of grammar test items		
2.2.3. Constructing items of grammar tests		
<b>2.3. Tests of vocabulary</b>		
2.3.1. Selection of items		
2.3.2. Types of vocabulary test items		
2.3.3. Constructing items of vocabulary tests		

<b>2.4. Tests of phonology</b>		một cột điểm trong kiểm tra giữa kì.
<b>2.5. Practice of constructing items of tests of language areas</b>		
<b>Chapter 3 – Testing the language skills</b>	<b>16</b>	Sinh viên đọc bài trước ở nhà. Trên lớp giảng viên giúp sinh viên tìm hiểu rõ hơn các nội dung trong bài qua thảo luận nhóm và bài giảng kết hợp trình chiếu. Sau khi hoàn tất phần lý thuyết, sinh viên thực hành theo nhóm. Điểm của bài thực hành là một cột điểm trong kiểm tra giữa kì.
<b>3.1. Testing listening skills</b>		
3.1.1. Characteristics of the spoken language		
3.1.2. Implications for listening tests		
3.1.3. Test item types		
3.1.4. Testing listening with other skills		
<b>3.2. Testing speaking skills</b>		
3.2.1. Some difficulties in testing the speaking skills		
3.2.2. Techniques for oral examining		
3.2.3. Testing speaking with other skills		
<b>3.3. Testing reading skills</b>		
3.3.1. The nature of reading skills		
3.3.2. Test item types		
3.3.3. Testing reading with other skills		
<b>3.4. Testing writing skills</b>		
3.4.1. Controlled writing		
3.4.2. Free writing		
3.4.3. Marking compositions		
3.4.4. Treatment of written errors		
3.4.5. Testing writing with other skills		
<b>3.5. Practice of constructing tests of language skills</b>		
<b>Chapter 4 – Continuous assessment</b>	<b>2</b>	Sinh viên đọc bài trước ở nhà. Trên lớp giảng viên giúp sinh viên tìm hiểu rõ hơn các nội dung trong bài qua thảo luận nhóm và bài giảng kết hợp trình chiếu.
<b>4.1. General</b>		
<b>4.2. Oral activities: projects and roleplays</b>		
<b>4.3. Writing: editing and group activities</b>		
<b>4.4. Using questions for continuous assessment</b>		
<b>4.5. Combining methods</b>		
<b>4.6. Portfolio</b>		
<b>4.7. Student self-evaluation</b>		
<b>Chapter 5 - Assessment</b>	<b>2</b>	Sinh viên đọc bài trước ở nhà. Trên lớp giảng viên giúp sinh viên tìm hiểu rõ hơn các nội dung trong bài qua thảo luận nhóm và bài giảng kết hợp trình chiếu.
<b>5.1. Assessment and testing</b>		
<b>5.2. Assessment types</b>		
5.2.1. Formal and informal assessment		
5.2.2. Evaluative and formative assessment		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. J.B. Heaton (1990), *Classroom Testing*, Longman Inc., New York.
2. J.B. Heaton (1990), *Writing English Language Tests*, Longman Inc., New York.
3. M. Spratt, A. Pulverness, M. Williams (2011), *The TKT Course*, CUP, UK

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 2
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0,6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Bùi Thị Phương Dung

## HỌC PHẦN CÔNG NGHỆ TRONG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ
- Mã học phần: 813318
- Số tín chỉ : 2
- Số tiết (lí thuyết, thảo luận, thực hành) : 30
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Điều kiện để học học phần : Máy chiếu, phòng máy tính có kết nối mạng và có cài đặt phần mềm Hotpotatoes, ED Quiz Server, ED Toefl iBT, hệ thống e-learning trên nền MOODLE.
- + Đòi hỏi học phần học trước : Lý luận dạy học tiếng Anh 2
- + Đòi hỏi học phần học song hành : Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa : 40

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy : Tổ Anh chuyên

### 3. Mô tả học phần:

Cung cấp kiến thức cơ bản về phương pháp luận dạy học tiếng Anh trực tuyến và sử dụng các phần mềm công cụ phục vụ cho việc dạy học trực tuyến. Các nội dung cơ bản bao gồm: lịch sử e-learning, phương pháp dạy học e-learning, đánh giá trong e-learning, các phần mềm miễn phí dạy tiếng Anh online, hệ thống quản lý học tập MOODLE.

### 4. Mục tiêu học phần

#### 4.1 Về kiến thức:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ:

- Nắm vững những vấn đề lý luận về e-learning như khái niệm, đặc điểm, cấu trúc, hình thức, cơ sở khoa học và ưu nhược điểm của e-learning,
- Biết mô tả một số công cụ thông dụng của e-learning trong dạy học tiếng Anh,
- Biết cách thức quản lý và đánh giá người học trong các hệ thống giảng dạy ngoại ngữ online.

#### 4.2. Về kĩ năng:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Sử dụng tốt các phần mềm công cụ để tích hợp vào hệ thống e-learning: Hot Potatoes, ED Quiz, ED Toefl iBT ...



- Thiết kế được một khóa học e-learning trên nền MOODLE
- Phát triển các kỹ năng cộng tác và làm việc trực tuyến

#### 4.3 Về thái độ :

- Ý thức được tầm quan trọng của việc sử dụng CNTT trong hoạt động dạy và học.
- Ý thức trong việc nâng cao khả năng tự học nhằm sử dụng nguồn tài nguyên mạng một cách hiệu quả nhất.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Lịch sử E-learning</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm về e-Learning</li> <li>- Xu hướng e-Learning trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ</li> <li>- 4 giai đoạn phát triển của e-Learning</li> <li>- M-Learning: giai đoạn mới của e-Learning</li> </ul>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Giáo viên giảng bài</li> <li>-Sinh viên thảo luận theo nhóm</li> </ul>
<b>Chương 2: Lý thuyết dạy học kiến tạo (constructivism) và e-Learning</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bối cảnh ra đời</li> <li>- Vai trò của giáo viên và học viên</li> <li>- Tương tác trong dạy học kiến tạo</li> <li>- Các phương pháp dựa trên lý thuyết dạy học kiến tạo</li> </ul>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên giảng bài</li> <li>-Sinh viên thảo luận theo nhóm</li> </ul>
<b>Chương 3: Tìm hiểu hệ thống E-learning trên nền MOODLE</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hoạt động học tập có sự hỗ trợ của hệ thống online</li> <li>- Đặc điểm của mô hình khóa học kết hợp dạy học online và dạy học truyền thống (Blended learning)</li> <li>- Đặc điểm của mô hình khóa học online hoàn toàn</li> </ul>	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên giảng bài</li> <li>-Sinh viên thảo luận theo nhóm</li> </ul>
<b>Chương 4: Các công cụ hỗ trợ dạy học theo mô hình e-learning</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tương tác giữa người học và máy tính</li> <li>- Tương tác giữa người dạy và người học</li> <li>- Các hoạt động tương tác tích hợp trong MOODLE: Glossary, Chat, Webinar, Database ...</li> <li>- Phần mềm ED Toefl iBT</li> </ul>	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên giảng bài</li> <li>-Sinh viên thảo luận theo nhóm</li> </ul>
<b>Chương 5: Xây dựng một bài học/khóa học tiếng Anh trên nền MOODLE</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng quan về các công cụ trong</li> </ul>	6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên giảng bài</li> <li>-Sinh viên thảo luận theo nhóm</li> </ul>

MOODLE – Tích hợp các phương tiện multimedia (sound & video) vào trong bài học – Các thành phần thường có trong một bài học online.		
<b>Chương 6: Các công cụ kiểm tra đánh giá hỗ trợ việc dạy</b> – Các công cụ hỗ trợ đánh giá tự luận – Các công cụ đánh giá khách quan – Phần mềm Hot Potatoes & ED Quiz	5	- Giáo viên giảng bài - Sinh viên thảo luận theo nhóm
<b>Chương 7: Thực hành theo nhóm hoàn thiện xây dựng khóa học trên nền MOODLE</b> – Thực hành bài tập nhóm – Chia sẻ kinh nghiệm	5	- Giáo viên giảng bài - Sinh viên thảo luận theo nhóm

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- [1]. Weller, M. (2005). *Delivering Learning on the Net: The why, what and how of Online Education*. New York: RoutledgeFalmer.
- [2]. Carliner, S. (2004). *An Overview of Online Learning, 2nd edition*. MA: HRD Press, Inc.
- [3]. Donnelly, R., & McSweeney, F. (2009). *Applied E-learning and E-Teaching in Higher Education*. New York: Information Science Reference.

### 6.2. Tài liệu khác

- [1]. Allen, M. W. (2007). *Designing Successful e-Learning: Forget What You Know About Instructional Design and Do Something Interesting*. California: John Wiley & Sons, Inc.
- [2]. Bender, T. (2003). *Discussion-based Online Teaching to Enhance Student Learning*. Virginia: Stylus Publishing.
- [3]. Brabazon, T. (2007). *The University of Google: Education in the (Post) Information Age*. Hampshire, England: Ashgate Publishing Limited.
- [4]. Caladine, R. (2008). *Enhancing E-Learning with Media-Rich Content and Interaction*. New York: Information Science Publishing.
- [5]. Carliner, S., & Shank, P. (2008). *The e-Learning Handbook: Past Promises, Present Challenges*. California: John Wiley & Sons, Inc. .
- [6]. Downing, K. F., & Holtz, J. K. (2008). *Online Science Learning: Best Practices and Technologies*. New York: Information Science Publishing.
- [7]. Gudea, S. (2008). *Expectations and Demands in Online Teaching: Practical Experiences*. New York: Information Science Publishing.

[8]. Morrison, D. (2003). *E-learning Strategies: How to get implementation and delivery right first time*. West Sussex, England: John Wiley & Sons Ltd.

[9]. Roberts, T. S. (2004). *Online Collaborative Learning: Theory and Practice*. London: Information Science Publishing.

[10]. Thorne, K. (2003). *Blended Learning: How to Integrate Online and Traditional Learning*. London: Kogan Page.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Thực hiện dự án xây dựng khóa học tiếng Anh online dạy chi tiết một bài học trong sách giáo khoa tiếng Anh.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

**HỌC PHẦN  
THỰC HÀNH SƯ PHẠM THCS 1****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực hành sư phạm THCS 1
- Mã học phần: 813319
- Số tín chỉ: 1
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 25
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phục trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên**3. Mô tả học phần**

Hoàn tất học phần Thực hành sư phạm 1, người học được tìm hiểu cấu trúc sách giáo khoa lớp 6, 7 và cách xác định mục tiêu của các dạng hoạt động trong sách. Người học cũng được trang bị kiến thức về những nguyên tắc và tiêu chí cần lưu ý khi thiết kế trò chơi và sử dụng bài hát hỗ trợ cho việc dạy và học ngoại ngữ trước khi được giới thiệu những kỹ năng cần thiết khi tiến hành tổ chức trò chơi và sử dụng bài hát trong một giờ học ngoại ngữ. Ở phần thực hành, người học sẽ áp dụng các lý thuyết này vào việc thiết kế trò chơi, hoạt động cùng với bài hát phục vụ bài giảng trong sách giáo khoa lớp 6, 7.

**4. Mục tiêu học phần****4.1 Về kiến thức:**

- Cấu trúc sách giáo khoa lớp 6, 7
- Các kiến thức mang tính chất lý luận cho việc thiết kế trò chơi, sử dụng bài hát hỗ trợ cho việc dạy và học ngoại ngữ

**4.2 Về kỹ năng**

Áp dụng những kiến thức mang tính lý luận vào thực tế thiết kế trò chơi, sử dụng bài hát cho một bài học cụ thể trong sách Tiếng Anh 6

**4.3 Về thái độ**

Người học nhận thức được tính chất và yêu cầu nghề nghiệp, qua đó xác định được mục tiêu trau dồi và phấn đấu. Bên cạnh đó, người học cũng hiểu được những

công cụ hỗ trợ công việc giảng dạy và định hướng tốt cho việc trau dồi các kỹ năng nghề nghiệp.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1. Tìm hiểu cấu trúc sách giáo khoa Tiếng Anh 6, 7</b></p> <p><b>1. Cấu trúc sách tiếng Anh 6, 7</b></p> <p>1.1 Lời nói đầu</p> <p>1.2 Trang nội dung (book map)</p> <p>1.3 16 đơn vị bài học (unit)</p> <p>1.4 Các bài ôn tập</p> <p>1.5 Phần từ vựng cho các đơn vị bài học (glossary)</p> <p>1.6 Grammar (Tiếng Anh 6)- hệ thống hóa các điểm ngữ pháp trong sách</p> <p><b>2. Các đặc điểm về cấu trúc của một đơn vị bài học (unit) ở sách Tiếng Anh 6, 7</b></p> <p>2.1 Mỗi bài gồm 2 đến 3 phần (sections)</p> <p>2.2 Mỗi phần gồm nhiều hoạt động (activities) và có thể được phân thành 2 đến 3 tiết lên lớp</p> <p>2.3 Các hoạt động hỗ trợ rèn luyện phát âm</p> <p>2.4 Các bài tập mở rộng hoặc củng cố</p> <p>2.5 Phần ghi nhớ</p> <p>2.6 Trình tự bố trí của các hoạt động</p> <p>2.7 Sự đan xen giữa các kỹ năng (integrating skills) trong mỗi phần (section)</p> <p>2.8 Luyện tập ngữ pháp sau mỗi 3 đến 4 bài</p> <p>2.9 Chưa giới thiệu các từ chuyên biệt (terms) trong ngữ pháp</p>	10 tiết	<p>- Thảo luận nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</p> <p>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</p>
<p><b>Chương 2. Using Songs in Language Teaching</b></p> <p>1. The benefits of using songs in a language class</p> <p>2. Some principles of choosing songs for a language class</p> <p>3. Some common ways to adapt a song</p> <p>4. Practice of using songs in language teaching</p>	6 tiết	<p>- Thảo luận nhóm về đề tài của bài học</p> <p>- Giáo viên nhận xét, hệ thống các ý kiến và bổ sung để hình thành bài giảng</p> <p>- Thực hành theo nhóm:</p> <p>+Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một đơn vị bài học). Nhóm chuẩn bị bài ở nhà</p> <p>+ Mỗi nhóm thuyết trình phần</p>

		bài tập đã chuẩn bị trước + Nhận xét của các nhóm khác + Đánh giá và góp ý của giảng viên
<b>Chương 3. Using Games in Language Teaching</b> 1. The advantages of using games in a language class 2. Some problems when using games in a language class 3. Types of games 4. Characteristics of good games 5. How to play games 6. Some common games in language class 7.1 Categories 7.2 Missing objects 7.3 Matching 7.4 Definition 7.5 Word order games 7.6 Picture story 7.7 Present perfect board 8 Practice of using games in language teaching	8 tiết	- Thảo luận nhóm về đề tài của bài học - Giáo viên nhận xét, hệ thống các ý kiến và bổ sung để hình thành bài giảng - Thực hành theo nhóm: + Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một đơn vị bài học). Nhóm chuẩn bị bài ở nhà + Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập đã chuẩn bị trước + Nhận xét của các nhóm khác + Đánh giá và góp ý của giảng viên
<b>Ôn tập và dự trữ</b>	1 tiết	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính

- 1) Vũ Thị Lan (2006). *Language Teaching Methodology for Secondary School*. Saigon University.
- 2) Howard-Williams, D. & Cynthia Herd. (1994). *Word Games with English – Teacher’s Resource book*. Heinemann Games Series.
- 3) Hancock, M. (1995). *Pronunciation Games*. Cambridge University Press.
- 4) Watcyn-Jones, P. (1997). *Top Class Activities*. Penguin Books.

### 6.2 Tài liệu khác

- 5) Watcyn-Jones, P. (1993). *Vocabulary Games and Activities for Teachers*. Penguin Books
- 6) *Learn English with Songs*. (2006). Nhà xuất bản Trẻ.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi cuối học phần
- 7.3. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm quá trình: hệ số 0.9
  - Thực hành 1: hệ số 0.3
  - Thực hành 2: hệ số 0.6

7.4. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.3

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Bùi Thị Phương Dung

**HỌC PHẦN  
 THỰC HÀNH SƯ PHẠM THCS 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực hành sư phạm THCS 2
- Mã học phần: 813320
- Số tín chỉ: 1
- Số tiết: (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 25
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Thực hành sư phạm THCS 1 (813319)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần**

Học phần này nhằm trang bị cho người học kiến thức về phương hướng biên soạn, cấu trúc sách, kết cấu bài học, cách bố trí và giới thiệu ngữ liệu, các dạng bài tập trong sách Tiếng Anh 6, 7, 8, 9. Sau khi hoàn tất học phần, người học có khả năng phân tích và xác định mục tiêu của một bài học cụ thể, trọng tâm về kiến thức ngôn ngữ (language materials) và kỹ năng ngôn ngữ (language skills) của bài học, phân tích tiến trình bài giảng và lựa chọn các hoạt động cho tiến trình giảng dạy một bài học cụ thể bên cạnh kỹ năng thiết kế lại/ thiết kế thêm các hoạt động cho một bài giảng (lesson) hoàn chỉnh.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1 Về kiến thức: Tìm hiểu sách giáo khoa Tiếng Anh 6, 7, 8, 9

- Cấu trúc sách
- Cấu trúc một đơn vị bài học (unit)
- Cấu trúc một tiết học trong đơn vị bài học

4.2 Về kỹ năng: Xác định các yếu tố cần thiết cho việc thiết kế một bài giảng (lesson plan)

- Xác định mục tiêu cụ thể của bài giảng
- Xác định trọng tâm ngôn ngữ, kỹ năng
- Xác định các bước và hoạt động cho mỗi bước của tiến trình bài giảng



### 4.3 Về thái độ

Người học nhận thức được các yêu cầu công việc của nghề nghiệp, qua đó giáo dục thái độ, nhận thức đúng đắn về vai trò và chức năng của người thầy trong xã hội. Điều này giúp người học xác định được mục tiêu phấn đấu cũng như tạo động lực thúc đẩy trong việc học.

## 5 Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1. Tìm hiểu cấu trúc sách giáo khoa Tiếng Anh 6, 7, 8, 9</b></p> <p>4. Cấu trúc sách tiếng Anh 6, 7 (ôn lại THSP 1)</p> <p>5. Cấu trúc sách Tiếng Anh 8, 9</p> <p>5.1. Lời nói đầu</p> <p>5.2. Trang nội dung (book map)</p> <p>5.3. 16 đơn vị bài học (unit) trừ sách Tiếng Anh 9 – 10 bài</p> <p>5.4. Các bài ôn tập</p> <p>5.5. Phần từ vựng cho các đơn vị bài học (glossary)</p> <p>5.6. Grammar (Tiếng Anh 6)- hệ thống hóa các điểm ngữ pháp trong sách</p>	2 tiết	<p>- Thảo luận nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</p> <p>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</p>
<p><b>Chương 2. So sánh cấu trúc một đơn vị bài học (unit) trong sách Tiếng Anh 6, 7 và Tiếng Anh 8, 9</b></p> <p>1. Các đặc điểm về cấu trúc của một đơn vị bài học (unit) ở sách Tiếng Anh 6, 7</p> <p>5.4. Mỗi bài gồm 2 đến 3 phần (sections)</p> <p>5.5. Mỗi phần gồm nhiều hoạt động (activities) và có thể được phân thành 2 đến 3 tiết lên lớp</p> <p>5.6. Các hoạt động hỗ trợ rèn luyện phát âm</p> <p>5.7. Các bài tập mở rộng hoặc củng cố</p> <p>5.8. Phần ghi nhớ</p> <p>5.9. Trình tự bố trí của các hoạt động</p> <p>5.10. Sự đan xen giữa các kỹ năng (integrating skills) trong mỗi phần (section)</p> <p>5.11. Luyện tập ngữ pháp sau mỗi 3 đến 4 bài</p> <p>5.12. Chưa giới thiệu các từ chuyên biệt (terms) trong ngữ pháp</p> <p>6. Các đặc điểm về cấu trúc của một đơn vị bài học (unit) ở sách Tiếng Anh 8, 9</p> <p>6.1. Mỗi đơn vị bài học đều được bắt đầu bằng hoạt động gọi sự chú ý của học sinh đối với chủ đề của bài và các yếu tố ngữ liệu (từ vựng, ngữ pháp) phục vụ phát triển chủ đề</p> <p>6.2. Mỗi kỹ năng được thiết kế thành một phần</p>	2 tiết	<p>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</p> <p>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</p>

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
riêng biệt 6.3. Các kỹ năng vẫn được yêu cầu phát triển đan xen và hỗ trợ lẫn nhau 6.4. Không có các hoạt động hỗ trợ rèn luyện phát âm 6.5. Cuối mỗi bài đều có phần củng cố các điểm ngữ pháp chính trong bài (Language Focus) 6.6. Các từ chuyên biệt (terms) cho các khái niệm ngữ pháp đã được giới thiệu		
<b>Chương 3. Tìm hiểu các dạng hoạt động (activities) trong một tiết lên lớp (lesson)</b> 1. Phân biệt hoạt động cho bước giới thiệu (presentation) và hoạt động cho bước rèn luyện (practice) 2. Phân biệt hoạt động rèn luyện ngôn ngữ và hoạt động phát triển kỹ năng ngôn ngữ (practice for accuracy vs. practice for fluency) 3. Các dạng bài tập hỗ trợ phát triển kỹ năng nghe 4. Các dạng bài tập hỗ trợ phát triển kỹ năng nói 5. Các dạng bài tập hỗ trợ phát triển kỹ năng đọc 6. Các dạng bài tập hỗ trợ phát triển kỹ năng viết 7. Thực hành xác định các dạng bài tập có sẵn trong sách Tiếng Anh 6, 7, 8, 9 cho một bài giảng (lesson)	2 tiết	- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học - Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng - Thực hành (xem ở chương phía trước)
<b>Chương 4. Tìm hiểu và xác định mục tiêu, trọng tâm ngôn ngữ, kỹ năng trong mỗi tiết lên lớp</b> 1. Các nhóm mục tiêu trong mỗi tiết lên lớp 4.1. Mục tiêu về trọng tâm ngôn ngữ 4.2. Mục tiêu về kỹ năng ngôn ngữ 4.3. Mục tiêu về giáo dục và giáo dưỡng 5. Cách xác định trọng tâm ngôn ngữ cho một tiết dạy 5.1. Trọng tâm về từ vựng (vocabulary) 5.2. Trọng tâm về ngữ pháp (grammar) 5.3. Trọng tâm về cấu trúc và ngôn ngữ chức năng (expressions and functional language)	10 tiết	- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học - Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng
6. Cách xác định trọng tâm kỹ năng ngôn ngữ cho mỗi tiết lên lớp (skills and subskills) 7. Thực hành		- Thực hành (xem ở chương phía trước)
<b>Chương 5. Thực hành bố trí các hoạt động cho từng bước lên lớp</b>	8 tiết	- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<p>1. Tìm hiểu cách bố trí các hoạt động trong từng tiết lên lớp (lesson) trong sách Tiếng Anh 6, 7, 8, 9</p> <p>1.1. Các hoạt động cho giai đoạn pre-/ presentation</p> <p>1.2. Các hoạt động cho giai đoạn while -/ practice</p> <p>1.3. Các hoạt động cho giai đoạn post-/ further practice/ production</p> <p>Cần lưu ý sinh viên là các hoạt động trong một phần (section) không nhất thiết phải đi theo đường thẳng(straight line) mà có thể là đường vòng (boomerang, patchwork) để giúp học sinh có nhiều cơ hội vận dụng ngôn ngữ.</p> <p>2. Thực hành bố trí các hoạt động trong sách cho một tiết lên lớp</p> <p>3. Thực hành thiết kế các hoạt động bổ sung cho một tiết lên lớp</p>		<p>tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</p> <p>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</p> <p>- Thực hành (xem ở chương phía trước)</p>
<b>Dự trữ và ôn tập</b>	1 tiết	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- 1) Vũ Thị Lan. (2006). *Language Teaching Methodology for Secondary School*. Saigon University.
- 2) Nguyễn Văn Lợi (Chủ biên) và nhóm tác giả. *Tiếng Anh 6, 7, 8, 9 – sách giáo khoa và sách giáo viên*. Nhà xuất bản Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

- 3) Harmer, J. (2007). *How to Teach English – An Introduction to the Practice of English Language Teaching*. England: Pearson Longman.
- 4) Harmer, J. (2007). *The Practice of English Language Teaching*. England: Pearson Longman.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi cuối học phần
- 7.3. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm quá trình: hệ số 0.9
    - Thực hành 1: hệ số 0.3
    - Thực hành 2: hệ số 0.6

7.4. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.3

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG NGÀNH**                      *TP.HCM, ngày 10 tháng 05 năm 2016*  
**TRƯỞNG BỘ MÔN**                      **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Bùi Thị Phương Dung

## HỌC PHẦN THỰC HÀNH SƯ PHẠM THCS 3

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Thực hành sư phạm THCS 3
- Mã học phần: 813321
- Số tín chỉ: 1
- Số tiết: (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 25
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Thực hành sư phạm THCS 2 (813320)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tiếng Anh chuyên

### 3. Mô tả học phần:

Hoàn thành học phần Thực hành sư phạm 3, người học được củng cố các kiến thức mang tính lý luận về hoạt động giao tiếp (communicative activities) và được cung cấp thêm kiến thức về các hoạt động đầu giờ (warm-up) và các hoạt động kết bài. Từ các kiến thức mang tính lý thuyết, người học sẽ thực hành kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động này, hỗ trợ tốt cho việc thực hiện một tiết dạy tiếng Anh tại trường THPT. Học phần này cũng nhằm nâng cao kỹ năng giảng dạy cho người học qua việc tạo điều kiện cho người học tìm hiểu một số giáo trình khác ngoài sách giáo khoa đang chính thức sử dụng ở trường phổ thông cơ sở. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp một số lý thuyết cơ bản cho việc sử dụng truyện trong một giờ dạy ngoại ngữ.

### 4. Mục tiêu học phần

#### 4.1 Về kiến thức:

- Hoạt động đầu giờ : mục đích, đặc điểm, những lưu ý khi sử dụng cho một tiết lên lớp, những lưu ý khi thiết kế
- Hoạt động giao tiếp: mục đích, những lưu ý khi thiết kế
- Hoạt động kết bài: mục đích, những lưu ý khi thiết kế
- Sử dụng truyện trong một lớp học ngoại ngữ
- Tìm hiểu bộ sách Solutions

#### 4.2 Về kỹ năng:

- Thiết kế và tiến hành hoạt động đầu giờ cho một bài giảng (lesson) cụ thể

- Thiết kế và tiến hành hoạt động giao tiếp cho một bài giảng (lesson) cụ thể
- Thiết kế và tiến hành hoạt động kết bài cho một bài giảng (lesson) cụ thể
- Thiết kế một bài giảng (lesson) từ một đơn vị bài học (unit) trong giáo trình

### Solutions

#### 4.3 Về thái độ

Người học nhận thức được các yêu cầu công việc của nghề nghiệp, qua đó giáo dục thái độ, nhận thức đúng đắn về vai trò và chức năng của người thầy trong xã hội. Điều này giúp người học xác định được mục tiêu phấn đấu cũng như tạo động lực thúc đẩy trong việc học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1. Hoạt động đầu giờ (warm-up)</b></p> <p>1. Mục tiêu của việc sử dụng hoạt động đầu giờ</p> <p>5.1. Đối với người học</p> <p>5.2. Đối với nội dung tiết học</p> <p>6. Những điều cần lưu ý khi thiết kế hoạt động đầu giờ</p> <p>6.1. Trọng tâm ngữ liệu, kỹ năng ngôn ngữ của tiết học</p> <p>6.2. Trình độ của người học</p> <p>6.3. Trang thiết bị cho tiết học</p> <p>6.4. Không gian trong lớp học</p> <p>6.5. Quỹ thời gian cho hoạt động</p>	4 tiết	<p>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</p> <p>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</p> <p>Thực hành:</p>
<p>7. Những tiêu chí đánh giá hiệu quả của hoạt động đầu giờ</p> <p>7.1. Mục đích</p> <p>7.2. Nội dung</p> <p>7.3. Cách tiến hành</p> <p>7.4. Giới hạn thời gian</p> <p>4. Một số hoạt động đầu giờ phổ biến</p> <p>5. Thực hành</p>		<p>+ Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một đơn vị bài học)</p> <p>+ Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập thực hành được giao</p> <p>+ Nhận xét của các nhóm khác</p> <p>+ Đánh giá và góp ý của giảng viên</p>

<p><b>Chương 2. Hoạt động giao tiếp (communicative activities)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các đặc điểm của hoạt động giao tiếp       <ol style="list-style-type: none"> <li>5.1. Lỗi hỏng thông tin</li> <li>5.2. Lựa chọn</li> <li>5.3. Phản hồi</li> </ol> </li> <li>6. Mục tiêu của việc sử dụng hoạt động giao tiếp trong dạy và học tiếng Anh       <ol style="list-style-type: none"> <li>6.1. Đối với người học</li> <li>6.2. Đối với kỹ năng ngôn ngữ</li> <li>6.3. Đối với vai trò của người dạy và người học</li> </ol> </li> <li>7. Những vấn đề cần lưu ý khi thiết kế hoạt động giao tiếp cho một tiết dạy       <ol style="list-style-type: none"> <li>7.1. Trọng tâm ngữ liệu, kỹ năng ngôn ngữ của hoạt động</li> <li>7.2. Trình độ của người học</li> <li>7.3. Quỹ thời gian cho hoạt động</li> </ol> </li> <li>8. Những tiêu chí đánh giá một hoạt động giao tiếp       <ol style="list-style-type: none"> <li>8.1. Mục đích</li> <li>8.2. Nội dung</li> <li>8.3. Cách tiến hành</li> <li>8.4. Giới hạn thời gian</li> </ol> </li> <li>9. Thực hành</li> </ol>	6 tiết	<p>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</p> <p>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</p> <p>Thực hành: + Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một đơn vị bài học)</p> <p>+ Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập thực hành được giao</p> <p>+ Nhận xét của các nhóm khác</p> <p>+ Đánh giá và góp ý của giảng viên</p>
<p><b>Chương 3. Hoạt động kết bài (post-activities)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Mục tiêu của việc sử dụng hoạt động kết bài       <ol style="list-style-type: none"> <li>1.1. Đối với người học</li> <li>1.2. Đối với nội dung tiết học</li> </ol> </li> <li>2. Mục tiêu của việc sử dụng hoạt động kết bài       <ol style="list-style-type: none"> <li>2.1. Đối với người học</li> <li>2.2. Đối với nội dung tiết học</li> </ol> </li> <li>3. Những điều cần lưu ý khi thiết kế hoạt động kết bài       <ol style="list-style-type: none"> <li>3.1. Trọng tâm ngữ liệu, kỹ năng ngôn ngữ của tiết học</li> <li>3.2. Trình độ của người học</li> <li>3.3. Trang thiết bị cho tiết học</li> <li>3.4. Không gian trong lớp học</li> </ol> </li> </ol>	6 tiết	<p>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học.</p> <p>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</p> <p>Thực hành: + Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một</p>

<p>3.5. Quỹ thời gian cho hoạt động</p> <p>8. Những tiêu chí đánh giá hiệu quả của hoạt động kết bài</p> <p>8.1. Mục đích</p> <p>8.2. Nội dung</p> <p>8.3. Cách tiến hành</p> <p>8.4. Giới hạn thời gian</p> <p>9. Một số hoạt động kết bài phổ biến</p> <p>10. Thực hành</p>		<p>đơn vị bài học)</p> <p>+ Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập thực hành được giao</p> <p>+ Nhận xét của các nhóm khác</p> <p>+ Đánh giá và góp ý của giảng viên</p>
<p><b>Chương 4. Sử dụng truyện trong lớp học tiếng Anh</b></p> <p>1. Những thuận lợi của việc sử dụng truyện trong giảng dạy tiếng Anh</p> <p>2. Các tiêu chí khi chọn truyện</p> <p>3. Sự khác biệt giữa hoạt động kể và đọc truyện</p> <p>4. Gợi ý thiết kế bài kể truyện</p>	2 tiết	- Bài giảng của giảng viên
<p><b>Chương 5. Tìm hiểu giáo trình Solutions</b></p> <p>1. Cấu trúc một đơn vị bài học (unit)</p> <p>2. Gợi ý thực hiện các phần trong một đơn vị bài học cụ thể</p> <p>3. Thực hành</p>	6 tiết	<p>-Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</p> <p>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</p> <p>-Thực hành: xem chương 2</p>
<b>Dự trữ &amp; Ôn tập</b>	1 tiết	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính

- 1) Nguyễn Văn Lợi (Chủ biên) và nhóm tác giả. *Tiếng Anh 6, 7, 8, 9 – sách giáo khoa và sách giáo viên*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- 2) Vũ Thị Lan. (2006). *Language Teaching Methodology for Secondary School*. Saigon University.
- 3) Hadfield, J. (1996). *Intermediate Communication Games- A Collection of games and activities for low to mid-intermediate students of English*. Longman



4) Falla, T. & A Davies, P. (2009). *Solutions – Intermediate*. OUP

### 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi cuối học phần

7.3. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
- Điểm quá trình: hệ số 0.9
  - Thực hành 1: hệ số 0.3
  - Thực hành 2: hệ số 0.6

7.3. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.3

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Bùi Thị Phương Dung

**HỌC PHẦN  
 THỰC HÀNH SƯ PHẠM THCS 4**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực hành sư phạm THCS 4
- Mã học phần: 813322
- Số tín chỉ: 1
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 25
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Thực hành sư phạm THCS 3 (813321)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần:**

Học phần Thực hành Sư Phạm 4 xác định mục tiêu trong việc ôn lại các kiến thức về phương hướng biên soạn, các bước trong các tiến trình bài giảng khác nhau và các dạng hoạt động phù hợp với từng bước. Phần ôn tập này phục vụ cho phần thực hành tiếp theo giúp người học rèn luyện kỹ năng sử dụng các hoạt động từ các websites hỗ trợ giảng dạy tiếng Anh, tìm hiểu bộ sách Solutions và New English File để thực hành giảng dạy một bài cụ thể trong các bộ sách này.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức:

- Phương hướng biên soạn các giáo trình Tiếng Anh phổ biến hiện nay
- Các tiến trình bài giảng khác nhau
- Các dạng hoạt động cho các bước của tiến trình bài giảng

4.2. Về kỹ năng:

- Sử dụng và chia sẻ các website hỗ trợ cho việc dạy tiếng Anh
- Tìm hiểu phương hướng biên soạn và cấu trúc các giáo trình tiếng Anh (Solutions, New English File)
- Thực hiện giảng dạy một đơn vị bài học cụ thể từ giáo trình Solutions/ New English File

4.3. Về thái độ

Người học nhận thức được các yêu cầu công việc của nghề nghiệp, qua đó giáo dục thái độ, nhận thức đúng đắn về vai trò và chức năng của người thầy trong xã hội.

Điều này giúp người học xác định được mục tiêu phần đầu cũng như tạo động lực thúc đẩy trong việc học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1. Tham khảo và thực hành sử dụng trang web hỗ trợ cho việc giảng dạy tiếng Anh ở bậc PTTH</b></p> <p>1. Tìm hiểu một số trang web hỗ trợ cho việc giảng dạy tiếng Anh bậc phổ thông trung học</p> <p>2. Giới thiệu một số hoạt động (từ các trang web nói trên) có thể sử dụng hỗ trợ cho các đơn vị bài học trong sách giáo khoa</p> <p>3. Phân tích một hoạt động từ một trang web và cách thay đổi cho phù hợp với mục đích sử dụng</p> <p>4. Thực hành sử dụng các trang web này</p>	6 tiết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài giảng của giáo viên</li> <li>- Thực hành:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một kỹ năng ngôn ngữ)</li> <li>+ Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập thực hành được giao</li> <li>+ Nhận xét của các nhóm khác</li> <li>+ Đánh giá và góp ý của giảng viên</li> </ul> </li> </ul>
<p><b>Chương 2. Tìm hiểu và thực hành giảng dạy giáo trình Solutions</b></p> <p><b>1. Tìm hiểu giáo trình Solutions</b></p> <p>2.1.1. Các đặc điểm của giáo trình</p> <p>2.1.2. Cấu trúc của một đơn vị bài học (unit)</p> <p>2.1.3. Cấu trúc của một bài (lesson) dạy ngữ liệu</p> <p>2.1.4. Cấu trúc của một bài phát triển kỹ năng ngôn ngữ</p> <p><b>3. Thực hành giảng dạy giáo trình Solutions</b></p>	10 tiết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</li> <li>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</li> <li>- Thực hành:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một kỹ năng ngôn ngữ)</li> <li>+ Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập thực hành được giao</li> </ul> </li> <li>+ Nhận xét của các nhóm khác</li> <li>+ Đánh giá và góp ý của giảng viên</li> </ul>
<p><b>Chương 3. Tìm hiểu và thực hành giảng dạy giáo trình New English File</b></p> <p><b>1. Tìm hiểu giáo trình New English File</b></p> <p>2.1.1. Các đặc điểm của giáo trình</p> <p>2.1.2. Cấu trúc của một đơn vị bài học (unit)</p> <p>2.1.3. Cấu trúc của một bài (lesson) dạy ngữ liệu</p> <p>2.1.4. Cấu trúc của một bài phát triển kỹ năng ngôn ngữ</p> <p><b>3. Thực hành giảng dạy giáo trình New English File</b></p>	8 tiết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học</li> <li>- Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</li> <li>- Thực hành:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân chia nhóm và giao bài</li> </ul> </li> </ul>

		(mỗi nhóm chịu trách nhiệm một kỹ năng ngôn ngữ) + Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập thực hành được giao + Nhận xét của các nhóm khác + Đánh giá và góp ý của giảng viên
<b>Dự trữ và ôn tập</b>	1 tiết	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính

- 1) Vũ Thị Lan. (2006). *Language Teaching Methodology for Secondary School*. Saigon University.
- 2) Reading brick (2009) – Internal material compiled by Vũ Thị Lan.
- 3) www.teachingenglish.edu.vn
- 4) Falla, T. & A Davies, P. (2009). *Solutions- Intermediate*. OUP
- 5) Oxenden, C. & Latham-Koenig, C. (2008). *New English File- Intermediate*. OUP

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi cuối học phần
- 7.3. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm quá trình: hệ số 0.9
    - Thực hành 1: hệ số 0.3
    - Thực hành 2: hệ số 0.6
- 7.4. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.3

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Bùi Thị Phương Dung

**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH THCS 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng giảng dạy tiếng anh THCS 1
- Mã học phần: 813323
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Lý luận dạy học tiếng Anh 1 (813313)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phục trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần:**

Ôn lại các kiến thức đã học về phương hướng biên soạn và đặc điểm cấu trúc của sách giáo khoa Tiếng Anh 6,7,8,9. Thực hành soạn giáo án và tiến hành lên lớp một tiết hoàn chỉnh của một bài trong sách giáo khoa Tiếng Anh 6,7,8,9. Tìm hiểu và thực hành soạn 1 tiết giáo án điện tử.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1 Về kiến thức:

- Tìm hiểu sách giáo khoa Tiếng Anh 6,7,8,9 (ôn tập)
- Phương hướng biên soạn sách giáo khoa Tiếng Anh 6,7,8,9
- Đặc điểm cấu trúc sách giáo khoa Tiếng Anh 6,7,8,9
- Đặc điểm cấu trúc một đơn vị bài học (unit) sách giáo khoa Tiếng Anh 6,7,8,9
- Giáo án điện tử
- Cấu trúc của một giáo án điện tử
- Hiệu quả của việc sử dụng giáo án điện tử (ưu & khuyết điểm)
- Những điều cần lưu ý khi soạn giáo án điện tử

4.2 Về kỹ năng:

- Soạn giáo án và tiến hành lên lớp một tiết hoàn chỉnh của một bài (lesson) trong sách giáo khoa Tiếng Anh 6,7,8,9
- Soạn giáo án điện tử và tiến hành một tiết lên lớp với giáo án điện tử

### 4.3 Về thái độ

Người học nhận thức được các yêu cầu công việc của nghề nghiệp, qua đó giáo dục thái độ, nhận thức đúng đắn về vai trò và chức năng của người thầy trong xã hội. Điều này giúp người học xác định được mục tiêu phấn đấu cũng như tạo động lực thúc đẩy trong việc học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Đặc điểm sách Tiếng Anh 6,7,8, 9 (ôn)</b> 1. Phương hướng biên soạn 2. Cấu trúc sách 3. Cấu trúc một đơn vị bài học (unit) 4. Cấu trúc một phần (section) trong một đơn vị bài học	3	- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi ôn tập - Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng
<b>Chương 2. Soạn giáo án (Lesson planning)</b> <b>1. Các chi tiết cần xác định trước khi soạn giáo án</b> 1.1 Đối tượng của bài giảng 1.2. Mục tiêu của bài giảng (kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ, bài học giáo dục và giáo dưỡng) 1.3. Trọng tâm ngôn ngữ của bài giảng <b>2. Thiết kế một giáo án</b> 2.1. Các phần của một giáo án và những chi tiết trong mỗi phần 2.2. Lựa chọn tiến trình bài giảng cho giáo án 2.3. Lựa chọn hoạt động cho từng bước của tiến trình bài giảng từ sách giáo khoa 2.4. Thiết kế hoạt động còn thiếu/ Thay đổi hoạt động trong sách cho phù hợp hơn với mục đích sử dụng 2.5. Dự trù thời gian cho mỗi hoạt động (timing) 2.6. Thiết kế giáo cụ cho bài giảng <b>3. Thực hành thiết kế giáo án</b>	6	- Thảo luận / Thuyết trình nhóm các câu hỏi tìm hiểu bài do giảng viên biên soạn giúp sinh viên hiểu rõ nội dung bài học - Giảng viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng - Thực hành: + Phân chia nhóm và giao bài (mỗi nhóm chịu trách nhiệm một kỹ năng ngôn ngữ) + Mỗi nhóm thuyết trình phần bài tập thực hành được giao + Nhận xét của các nhóm khác + Đánh giá và góp ý của giảng viên
<b>Chương 3. Giảng tập</b> 1. Phân chia nhóm và giao bài chuẩn bị tập giảng: số lượng nhóm và số lượng thành viên trong nhóm phụ thuộc vào tình hình cụ thể của từng lớp, nội dung bài chuẩn bị được cập nhật	21	

theo từng học phần để tránh lặp lại nội dung, tránh hiện tượng sao chép 2. Soạn giáo án theo nhóm: tìm hiểu cấu trúc một bài (unit), cách giới thiệu ngữ liệu và phát triển kỹ năng ngôn ngữ trong bài, xác định mục tiêu và trọng tâm ngôn ngữ của mỗi đơn vị bài học, bố trí các hoạt động trong sách cho từng bước lên lớp, thiết kế và tiến hành một hoạt động giao tiếp cho một đơn vị bài học cụ thể 3. Tập giảng cá nhân: dựa trên giáo án đã được soạn thảo trong nhóm, chuẩn bị và sử dụng các phương tiện và dụng cụ giảng dạy cơ bản		
<b>Chương 4. Thiết kế giáo án điện tử</b>		
1. Cấu trúc của một giáo án điện tử	12	- Bài giảng của giáo viên - Thực hành: (xem chương 2)
2. Hiệu quả của việc sử dụng giáo án điện tử		
3. Những điều cần lưu ý khi thiết kế giáo án điện tử		
4. Thực hành thiết kế và giảng tập với giáo án điện tử		
<b>Dự trữ và ôn tập</b>	3	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính

- 1) Vũ Thị Lan. *Language Teaching Methodology for Secondary School*. Saigon University. 2006.
- 2) Doff, A. *Teach English: Trainer's handbook*. New York. CUP. 1988.
- 3) Harmer, J. *How to Teach English – An Introduction to the Practice of English Language Teaching*. Essex. Longman. 1998.
- 4) Harmer, J. *The Practice of English Language Teaching*. England. Longman. 2001.

### 6.2 Tài liệu khác

- 5) Hoàng Văn Vân (Chủ biên) và nhóm tác giả. *Tiếng Anh 10, 11*. Nhà xuất bản Giáo Dục. 2006.
- 6) Hoàng Văn Vân (Chủ biên) và nhóm tác giả. *Hướng dẫn thực hiện thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 12 môn Tiếng Anh*. Nhà xuất bản Giáo dục. 2008.

**7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Thị Thu Vân



**HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH THCS 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh THCS 2
- Mã học phần: 813324
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Kỹ năng giảng dạy TA THCS 1 (813323)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phục trách giảng dạy:** Tiếng Anh chuyên

**3. Mô tả học phần:**

- Ôn lại các kiến thức đã học về phương hướng biên soạn và đặc điểm cấu trúc của sách giáo khoa Tiếng Anh 6,7,8,9.
- Tìm hiểu về phương hướng biên soạn, cấu trúc, và cách thực hiện sách giáo khoa Tiếng Anh 6,7,8,9 bộ mới.
- Thực hành soạn giáo án và tiến hành lên lớp một tiết hoàn chỉnh của một bài trong sách giáo khoa Tiếng Anh 6,7,8,9 bộ mới.
- Ôn lại các kiến thức về kiểm tra, đánh giá quá trình giảng dạy trong trường THCS và thực hành biên soạn bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1 Về kiến thức:**

- củng cố kiến thức về phương hướng biên soạn và đặc điểm cấu trúc của sách giáo khoa Tiếng Anh (cơ bản và nâng cao) 10, 11, 12
- củng cố kiến thức về kiểm tra, đánh giá trong trường THPT

**4.2 Về kĩ năng:**

- Thực hành soạn giáo án
- Tiến hành lên lớp một tiết hoàn chỉnh của một bài trong sách giáo khoa nâng cao Tiếng Anh 10, 11, 12
- Thực hành biên soạn bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ

### 4.3 Về thái độ

Người học nhận thức được các yêu cầu công việc của nghề nghiệp, qua đó giáo dục thái độ, nhận thức đúng đắn về vai trò và chức năng của người thầy trong xã hội. Điều này giúp người học xác định được mục tiêu phấn đấu cũng như tạo động lực thúc đẩy trong việc học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Lesson Planning - Review</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm các câu hỏi do giáo viên biên soạn giúp sinh viên ôn lại các kiến thức đã học</li> <li>- Giáo viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</li> </ul>
<b>1. Objectives</b>		
4.1. Language objectives		
4.2. Knowledge objectives		
4.3. Behavior formation		
5. Language focus		
5.1. Vocabulary & functional language		
5.2. Grammar		
<b>6. Procedures</b>		
6.1. Teaching steps		
6.2. Timing		
6.3. Activities for teaching steps		
<b>Chương 2. The approach and structure of Tiếng Anh 6,7, 8, 9 (regular) - Review</b>		
<b>1. The approach</b>		
1.1.3. The theme-based approach		
1.1.4. Its implication in Tiếng Anh 6,7, 8, 9		
<b>2. The structure of Tiếng Anh 6,7, 8, 9</b>		
2.1. The structure of the books		
2.2. The structure of a unit in the books		
<b>Chương 3. A comparison between the two sets of Tiếng Anh textbooks for grades 6,7, 8, 9</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm các câu hỏi do giáo viên biên soạn giúp sinh viên tìm hiểu nội dung bài</li> <li>- Giáo viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</li> </ul>
<b>1. Approach and structure</b>		
5.1. Approach		
5.2. Structure of the textbook		
5.3. Structure of a unit		
<b>2. Contents</b>		
2.1. Topics		
2.2. Language materials		
2.3. Language skills		
<b>Chương 4. Practice of designing and carrying out a lesson in Tiếng Anh 6,7, 8, 9 (Intensive programme)</b>	24	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân chia nhóm và giao bài chuẩn bị tập giảng</li> <li>- Soạn giáo án theo nhóm: tìm hiểu cấu trúc một bài (unit),</li> </ul>
1. Students work in groups, designing a lesson		

<p>plan for a specific lesson in the textbooks. (project done at home)</p> <p>6. Each group introduces the objectives, language materials, language skills in their lesson.</p> <p>7. They then carry out the lesson.</p> <p>8. Other groups give feedback based on the criteria in the classroom performance assessment</p> <p>9. Teacher gives his/her commends and assessment.</p>		<p>cách giới thiệu ngữ liệu và phát triển kỹ năng ngôn ngữ trong bài, xác định mục tiêu và trọng tâm ngôn ngữ của mỗi đơn vị bài học, bố trí các hoạt động trong sách cho từng bước lên lớp, thiết kế và tiến hành một hoạt động giao tiếp cho một đơn vị bài học cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập giảng cá nhân: dựa trên giáo án đã được soạn thảo trong nhóm, chuẩn bị và sử dụng các phương tiện và dụng cụ giảng dạy phù hợp (giáo án cơ bản hoặc giáo án điện tử)</li> <li>- Thảo luận nhóm để đánh giá tiết tập giảng</li> <li>- Phản hồi của các nhóm khác</li> <li>- Đánh giá và góp ý của giảng viên</li> </ul>
<p><b>Chương 5. Testing and assessment – Theory Review</b></p> <p><b>1. The effect of testing and assessment on teaching and learning</b></p> <p>6.5. The effect of testing and assessment on teaching</p> <p>6.6. The effect of testing and assessment on learning</p> <p><b>7. Types of assessment</b></p> <p>5.1. Periodical assessment</p> <p>5.2. Continuous assessment</p> <p><b>8. Types of tests</b></p> <p>8.1. Achievement tests</p> <p>8.2. Proficiency tests</p> <p>8.3. Aptitude tests</p> <p>8.4. Diagnostic tests</p> <p>8.5. Placement tests</p> <p><b>9. Criteria of tests</b></p> <p>9.1. Validity</p> <p>9.2. Reliability</p> <p>9.3. Discrimination</p> <p><b>10. Interpreting test scores</b></p> <p><b>11. Suggested steps in designing tests</b></p> <p>11.1. Writing test specification</p> <p>11.2. Balancing the parts for different skills and</p>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm các câu hỏi do giáo viên biên soạn / Thuyết trình nhóm giúp sinh viên ôn lại các kiến thức đã học</li> <li>- Giáo viên tổng hợp câu trả lời, nhận xét và bổ sung để hình thành bài giảng</li> </ul>

language materials to create the format of the test		
11.3. Choosing the question types for each part		
11.4. Writing the instructions and test items for each part		
<b>Chương 6. Practice of designing tests</b> 1. Students work in groups, designing a test (15', 45', mid-term, or end-of-semester). (This is a project done at home, not in class) 6. Peer assessment on the tests, focusing on informative feedback 7. Students work in their group again, editing the test (at home or in class) 8. Students work in group, presenting their final submission. 9. Teacher gives his/her commends and assessment.	6	- Phân chia nhóm và giao bài - Thiết kế bài thực hành kiểm tra: tìm hiểu nội dung chủ đề, ngữ liệu và kỹ năng ngôn ngữ cần kiểm tra, xác định mục tiêu và trọng tâm ngôn ngữ của bài kiểm tra, thiết kế, bố trí và cân đối các thành phần cấu tạo trong bài kiểm tra - Thảo luận nhóm để kiểm tra chéo và đánh giá các bài thực hành của các nhóm khác - Biên tập lại bài thực hành của nhóm dựa trên các ý kiến phản hồi và trình bày chính thức trước lớp - Đánh giá và góp ý của giảng viên
<b>Back-up and review</b>	3	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Tài liệu chính

- 1) Vũ Thị Lan. (2006). *Language Teaching Methodology for Secondary School*. Saigon University.
- 2) Doff, A. (1988). *Teach English: Trainer's handbook*. New York. CUP.
- 3) Harmer, J. (1998). *How to Teach English – An Introduction to the Practice of English Language Teaching*. Essex. Longman.
- 4) Harmer, J. (2001). *The Practice of English Language Teaching*. England. Longman.

### 6.2 Tài liệu khác

- 5) Heaton, J.B. (1990). *Writing English Language Tests*. New York. Longman.
- 6) Hughes, A. (1989). *Testing for Language Teachers*. New York. Longman.
- 7) Hoàng Văn Vân (Chủ biên) và nhóm tác giả. (2006). *Tiếng Anh 12*. Nhà xuất bản Giáo Dục.
- 8) Hoàng Văn Vân (Chủ biên) và nhóm tác giả. (2008). *Hướng dẫn thực hiện thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 12 môn Tiếng Anh*. Nhà xuất bản Giáo dục.

9) Tứ Anh (Tổng chủ biên) và nhóm tác giả. (2006, 2007, 2008) *Tiếng Anh 10, 11, 12 Nâng cao – sách giáo khoa và sách giáo viên*. Nhà xuất bản Giáo dục.

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
- Điểm chuyên cần: Hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: Hệ số 0.3
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): Hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

ThS. Trần Ngọc Mai

TS. Trần Thế Phi

ThS. Nguyễn Thị Thu Vân